

Văn nghệ

Thái Nguyên

CƠ QUAN CỦA ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH THÁI NGUYÊN
ẤN PHẨM CỦA BÁO VÀ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH THÁI NGUYÊN



RA NGÀY 25 THÁNG 7
NĂM 2025

KÝ ỨC

thời hoa lửa





Cá Hải quân. Ảnh: KIM KHOA

Văn nghệ Thái Nguyên

CƠ QUAN CỦA BAN TỔ CHỨC CÔNG SÁO VÀ PHAT THANH, TRUYỀN HÌNH THÁI NGUYÊN

BẢN NIỆM 12/2025

KÝ ỨC
Thời hoa lửa



Bìa 1: Ngược chiều lửa
Sơn dầu: 86cmx146cm
NGUYỄN LỘC - 2025

Với sự tham gia của:

- Nhà văn NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG
 - Nhà văn HỒ THỦY GIANG
 - Nhà thơ NGUYỄN HỮU QUÝ
 - Nhà thơ NGUYỄN THÚY QUỲNH
 - Nhà báo PHAN HỮU MINH
 - Họa sĩ NGUYỄN GIA BẢY
- cùng các tác giả khác...

Văn nghệ Thái Nguyên

Ấn phẩm của Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên

■ GPXB số 72/GP-BTTTT của Bộ TTTT, cấp ngày 1/2/2021

■ Tổng Biên tập:

NGUYỄN THỊ VŨ ANH

■ Phó Tổng Biên tập phụ trách:

NGUYỄN NGỌC SƠN

■ Điện thoại:

0913068624, 0912039880, 0208.3859666

■ Email:

anphamvannghehainguyen@gmail.com

■ In tại Nhà in

Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên

■ Giá: 25.000 đồng

Văn nghệ Thái Nguyên

Phát hành ngày mùng 10 và 25 hằng tháng

Đọc Văn nghệ Thái Nguyên trên báo điện tử: <https://baohainguyen.vn>

Hành trình ký ức và tri ân

Ấn phẩm Văn nghệ Thái Nguyên số 02 tháng 7/2025 với chủ đề “Đền ơn đáp nghĩa” là một hành trình tri ân bằng con chữ nơi quá khứ chiến tranh, hiện tại gìn giữ và tương lai tiếp nối cùng hội tụ.

Mở đầu là tiểu luận của nhà văn Nguyễn Bình Phương khái quát diện mạo văn học về chiến tranh cách mạng và lực lượng vũ trang nửa thế kỷ qua, khẳng định tầm vóc nhân vật “anh Bộ đội Cụ Hồ” như một biểu tượng sống động và sâu sắc trong văn học Việt Nam. Các bài viết của Phan Hữu Minh, Phạm Ngọc Chuẩn, Hà Thanh Vân... lần lượt tái hiện những lát cắt chân thực: Từ ký ức oanh liệt của Đội TNXP 913, chiều sâu nội tâm của “Đặng Thùy Trâm và cuốn nhật ký thứ ba”, mở ra một không gian cảm xúc, nơi tâm hồn nữ bác sĩ đầy nghị lực và nhân ái được khắc họa tinh tế, như lời thì thầm của lịch sử nối dài qua các thế hệ, đến cuộc hầu chuyện Đại tá Kim Sơn, người lính Trung đội Phạm Hồng Thái năm nay gần trăm tuổi - như một nhân chứng sống cho ký ức cách mạng từ Lán Than nơi sườn Đông Tam Đảo những năm kháng Nhật cứu quốc.

Ở một nhịp cảm xúc khác, “Đám Lá Tối Trời” của Phan Hoàng đưa người đọc trở về không gian rừng U Minh - nơi huyền thoại kháng chiến hòa cùng chất liệu văn hóa dân gian - bí tráng và ám ảnh. Và trong lặng lẽ của “Sau những mùa bjoóc mạ”, truyện ngắn của Bùi Thị Như Lan như lời thủ thỉ của những người đàn bà ở lại - đền ơn đáp nghĩa, đôi khi đơn giản là sống trọn một đời để chờ đợi và gìn giữ.

Chủ đề cũng ghi lại tiếng nói của các văn nghệ sĩ Thái Nguyên từng trực tiếp chiến đấu qua các tác giả Trần Cầu, Khánh Hạ, Phạm Đình Chiến, Phan Thái, Đình Hữu Hoan, Phan Trọng Ngọc mang theo trong tim ngọn lửa không tắt của những năm tháng chiến tranh, để viết, để kể, để tri ân và gìn giữ ký ức - như một cách sống tiếp với đồng đội, một lời nhắc nhở với hậu thế hôm nay.

Không dừng lại ở đó, Văn nghệ Thái Nguyên còn gửi gắm những trang thơ do nhà thơ Nguyễn Thúy Quỳnh lựa chọn - là khúc tưởng niệm lặng sâu và thiết tha về những con người đã sống - chiến đấu - hy sinh vì đất nước. Trang thơ mở ra một không gian hoài niệm, tri ân và lay thức tâm hồn - nơi quá khứ không ngủ yên mà lặng lẽ soi chiếu vào hôm nay bằng ánh sáng của sự hy sinh và phẩm giá. Bên cạnh đó, ấn phẩm còn mở rộng không gian với bút ký về xứ chèo, các tiểu luận về người lính, văn học thiếu nhi và chuyên mục Góc nhìn trẻ - nơi giới trẻ đối thoại thẳng thắn trách nhiệm đối với tương lai.

Thêm vào đó, chuyên mục “Chân dung văn nghệ sĩ” với bài viết của Hồ Thủy Giang về nhà văn Vi Hồng càng làm tăng giá trị nhân văn, khắc họa chân dung nhân vật chính của câu chuyện - người mà đã dành trọn cuộc đời mình cho văn học các dân tộc thiểu số vùng Việt Bắc.

Ngoài ra, ấn phẩm còn nhiều bài viết chuyên sâu, ấn tượng và chuyên mục hấp dẫn khác. Ấn phẩm là lời tri ân bằng văn chương - sâu sắc, lặng lẽ mà lan tỏa - khẳng định đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” bằng một hành động cụ thể: viết để nhớ, để hiểu và để sống có trách nhiệm hơn với hôm nay.

BAN BIÊN TẬP

Địa chỉ đỏ dưới chân Tam Đảo

TRANG 8



Chèo Thái và ký ức tôi...

TRANG 10



Sau những mùa bjoóc mạ

TRANG 16



Vi Hồng những điều tôi biết

TRANG 30



Người trẻ Thái Nguyên và văn hóa uống trà tinh tế

TRANG 32



Diện mạo văn học đề tài Lực lượng vũ trang và Chiến tranh cách mạng trong dòng chảy văn học Việt Nam nửa thế kỷ qua



NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG

Nhắc đến thành tựu văn học là nhắc đến vai trò của sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học đó. Và nhắc đến thành quả mà đội ngũ nhà văn trong quân đội đạt được trong nửa thế kỷ qua, kể từ ngày đất nước thống nhất, thì không thể không nhắc đến vai trò tối quan trọng của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Bằng tầm nhìn xa, nhìn rộng, bằng sự thấu hiểu bản chất cũng như vai trò, giá trị của văn học, Tổng cục Chính trị đã định hướng cho các nhà văn trong quân ngũ, giúp họ chọn được chỗ đứng đặc địa nhất từ đó phát huy tối đa tài năng sáng tạo của mình để cống hiến cho Tổ quốc. Những tác phẩm của họ đạt chất lượng nghệ thuật cao, đủ sức vượt qua sự sàng lọc khắc nghiệt của thời gian để trở thành kinh điển, đặt nền tảng vững chắc cho sự phát triển văn học Việt Nam ở các giai đoạn tiếp theo.

Văn học viết về đề tài Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang, trong nửa thế kỷ qua thực sự là một mạch chủ đạo và đạt nhiều thành tựu. Kết quả đó là sự kết tinh nhiều yếu tố, từ tài năng, tâm huyết của đội ngũ sáng tác, tới công tác quảng bá, tuyên truyền, lan tỏa các tác phẩm đến với công chúng, bạn đọc. Trong khuôn khổ các hoạt động trọng điểm về văn học suốt 50 năm qua, kể từ ngày thống nhất đất nước, với nhiều hình thức sinh động, hợp lý, như mở trại sáng tác, chương trình đầu tư đặt hàng tác phẩm, tổ chức các cuộc thi, các cuộc vận động sáng tác theo chủ đề, cũng như các hội thảo và quảng bá... đã thực sự tạo đà giúp lực lượng nhà văn cho ra đời nhiều tác phẩm có chất lượng. Và các tác phẩm ấy góp phần làm phong phú, làm đặc sắc thêm cho nền văn học Việt Nam, trong đó có mảng đề tài về Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang. Quan sát một cách tổng thể, ta thấy, chưa bao giờ văn học viết về Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang lại dày dặn, lại đa dạng đến mức đặc sắc như từ sau 1975 đến nay. Thành công ấy có được bởi nhiều yếu tố, nhưng phần cốt lõi chính là sự chín muồi về tài năng, về sự thấm thấu hiện thực, về nhận thức của các tác giả trực tiếp tham gia chiến đấu, tham gia quân ngũ, hoặc đang trong quân ngũ. Còn một phần đáng kể nữa, cũng là do tinh thần cởi mở trong hệ thống chính trị và điều kiện xã hội. Không thể phủ định được rằng lực lượng nhà văn quân đội đóng vai trò hết sức quan trọng trong mảng đề tài Chiến tranh



Một số tác phẩm Văn học về đề tài Lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng.

cách mạng và Lực lượng vũ trang, vì đây chính là nhiệm vụ quan trọng nhất của họ. Tuy nhiên, đáng mừng hơn, đó là văn học viết về Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang không chỉ dừng lại ở thế hệ các nhà văn trực tiếp tham gia, trực tiếp trải qua, mà đã có những lớp nhà văn không qua chiến tranh cũng đam mê viết về đề tài này. Như thế, đồng nghĩa với việc viết về Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang không chỉ dừng lại là trả nợ ký ức, không phải chỉ dừng lại ở phản ánh, trình bày những trải nghiệm thực tế của người trong cuộc, mà đã tiến xa hơn, trở thành một đề tài hiển nhiên như mọi đề tài chiêm nghiệm nhân sinh khác mà mọi thế hệ nhà văn quan tâm.

Nhìn từ góc độ vận động xã hội, chúng ta sẽ phần nào thấy rõ hơn giá trị của mảng đề tài này khi nó kiên trì, kiên định theo mạch riêng không bị đứt đoạn. Sau 1975 là thời kỳ đất nước bước vào giai đoạn phức tạp, đa dạng với những tình thế cả trong vận động xã hội lẫn trong nhận thức cá thể. Một đẳng là đà quay tiếp của chiến tranh ẩn tàng trong những khó khăn vật chất vì bị tàn phá quá nặng nề, cùng với những ám ảnh tinh thần, một đẳng là sự phân tán mục tiêu của cộng đồng dẫn đến những thay đổi, thậm chí là những rạn nứt về quan niệm, nhận thức

phía bên trong mỗi cá thể. Trước tình thế đó, với thiên lương của mình, văn học sau ngày thống nhất đất nước, vừa cần mẫn vá lại những vết thương, những rách nát của con người, vừa nghiêm túc mổ xẻ bản chất của chiến tranh để tìm ra bài học kinh nghiệm, lại vừa dịu con người lẫn hồi tiến về phía trước bằng ánh sáng của tinh thần lạc quan. Trong sự phát triển ồ ạt của văn học với các trào lưu, các xu hướng hết sức đa dạng, phong phú đó, văn học viết về đề tài Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang vẫn tiếp tục mạch chảy xuyên suốt với vai trò là một trong những mạch văn học chủ lưu, và trên thực tế đó là mạch có nhiều thành tựu nổi trội nhất.

Nếu phân chia ra theo khu vực và giai đoạn chúng ta sẽ nhận ra có sự khác biệt. Trước tháng 4 năm 1975, văn học về Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang tập trung vào sự khích lệ trực tiếp người cầm súng đi tới mục tiêu duy nhất là thống nhất Tổ quốc, và nó trở thành vũ khí chiến trận thực sự. Những tác phẩm giai đoạn này mạnh ở sự giàu cảm xúc và cảm hứng khơi

CÙNG QUAN TÂM

gợi tình thần lạc quan, gia cố lòng quả cảm trong chiến đấu cho toàn quân, toàn dân. Sau 1975, đặc biệt những năm gần đây, chiến tranh được nhìn nhận bình tĩnh hơn, đa chiều hơn, tính chất của nó xê, nghiêng ngả, phân tích gia tăng vì thế tạo ra giá trị riêng, giá trị ấy nằm trên nền tảng của sự khách quan, tỉnh táo mà người viết cần phải có. Vì thế, ta sẽ thấy văn học về Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang không chỉ tụng ca người chiến thắng mà còn nói tới những hy sinh, tổn thất của người chiến thắng. Ta sẽ thấy kẻ thù không phải những kẻ quá hèn nhát, quá xuẩn ngốc hay đơn giản, mà cũng hết sức mưu lược, phức tạp, có trí tuệ, có lý tưởng riêng. Chính sự nhìn nhận mang tính khách quan này cho chúng ta thấu hiểu chiều sâu của chiến tranh, qua đó thấm thía hơn, trân trọng hơn giá trị của chiến thắng và sự thống nhất, vẹn toàn Tổ quốc. Nói một cách thật cụ thể, thì văn học Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang đã minh định tính chính nghĩa không thể tranh cãi về những cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, hơn thế, đã đưa những cuộc chiến tranh ấy trở thành trang sử bất hoại trong hành trình dựng nước và giữ nước của người Việt.

Khi nói tới vấn đề trung tâm, hiển nhiên phải nói tới nhân vật trung tâm. Vấn đề trung tâm là Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang thì kéo theo đó nhân vật trung tâm không ngoài ai khác, phải là chính anh Bộ đội Cụ Hồ.

Văn học sau 1975 viết về Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang vẫn tiếp tục lấy nhân vật trung tâm là người chiến sĩ làm điểm quy tụ. Tuy nhiên nhân vật người lính trong những năm gần đây không còn được đẩy lên thành “độc sáng” một chiều theo kiểu thần thánh như giai đoạn trước năm 1975, mà toả sáng bình dị trong tương quan với các mối quan hệ xung quanh bởi được soi chiếu ở nhiều khía cạnh khác nhau với nhiều trạng thái tâm lý, tình cảm khác nhau. Điều này không đồng nghĩa với việc giải thiêng anh Bộ đội Cụ Hồ, trái lại còn làm cho Bộ đội Cụ Hồ trở nên sống động hơn, phong phú hơn, sâu sắc và chân thực hơn. Có thể ra một số tác phẩm như: Ba lần và một lần, Ăn mày dĩ vãng của Chu Lai, Đỉnh máu, Thượng Đức của Nguyễn Bảo, Sông cạn của Dũng Hà, Đất trắng của Nguyễn Trọng Oánh, Đối chiến, Những bức tường lửa của Khuất Quang Thụy, Đường tới thành phố, Trường ca biển, Giao hưởng Điện Biên của Hữu Thịnh, Chim én bay, Bất chợt mai vàng của Nguyễn Trí Huân, Chạm vào ký ức của Vũ Thị Hồng, Nỗi buồn chiến tranh của Bảo Ninh, Bến không chồng của Dương Hương, Mùa hè giá buốt của Văn Lê,

Lính tăng của Nguyễn Bắc Sơn, Miền xa thăm của Phạm Hoa, Trường ca sư đoàn và Mở bàn tay gấp núi của Nguyễn Đức Mậu, Đổ bóng xuống mặt trời của Trần Anh Thái, Chiến tranh mang khuôn mặt phụ nữ của Phạm Hồ Thu, Lính Hà truyện của Nguyễn Ngọc Tiến, Tiếng vọng đèo Khau Chia hồi ức của Nguyễn Thái Long, Từ biên giới Tây Nam đến đất chùa tháp tiểu thuyết của Trần Ngọc Phú, Rừng khộp mùa thay lá truyện của Nguyễn Vũ Diễm, Mùa chinh chiến ấy tiểu thuyết của Đoàn Tuấn, Chuyện lính Tây Nam truyện của Trung Sỹ, Đất K truyện của Bùi Quang Lâm... Có thể khẳng định, từ nửa cuối thế kỷ 20 đến nửa đầu thế kỷ 21 này, anh Bộ đội Cụ Hồ là nhân vật trung tâm thành công nhất của văn học Việt Nam. Đây là nhân vật hàm chứa không chỉ khí phách, số phận của một giai đoạn, một thời đại, mà còn hàm chứa trong ấy cả phẩm tính truyền thống cốt lõi người Việt với các đặc điểm căn bản: Trí tuệ, lòng quả cảm, sự trung tín và lối ứng xử tình nghĩa. Anh Bộ đội Cụ Hồ đã trở thành nhân vật tiêu biểu và đứng vào hệ thống các mẫu hình nhân vật tiêu biểu nhất của lịch sử xã hội Việt Nam từ trước tới nay. Như thế cũng có nghĩa, quân đội không chỉ đóng góp vào lịch sử oai hùng của dân tộc bằng truyền thống bách chiến bách thắng, mà còn thông qua văn học nghệ thuật, trong đó có văn học của các nhà văn quân đội, đã đóng góp vào sự phát triển của văn hóa Việt Nam nói chung.

Một điểm quan trọng, đó là văn học viết về đề tài Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang, ở khía cạnh nghệ thuật biểu hiện, có những nét mới so với từng giai đoạn cụ thể, như giai đoạn trước 1975 có nét khác so với giai đoạn văn học chống Pháp và giai đoạn sau 1975 khác với trước 1975, rồi sau Đổi mới có khác với sau 1975. Sự khác nhau đó thể hiện ở bút pháp, hệ thẩm mỹ, nhận thức, quan điểm và hình thức biểu đạt. Có thể thấy sự phát triển cực kỳ mạnh mẽ, quyết liệt trong phương pháp sáng tác văn học sau 1975, đặc biệt từ Đổi mới đến nay qua hàng loạt các tác phẩm tạo hiệu ứng dư luận sâu rộng của Nguyễn Khải, Nguyễn Trọng Oánh, Nguyễn Minh Châu, Lê Lựu, Xuân Thiều, Chu Lai, Bảo Ninh, Hoàng Đình Quang, Trung Trung Đĩnh, Hữu Thịnh, Thi Hoàng, Lê Thành Nghị, Vương Trọng, Sương Nguyệt Minh... Ở khía cạnh này, một lần nữa chính các nhà văn quân đội đã cho thấy phẩm chất can đảm sáng tạo của người lính bằng việc hành động tiên phong trong việc đổi mới một cách táo bạo, đầy quyết đoán nhưng cũng đầy trách nhiệm trước nhu cầu đòi hỏi phát triển sáng tạo của văn học viết về đề tài Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang.

Nhìn lại văn học Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang từ 1975 đến nay, chúng ta không thể không tự hào về đội ngũ các nhà văn quân đội đầy tài năng, tâm đức và quả cảm. Giá trị cống hiến của đội ngũ ấy được ghi nhận qua việc hàng chục nhà văn được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật và hàng chục người được vinh dự đặt tên đường, tên phố.

Hiện nay, với các yêu cầu nhiệm vụ mới, vai trò, vị trí của lực lượng vũ trang cũng như hình ảnh và

phẩm chất của anh Bộ đội Cụ Hồ đã có những biến chuyển, vì thế đòi hỏi một cảm quan nghệ thuật mới phù hợp hơn để khắc họa cho chính xác. Và trên thực tế, đang hình thành một diện mạo văn học mới viết về đề tài Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang từ thế hệ các nhà văn trẻ trong quân đội và cả ngoài quân đội. Chỉ riêng ở mảng trường ca và thể loại ký văn học, ta đã thấy hàng loạt tác phẩm có chất lượng của các cây bút trẻ trưởng thành trong thời bình: Tâm tình lính biển nhắn với chim hải âu ký văn học của Nguyễn Mạnh Thường, Biên khu Việt Quế tiểu thuyết của Phạm Văn Anh, Tôi đi Trường Sa ký văn học của Đinh Phương, Sóng trầm biển dựng trường ca của Đoàn Văn Mật, Nước non mặt biển trường ca của Nguyễn Quang Hưng, Mùa tân binh của Ưông Triều, Trường Sa trong mắt trong ký văn học của Nguyễn Mạnh Hùng, Lòng tôi biên giới trường ca của Nguyễn Minh Cường, Khói biên phương tập truyện ngắn của Lê Quang Trang, Lặng yên sau cơn mưa tập truyện ngắn của Trần Thị Tú Ngọc, Ngang qua bình minh trường ca của Lữ Mai, Những vì sao biên giới của Nguyễn Xuân Thủy... Qua các sáng tác của các nhà văn trẻ tài năng, có thể thấy hình ảnh anh Bộ đội Cụ Hồ vẫn đang ở lại với vị trí là một trong những nhân vật trung tâm, nhưng ở ý thức nghệ thuật khác, cởi mở, đa chiều, phù hợp với tinh thần thời đại mới.

Tuy nhiên, càng ngày mạch văn học Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang càng phải đối diện với những thách thức của thời cuộc như sự phân tán của các vấn đề trung tâm trong xu thế vận động phát triển xã hội toàn diện, dẫn tới sự phân tán về các mẫu nhân vật trung tâm. Mặt khác, các nhà văn qua chiến tranh đã có tuổi, sức sáng tạo giảm sút, còn nhà văn trẻ vốn đã khan hiếm, lại bị hạn chế vốn sống, vốn trải nghiệm thực tế nên dẫn đến sự giảm sút, hẫng hụt đội ngũ sáng tác văn học trong quân ngũ. Đây là những thách thức lớn, rất căn bản.

Để mạch văn học về đề tài Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang được duy trì và phát triển, đòi hỏi cần nhiều sự quan tâm, đầu tư thích đáng mang tính chiến lược. Trong đó cần đến sự quy hoạch có chiều sâu và dài hạn trong việc chủ động đào tạo nguồn nhân lực sáng tác trong quân đội. Thứ hai, cần quan tâm tốt hơn nữa đến việc tạo điều kiện cho đội ngũ các nhà văn hiện đang trong quân ngũ, đặc biệt cần có cơ chế, chính sách đặc thù để họ phát huy được tài năng một cách triệt để nhất từ đó gắn bó lâu dài với quân đội. Thứ ba cần sự đầu tư nhất định trong việc quảng bá, phát hành và lan tỏa tác phẩm văn học Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang có giá trị tới công chúng, không chỉ trong quân đội mà ra với độc giả cả nước, và không chỉ với độc giả trong nước mà còn ở nước ngoài thông qua việc giới thiệu dịch và chủ động dịch. Khi giới thiệu một tác phẩm văn học có chất lượng về đề tài Chiến tranh cách mạng và Lực lượng vũ trang ra với độc giả quốc tế, cũng đồng nghĩa với việc quảng bá về sức mạnh truyền thống của Quân đội Nhân dân Việt Nam ■

Ký ức thời hoa lửa



PHẠM NGỌC CHUẨN

50 năm đất nước thống nhất, hố đau đạn bom thù đã hóa phố phường và màu xanh cây lá. Nhưng mỗi lần nhắc nhớ ngày đất nước kháng chiến toàn thắng, những cựu thanh niên xung phong Đại đội 913, Đội 91 Bắc Thái lại hoài niệm về ký ức của một thời hoa lửa. Cùng cả nước, các anh chị đã hiến dâng tuổi xuân mình cho đất nước trọn vẹn một niềm vui.

Những lần gặp lại nhau gần đây, tôi nhận ra cái nắm tay của các cựu thanh niên xung phong (TNXP) Đại đội 913 dành cho nhau không còn chắc khỏe, giọng nói cũng chậm rãi. Mặt nám, da mồi, họ nhìn nhau nhiều hơn bằng đôi mắt ngấn lệ - Họ đã lên thiên chức ông, bà.

913 là 1 trong 5 phiên hiệu của các đại đội trực thuộc Đội 91 Bắc Thái. Đội thành lập trong bối cảnh Đế quốc Mỹ cho không quân đánh phá ra miền Bắc. Tỉnh Bắc Thái nằm trong tầm đánh phá ác liệt của giặc trời. Nhiều nhà máy, công trường như Khu Gang thép Thái Nguyên, Nhà máy điện Cao Ngán, Ga Lương Sơn... bị vùi dập trong các trận bom thù.

Các tuyến đường tiếp vận ở Bắc Thái, đặc biệt các vị trí cầu Gia Bấy, phường Phan Đình Phùng; cầu Phà, phường Bắc Kạn và các đoạn tuyến trên Quốc lộ 1B trở thành trọng điểm máy bay Mỹ đánh phá ác liệt. Cấp trên giao cho Đại đội 913 nhiệm vụ bảo đảm thông tuyến cho các đoàn xe cơ giới chuyển quân lương tiếp tế cho chiến trường miền Nam.

Bà Trần Thị Học, Trưởng Ban liên lạc cựu TNXP Đại đội 913 nhớ lại: Chúng tôi đã làm việc bất chấp thời tiết, không quản ngày đêm, cả khi



Bà Trần Thị Học, Trưởng Ban liên lạc cựu TNXP Đại đội 913 (thứ 2 từ phải sang) cùng các cựu TNXP Đại đội 91 Bắc Thái.

“mưa bom” vừa dứt tiếng gào thét... Câu chuyện bà dành cho chúng tôi mộc mạc, song gợi sự liên tưởng về hình ảnh các chàng trai, cô gái trẻ trung, hồn nhiên của một thời không quân gian khổ, hy sinh. Bên hố bom đầy màu khói thuốc nổ đen ngòm, mùi chết chóc lờn vờn còn phảng phất đâu đó vẫn vang lên í ới tiếng của tuổi trẻ giục gọi nhau ra đường làm nhiệm vụ.

150 biên chế của Đại đội là từng ấy hoàn cảnh khác nhau. Các anh chị đến từ các vùng đất trên

thượng nguồn sông Cầu, sông Năng, nhiều nhất ở các xã Na Rì và xã Định Hóa. Nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, các anh chị lên đường, nhập vào đoàn quân xẻ núi, san đường, lấp hố bom, giúp bộ đội xây dựng trận địa đánh “giặc trời”. Bà Lương Thị Xếp nói vui: Nhờ đi TNXP, biên chế vào Đại đội 913 mà tôi lấy được ông Lý Duy Bình, hồi ấy 2 vợ chồng tôi ở cùng Đại đội.

Có rất nhiều tình yêu lứa đôi nảy nở như trường hợp vợ chồng bà Xếp, ông Bình. Đó là những tình yêu làm mềm lại nỗi đau chiến tranh. Và như một sự cổ vũ cho lớp lớp thanh niên hào hứng hơn khi ra mặt trận. Bà Nguyễn Thị Lý nói trong niềm tự hào: Tôi là một trong các thành viên đầu tiên của Đại đội 913, sau này đơn vị cử đi học y tá, rồi luân chuyển đến các Đại đội khác, song tôi biết Đại đội 913 được coi là đơn vị tiên phong của Đội TNXP 91. Nên kể từ ngày thành lập đến khi hoàn thành sứ mệnh lịch sử (1966 - 1975), Đại đội 913 luôn cơ động đến các vị trí trọng điểm trên tuyến đường ở các xã Na Rì, Ngần Sơn, Định Hóa, Linh Sơn, Đa Phúc... Đến đâu Đại đội cũng được nhân dân ủng hộ, giúp đỡ.



Các cựu TNXP Đại đội 91 Bắc Thái chia sẻ kinh nghiệm sử dụng mạng xã hội.

Dù phải thường xuyên dời chuyển đến địa điểm mới, nhưng trong những mải lán được dựng vội nép bên mé rừng luôn mang đây sức sống của tuổi trẻ. Bà Đặng Thị Tỵ cho biết: Hồi bấy giờ chúng tôi vừa phục vụ chiến đấu, vừa tăng gia sản xuất và học văn hóa. Ai nấy phấn chấn thi đua, khí thế lên cao, nhiều khi nghỉ giải lao trên công trường chúng tôi vạch chữ ra đất đổ nhau đọc. Ai không đọc được thì hát một bài. Cũng vì thế công trường luôn vang tiếng hát của tuổi trẻ. Cả người biết đọc rồi cũng hát để quên đi nhọc mệt.

“Tiếng hát át tiếng bom”. Người của một thời hoa lửa là thế. Vô tư nhưng sống có trách nhiệm. Chia sẻ với nhau lá thư nhà, nhường nhau bát cơm trắng và sẵn lòng hy sinh để bạn mình được sống. Cho đến bây giờ các thành viên Đại đội 913 còn nhớ nguyên trận bom giặc Mỹ đánh xuống trận địa tên lửa phòng không của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc được bố trí tại xã Trại Cau. Bom thù đã gây nhiều thương vong cho những người lính quốc tế đến giúp Việt Nam đánh Mỹ.

Chia sẻ với chúng tôi, bà Nguyễn Thị Tính nhớ lại: Hôm ấy, ngày 12/6/1967, Đại đội 913 đang làm nhiệm vụ tại cung đoạn mỏ sắt Trại Cau - Yên Thế. Chợt thấy một đoàn “giặc trời” gầm rú, bổ nhào đánh bom xuống trận địa pháo binh Trung Quốc. Vừa dứt tiếng bom, chúng tôi đã có mặt tại hiện trường để giúp đơn vị bạn khắc phục hậu quả. Cứu người là quan trọng, hàng chục TNXP thuộc Đại đội 913 và Đại đội 911 đã kịp thời có mặt ở trạm quân y để hiến máu cấp cứu. Đại đội 913 có các đồng chí: Dương Nghĩa Mị; Nguyễn Văn Hòa; Dương Văn Bình và nhiều đồng chí khác.

Càng gần ngày đất nước thống nhất, cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của Đế quốc Mỹ càng cam go ác liệt. Trận không kích phá hoại của “giặc trời” vào trận địa tên lửa của quân đội Trung Quốc chưa nguôi với đau thương, thì hơn 1 tháng sau, khi tham gia hỗ trợ bộ đội xây dựng Trạm ra địa tên lửa ở đèo Giàng, trên Quốc lộ 3, đồng chí Chiến và đồng chí Tân, đội viên của Đại đội đã hy sinh.

Gian khổ, ác liệt nhất là vào những tháng cuối năm 1972, trước khi Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt nam được ký kết tại Paris (Pháp, tháng 1-1973). Các tỉnh miền Bắc, trọng điểm bị máy bay địch đánh phá dữ dội là Hà Nội, Hải Phòng và Thái Nguyên. Nén cảm xúc, bà Đoàn Thị Sâm nói chậm rãi: Anh biết không, đó là những ngày tháng 7 năm 1972, trên giao nhiệm vụ cho Đại đội 913 đảm bảo giao thông trên tuyến đường 16A, từ xã Nam Hòa đến xã Trại Cau. Đó là khu vực tập kết kho bãi quân lương, phương tiện xe cơ giới, xe thiết giáp của các đơn vị quân đội. Chính vì thế khu vực này liên tục bị máy bay địch đánh phá. Trong các ngày



Bà Trần Thị Học, Trưởng Ban liên lạc cựu TNXP Đại đội 913 mong muốn vị trí 5 TNXP hy sinh ngày 29/12/1972 được dựng bia tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ.



Đường 16A năm xưa, nay là Quốc lộ 17 Thái Nguyên - Bắc Giang.

trung tuần tháng Bảy, ngày nào cũng mịt mù khói bom, 444 quả bom các loại đã trút xuống làm gần 50 người dân bị chết và bị thương.

Vừa đảm nhiệm thông tuyến cho các đoàn xe qua, Đại đội còn tham gia hỗ trợ cho nhân dân dựng lại nhà cửa, san lấp vườn bãi, nhanh chóng ổn định lại cuộc sống, sản xuất. Và “cao trào” của sự tàn khốc đạn bom thù trút xuống quê hương Thái Nguyên là những ngày đêm cuối cùng của năm 1972. Sau nhiều lần thám thính, quân đảo trên bầu trời, máy bay địch bắt đầu đánh bom ở quy mô hủy diệt diện rộng trên gần khắp vùng đất cửa ngõ của các tỉnh vùng Việt Bắc về Thủ đô Hà Nội. Nơi bộ đội ta cất giấu những kho hàng quân lương phục vụ chiến trường miền Nam. Nhiều loạt bom thù rơi trúng hầm chứa bốn xăng dầu của bộ đội, lửa bốc cháy dữ dội, đồng thời bom địch làm nhiều đoạn đường bị sạt lở. Bất chấp nguy hiểm, cán bộ, đội viên Đại đội 913 tích cực tham gia các hoạt động cứu hỏa, đồng thời bám đường làm tròn nhiệm vụ.

Sẽ thật có lỗi nếu không nhắc đến nỗi đau Noel năm 1972, trận bom B52 đêm ấy đã lấy đi tuổi trẻ của 60 đội viên TNXP Đại đội 915, nhiều người mới 16 tuổi, nhiều người viết dang dở lá thư, chưa kịp gửi về cho gia đình. Xót xa, từ Linh Sơn đêm ấy nhìn về hướng ga Lưu Xá với tiếng bom kinh hoàng cùng từng cột lửa dựng lên, bà Trần Thị Lịch không cầm được nước mắt: Sau khi bầu trời Thái Nguyên trở lại yên tĩnh, cũng là lúc nỗi đau đến cực điểm vì hung tin Đại đội bạn có một nửa quân số bị vùi trong đồng bệ tông cổ nát.

Thất lòng bởi tìm đồng đội. Chiếc nồi quân dụng dùng nấu cơm hằng ngày mang gom xương thịt bạn mình để khâu lại, tiễn đưa về nghĩa trang Dốc Lìm. Rồi nỗi đau ấy chưa kịp nguôi ngoai thì những trận bom thù từ trên trời vẫn rơi xuống mảnh đất quê hương. Bà Học còn nhớ như in trận bom định mệnh xảy ra vào buổi sáng 29-12. Bom trút xuống vị trí cán bộ, đội viên Đại đội 913 đang làm nhiệm vụ trên mặt đường 16A, đoạn qua xóm Ao Sen, xã Nam Hòa. Bom thù hủy hoại hơn 200m đường, làm 5 đội viên hy sinh tại chỗ là: Nông Thị Dầm, Nguyễn Thị Đặng cùng ở xã Định Hòa; Trần Thị Công, xã Phú Đình; Hoàng Thị Phấn, xã Bạch Thông; Lý Thị Hồng, xã Cẩm Giàng. 8 đội viên khác bị thương, nhiều đội viên bị sức ép của bom nằm mê mệt vì ngạt thở. Bà Học xúc động kể: Là y tá của Đại Đội tôi đã nhiều lần băng bó vết thương cho cán bộ, đội viên, nhưng trường hợp chị Đàm bị

mảnh bom cắm sâu vào lồng ngực, máu xối ra, tôi lấy 2 mũi dùi rịt vào nhưng vẫn không cầm được máu. Đằm rất tỉnh táo, em nắm lấy tay tôi, thều thào: Chị ơi, em không qua được đâu, đừng vì em, còn nhiều đồng đội đang đợi chị.

Tôi vội uống hộp trà để nén giấu xúc động. Các chị, những bông hoa của núi rừng Việt Bắc, mảnh mai như thế mà đối diện với cái chết nhẹ nhàng như một cuộc chia ly bình dị. Hơn thế, đó là đức tính nhẫn nại, lo lắng cho đồng đội mình bị mảnh bom phạt vào thân thể trong cùng trận đánh... Tuy bị thiệt hại nặng nề về người, nhưng nhiệm vụ đặt lên vai, hàng trăm xe, pháo đang chờ thông tuyến để lên đường, cả Đại đội đã nén đau thương thành hành động, khâu lại, mai táng tiễn biệt đồng đội hy sinh; đưa đồng đội bị thương vào bệnh viện cấp cứu rồi mau chóng trở lại nơi tiếng bom vừa ngớt để tập trung toàn lực san lấp hố bom, sửa chữa mặt đường, kịp thông xe khi trời vừa tối.

Cựu TNXP Lý Duy Bình phấn chấn: Đường thông, cả một đoàn mấy trăm xe cơ giới di chuyển rời khỏi khu vực ẩn nấp an toàn. Đến 22 giờ, bắt thành hình một tổp máy bay xuất hiện trên bầu trời, rồi hung hãn trút xuống đường 16A những tiếng nổ kinh hoàng. Khu lân cận của Đại đội bị bom phá tan hoang, nhưng do chủ động phòng tránh nên Đại đội không có ai bị thương.

Ngồi tràn trề, kể lại cho nhau nghe về một thời hoa lửa, nhiều cựu TNXP tự hào mình đã sống, chiến đấu như những người anh hùng. Tòai động viên: Xứng đáng lắm chứ. Dù các bác không trực tiếp vào chiến trường miền Nam đánh Mỹ, nhưng hằng ngày phải đối diện với gian khổ, hy sinh để những đoàn xe kịp thời mang quân lương tiếp tế vào mặt trận. Các bác - những người đứng trong đội ngũ TNXP đã đóng góp công sức cùng quân dân cả nước làm nên ngày đất nước đại thắng.

Nam - Bắc hai miền thống nhất. Đội TNXP 91 Bắc Thái hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Cũng như các đại đội khác, cán bộ, đội viên Đại đội 913 chuyển ngành, nhận nhiệm vụ mới, nhưng lòng trĩu nặng một niềm mong. Bà Học và nhiều cựu TNXP đã nắm lấy tay tôi lắc nhẹ, bảo: Nửa thế kỷ đất nước thống nhất, tất cả chúng tôi đã già, chỉ mong một ngày gần nhất, tại vị trí 5 đội viên của Đại đội 913 đã anh dũng hy sinh được dựng lên một tấm bia ghi dấu về một thời hoa lửa■

Địa chỉ đỏ dưới chân Tam Đảo

CHÍ CƯỜNG

Dưới chân núi Tam Đảo hùng vĩ, vùng đất thuộc các xã: Quân Chu, Vạn Phú, Đại Phúc và Đại Từ là địa chỉ đỏ tri ân những người có công với đất nước. Ở đó có Di tích 27-7 thờ phụng các anh hùng liệt sĩ. Cũng ở vùng đất này còn có an dưỡng đường dành cho người có công và thân nhân người có công với cách mạng qua các thời kỳ.

Tháng Bảy, mưa rả rích. Mưa từ núi Tam Đảo ùa về, rồi đi. Từng cơn mưa ào ạt, bất chợt gợi niềm tri ân sâu sắc trong tâm khảm bao người. Trong khuôn viên Di tích lịch sử 27-7, xóm Bàn Cờ, xã Đại Phúc, đứng dưới tán đa cổ kính, nghe mưa rơi lòng cảm nhận như văng vọng từ miền quá khứ từng câu chuyện của một thời đất nước gian lao. Nhất là ở giai đoạn những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, các xóm: Trại Ngò, Đồng Cháy, xóm Chòi, xóm Cao Chùa, xã Đại Từ được Chính phủ lựa chọn làm an dưỡng đường dành cho thương binh từ các mặt trận chuyển về.

Mới đó đã gần tám mươi năm, thời gian vô tình trôi, nhưng còn đọng lại trong lòng người những câu chuyện cảm động của tình người. Dù chưa một lần dựng thành phim ảnh, nhưng câu chuyện tình quân - dân sâu sắc ấy như khắc vào tâm trí các thế hệ người Việt Nam. Đậm nét đến mức khi nhắm mắt lại, nghe tiếng lá rơi mà cảm nhận như thấy người năm xưa với bước chân nhẹ nhàng cùng giọng nói làm mềm đi tiếng đạn bom. Bước chân và giọng nói ấy là của Hội mẹ chiến sĩ “Đón thương binh về làng” nuôi dưỡng trong những năm cuối thập niên bốn mươi của thế kỷ trước.

Hồi bấy giờ dưới chân núi Tam Đảo có 2 an dưỡng đường nuôi dưỡng thương binh. An dưỡng đường số 1 và An dưỡng đường số 2 cùng ở xã Đại Từ. Các An dưỡng đường gắn bó sâu sắc với những tên người địa phương. Ví như An dưỡng đường số 1 gắn với cụ Nguyễn Thị Dích (Bá Huy); An dưỡng đường số 2 gắn với tên cụ Đặng Văn Ấm.

Cụ Bá Huy và cụ Đặng Văn Ấm không chỉ là các gia đình giàu có nhất trong vùng về vật chất, mà còn giàu lòng nhân ái, yêu nước, tích cực ủng hộ, giúp đỡ bộ đội về tiền của, công sức. Cụ Bá Huy đã nhường hẳn ngôi nhà của gia đình đang ở cho Phòng Thương binh (Bộ Quốc phòng) làm việc. Thấy thương binh đông, không đủ chỗ ở, cụ bỏ tiền mua vật liệu và huy động bà con dựng mới 10 gian nhà gỗ, đồng thời mua sắm đầy đủ giường, chiếu, chăn, màn cho 50 thương binh ở điều dưỡng. Còn cụ Đặng Văn Ấm nhường 8 gian nhà cho An dưỡng đường có chỗ điều trị, chăm sóc thương binh.

Để bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần cho bộ đội



Đã có hàng trăm lượt phụ nữ là vợ liệt sĩ được an dưỡng tại Trung tâm Điều dưỡng người có công.

và thương binh, cụ Bá Huy hiến tặng cho An dưỡng đường 3 mẫu ruộng; 1 con trâu và 3 tấn thóc. Còn cụ Đặng Văn Ấm nhường toàn bộ khu trang trại đầm Tàu Voi cho bộ đội, thương binh trồng rau, cấy lúa và 4 con trâu. Vừa tích cực ủng hộ bộ đội, các cụ hằng hái vận động bà con trong vùng cùng tham gia giúp đỡ An dưỡng đường lương thực, thực phẩm, chăm sóc thương binh, bệnh binh và bộ đội đau ốm.

Nghĩa cử ân tình của các cụ Bá Huy và cụ Đặng Văn Ấm cùng người dân bên chân núi Tam Đảo đã giúp các An dưỡng đường với bớt khó khăn, có điều kiện tốt hơn để tổ chức chăm sóc sức khỏe cho thương binh, bệnh binh. Trong điều kiện đất nước còn khó khăn, hành động ấy hết sức có ý nghĩa, được Đảng, Nhà nước ghi nhận. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư khen cụ Bá Huy. Thư có đoạn viết: “... Anh em thương binh đã hy sinh xương máu để giữ gìn Tổ quốc. Bà đã hy sinh tiền của để giúp đỡ anh em thương binh. Như thế là bà đã giúp sức vào công việc giữ gìn Tổ quốc. Như thế là bà đã làm mẫu cho đồng bào thực hành cái khẩu hiệu: Có tiền, giúp tiền, có sức, giúp sức. Đồng tâm hiệp lực, kháng chiến thành công. Tôi thay mặt Chính phủ và anh em thương binh cảm ơn bà và khen ngợi bà...”.

Vào những năm đất nước kháng chiến, thương binh được chuyển về an dưỡng đường ngày một nhiều. Thiều y tá, hộ lý nên các chị, các mẹ trong vùng tích

cực đến giúp An dưỡng đường chăm sóc thương binh. Cũng từ việc tiếp xúc hằng ngày với thương binh, các chị, các mẹ được nghe bộ đội kể chuyện chiến đấu ngoài mặt trận, nhất là các cô thôn nữ đã từ cảm phục đến cảm mến rồi nặng lòng yêu người thương binh từ khi nào không hay.

Những câu chuyện về tình duyên cảm động đầy đức hy sinh ấy còn được lưu truyền trong Nhân dân. Bấy giờ là các chị: Tạ Thị Vệt; Trần Thị Lệ; Nguyễn Thị Tinh; Hoàng Thị Cậy... đã nên vợ thành chồng với các thương binh nặng. Các thanh nữ của một thời xuân sắc ấy phần nhiều đã cùng chồng về với thế giới người hiền. Nhưng tôi còn nhớ tháng 7-2017, đến thăm cụ Tạ Thị Cậy, xóm Đồng Khâm, xã Đại Từ. Cụ kể: Ngày An dưỡng đường ở đây, địa phương có phong trào giúp đỡ thương binh. Người già, trẻ con thuộc lòng câu thơ: “Bữa ăn chín cũng như mười/Mỗi nhà nuôi lấy một người thương binh”. Tôi cùng chị em tham gia khâu vá quần, áo cho thương binh, phải lòng “người ta” mà thành duyên vợ chồng.

Tất cả đã đi về miền hoài niệm. Tôi đứng lặng người dưới tán đa cổ thụ trước ngôi nhà thờ tại Di tích 27-7, thoáng trong hư không



Các cựu chiến binh, thương binh cùng kể chuyện chiến trường.

Hàng ngày, các đối tượng an dưỡng được chăm sóc sức khỏe.

mùi trầm hương lan toả trong tiếng gió mơn man giữa đất trời, gợi nhớ một niềm thiêng liêng lay động đến tận cùng cảm xúc. Vâng! Một dân tộc trải qua bao gian lao chiến tranh, cả lúc khó khăn nhất vẫn giữ vững tinh thần độc lập dân tộc, tự hào, kiêu hãnh, bền bỉ đi đến tận cùng chiến thắng. Vinh quang lắm mà đau thương cũng nhiều. Sau 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, làm nhiệm vụ quốc tế và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, 92 xã, phường của tỉnh Thái Nguyên có gần 13.000 liệt sĩ, gần 700 người mẹ được vinh danh Mẹ Việt Nam Anh hùng, hơn 10.000 thương binh, gần 15.000 người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học...

“Bồi chiến tranh đau phải trò đùa”. Trên dọc dài non sông gấm vóc Việt Nam có địa phương nào không có đài tưởng niệm, nghĩa trang các Anh hùng liệt sĩ. Nước mất chiến tranh, đau đau một niềm thương vùi đạ lửa. Gần gũi nỗi thương mà cách trở, chỉ có khói hương trầm mặc, lan tỏa lòng biết ơn, tri ân sâu sắc của các thế hệ cháu con đối với người quả cảm. Tôi đã đến nghĩa trang Trường Sơn, cúi đầu trước anh linh Nhà Tưởng niệm liệt sĩ Thái Nguyên - Bắc Kạn. Gần 300 mộ chí con em người Thái Nguyên ngay ngày thắng hàng, màu sơn phủ trắng một niềm đau.

Chuyện hôm qua đã lưu vào sử xanh, được nhắc nhở, tạc lòng, ghi dạ các thế hệ cháu con đời đời. Từng câu chuyện bình dị mà giàu lòng ái quốc của các mẹ, các chị và bao công dân trên vùng đất bên chân núi Tam Đảo đã viết thành một khúc hoan ca đẹp đẽ về truyền thống, đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”.

Rồi theo dòng chảy thời gian, các thế hệ người Thái Nguyên noi gương nhau gìn giữ thành nếp sống đẹp, cùng đoàn kết, quan tâm thực hiện tốt công tác “Đền ơn đáp nghĩa”. Với các hoạt động thiết thực như xóa nhà tạm; bảo đảm cho gia đình có thành viên là người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân ở cùng khu dân cư; 100% gia đình người có công được lãnh đạo các cấp thăm hỏi, tặng quà động viên nhân các dịp lễ, Tết. Đặc biệt từ hơn 20 năm gần đây tỉnh Thái Nguyên đã

tổ chức cho người có công và thân nhân người có công với cách mạng được điều dưỡng sức khỏe đảm bảo theo quy định của Nhà nước ở ngay trong tỉnh.

Dưới một gốc cây cổ kính ở Trung tâm Điều dưỡng người có công, tôi chứng kiến một nhóm các cựu chiến binh ngồi quây quần bên chiếc bàn đá. Họ say sưa hát bài: “5 anh em trên một chiếc xe tăng”. Vừa hát, vừa đánh nhịp tay lên mặt bàn. Cũng khi ấy tôi nhận ra có người tay không còn đủ ngón, người đi chân giả, người mang nhiều bệnh hiểm vì di chứng chất độc da cam. Họ là những người lính từng tham gia chiến đấu tại các mặt trận phía Nam; làm nhiệm vụ quốc tế ở nước bạn Lào, Campuchia và tham gia chiến đấu bảo vệ từng tấc đất biên cương Tổ quốc.

Chia sẻ với chúng tôi, thương binh Trần Văn Sự, phường Gia Sàng cho biết: Những ngày ở Trung tâm, với tôi mỗi ngày đều vui như Tết. Còn thương binh Mạc Thanh Hải, xã Đại Phúc bộc bạch: Ở đây chúng tôi được chăm sóc chu đáo. Nạn nhân chất độc da cam, ông Hà Huy Toàn, xóm Bồng Lai, xã Diềm Thụy phấn chấn: Đến đây, được gặp lại bạn chiến đấu cũ và cùng chia sẻ kinh nghiệm làm kinh tế gia đình. Ngồi cạnh đó, thương binh Lương Công Mạnh, xóm Cỏ Dại, xã Phú Bình chia sẻ: Đây là lần thứ 5 tôi được đi an dưỡng. Mừng nhất là được gặp lại bạn cũ, ôn lại chuyện xưa. Ngồi ăn cơm với nhau như trong nhà hàng sang trọng, trên mâm có rất nhiều món ăn nhưng “thằng nào” cũng nhớ ngày nằm rừng, ăn rau tàu bay, đánh vật với muỗi mòng.

Câu chuyện của các thương binh, bệnh binh, nạn nhân chất độc da cam gợi cho tôi nhớ về An dưỡng đường số 1, số 2 ở xã Đại Từ do các cụ kể lại. Trước năm 1950, an dưỡng đường dành cho thương binh là những ngôi nhà tranh, tre, nứa, lá dựng vội, chưa tiện nghi. Còn nơi điều dưỡng thương binh, bệnh binh, thân nhân người có công ngày nay là một khu điều dưỡng được xây dựng khang trang sạch đẹp kề bên hồ Núi Cốc, thuộc xã Đại Phúc. Đã có hàng vạn lượt thương binh, nạn nhân chất độc da cam, Mẹ Việt Nam Anh hùng, vợ liệt sĩ về đây nghỉ ngơi an dưỡng và kể cho nhau nghe câu chuyện về một thời lửa đạn chiến tranh, về cuộc sống đổi mới giữa thời bình. Những câu chuyện không đầu, không cuối cứ vơ vơ như gió thoảng đưa mây về cuối trời, nhưng đó là quá khứ oanh hùng của bao người chiến sĩ giải phóng, là điểm tựa tinh thần vững chãi để mỗi người vươn lên trong cuộc sống. Bà Nguyễn Thị Tam, vợ liệt sĩ, xóm Soi, xã Kha Sơn rủ rì: Đây là lần đầu tôi đi điều dưỡng. Đêm đầu nằm phòng điều hòa, có đệm trắng sạch sẽ, cán bộ Trung tâm hướng dẫn tỉ mỉ cách sử dụng đồ

dùng trong nhà, tối đi ngủ có người đến ghép hộ màn làm tôi cảm động muốn khóc.

Câu nói của bà làm lòng ngực tôi nghẹn lại. Bà là một trong hàng triệu phụ nữ Việt Nam mất chồng, mất con vì các cuộc chiến tranh giữ nước, làm nhiệm vụ quốc tế và bảo vệ biên giới phía Bắc Tổ quốc. Tất cả họ, những người mẹ, người vợ, người con đã và đang lặng lẽ hy sinh hạnh phúc riêng cho đất nước được thanh bình. Bởi thế, họ xứng đáng được Đảng, Nhà nước và mọi người dân tri ân bằng những nghĩa cử thiết thực.

Chiến tranh đã qua đi, nhưng khi gặp những người có công đang thực hiện kỳ nghỉ dưỡng ở Trung tâm, chúng tôi hiểu thấu hơn về nỗi đau mang tên chiến tranh. Có người mất đi một phần cơ thể, người mang mảnh đạn trong đầu, người bị chất độc hóa học gây nhảm sức khỏe. Ai cũng có thể nhìn thấy đó là thương binh, là nạn nhân chất độc da cam. Nhưng ít ai nhìn thấy những phụ nữ bóng lẻ đêm trường, tần tảo một đời thờ chồng, nuôi con. Cảm thấu được điều đó, nên đội ngũ nhân viên phục vụ tại Trung tâm luôn nỗ lực phục vụ hết mình, với mong muốn không để người có công và thân nhân người có công thêm một gợn buồn trong những ngày được điều dưỡng.

Từ sân Trung tâm hướng mắt nhìn về phía hồ Núi Cốc, tôi cảm nhận được hơi gió mát lành làm tiết trời tháng Bảy dịu lại. Cũng khi ấy tôi nhận ra chị Bùi Thị Nhung, một trong những cán bộ vào nhận nhiệm vụ tại Trung tâm từ những ngày đầu thành lập. Gần gũi nhiều với đối tượng an dưỡng nên chị thấu hiểu và biết lựa lời động viên phù hợp với tâm tính từng người. Chị kể: Có lần vào bếp ăn, tôi thấy một người mẹ ngồi lặng lẽ, cầm thìa nhìn mâm cơm. Ngỡ thức ăn không phù hợp khẩu vị, tôi lại gần, vừa gắng hỏi thì mẹ òa lên, nước nớc: Mẹ ăn làm sao đây khi các con của mẹ không về... Mọi người có mặt nín lặng. Mẹ có 3 người con là liệt sĩ.

Đang những ngày tháng Bảy, tháng để lòng người tri ân, biết ơn những người có công với đất nước. Bởi lẽ ấy vùng đất dưới chân Tam Đảo như ấm áp hơn bởi những dòng người trên mọi miền Tổ quốc theo nhau về địa điểm “khai sinh” Ngày Thương binh - Liệt sĩ, dâng kính nén trầm thơm lên ban thờ các bậc cha anh đã hóa thân vào sử xanh đất nước. Rồi có chút thư thái bên gốc đa cổ kính, nghe người dân địa phương kể cho nghe chuyện một thời an dưỡng đường kháng chiến, và Trung tâm Điều dưỡng người có công bây giờ. Trong đó có câu chuyện hiến đất, hiến nhà, tham gia chăm sóc thương binh. Và câu chuyện tình yêu thủy chung đẹp như huyền thoại từng có ở vùng đất dưới chân Tam Đảo■



NGÔ ĐỨC HÀNH

Chè Thái và kỷ ức tôi..

C hẳng hiểu ai sáng tạo nên câu nói, có ý nghĩa như một slogan “Chè Thái gái Tuyên” để vinh danh Xứ Chè Thái Nguyên và miền gái đẹp Tuyên Quang? Tuy nhiên, tôi đã được nghe từ thời trai trẻ.

Tôi đã đến Thái Nguyên, từ thời tỉnh còn có tên Bắc Thái, nghĩa là trước năm 1997. Năm 1989, tôi vinh dự được có mặt trong đoàn tháp tùng Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), Đại tướng Mai Chí Thọ lên công tác tại Thái Nguyên. Lúc ấy, Bắc Thái là một trong những địa phương được chọn làm điểm thực hiện Chỉ thị 135-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

Thuở ấy, tôi còn là một sĩ quan trẻ mới ra trường làm cái nhiệm vụ “xách cặp”, dưới sự chỉ đạo của Phó Văn phòng Bộ chuẩn bị bài nói cho Bộ trưởng. Đó là một hạnh phúc. Vì thế tôi được diện kiến Bí thư, Chủ tịch UBND và Giám đốc Công an tỉnh Bắc Thái, từ hồi đó.

Tôi được thưởng trà, từ lời mời của các lãnh đạo. Ra về tôi có phần quà của tỉnh Bắc Thái, đó là những lạng chè mơ ước. Trong ngày phiêu du cùng anh em trẻ lên hồ Núi Cốc, tôi được nghe ca sĩ Thúy Mùi, sĩ quan của Phòng Công tác chính trị hát bài “*Huyền thoại hồ Núi Cốc*”, (nhạc Phó Đức Phương). Giọng hát của cô dường như cũng “ngọt hậu” như trà Thái vùng Tân Cương.

Tôi không thể quên được ca từ mở đầu: “*Bồng bênh (ơ) bồng bênh/ Chông chênh (ơ) chông chênh/Một vùng núi cao nước sâu/Thuyền trôi, thuyền trôi/Mái chèo băng khuâng dưới chân Tam Đảo*”. Không chỉ huyền thoại về một chuyện tình của đôi trai gái “*Tha thiết yêu nhau vẫn không thành duyên*”, bài hát neo vào lòng tôi dư địa của một vùng đất, trước là núi Cốc, sông Công; sau là Thái Nguyên.



Trung du xứ trà. Ảnh: Đồng Đăng

Chúng tôi cùng nhau thưởng trà ngay trên đảo, miên du cùng câu chuyện về “*Mối tình thương đau hóa sông hóa núi*”. Ngày đó, đảo giữa lòng hồ chỉ có đất đá, không như bây giờ trở thành đảo hoa, một phần của khu du lịch Hồ Núi Cốc. Bây giờ thưởng trà trên đảo gia tăng nhiều giá trị.

Tôi có nhiều bạn học thời sinh viên, sau khi ra trường đến nhận công tác tại Bắc Thái (cũ). Trong số sĩ quan thời hăm hở ấy, có Lê Việt Thắng, sau này khi nghỉ hưu anh là Đại tá. Việt Thắng sinh ra và lớn lên ở quê lúa Thái Bình (nay là Hưng Yên).

Tôi nhớ có lần lên công tác, Việt Thắng gọi về Phòng, nơi anh làm việc. Tôi vẫn nhớ đó là căn phòng trên tầng ba, nhìn ra sân khu làm việc của Công an tỉnh hay nhìn ra đường đều đầy nắng.

Việt Thắng chỉ ra đường nơi có ki ốt nhỏ, đối diện tường Công an tỉnh Bắc Thái. Nơi đó vợ anh, một người cùng quê gặp nhau ở đất Chè mà nên duyên vợ chồng, tình nghĩa tào khang. Có điều vợ anh không có công ăn việc làm. Đàng đẵng như thế, trà Thái thơm lên từ tổ ấm.

Việt Thắng dúm vào tôi 2kg trà móc câu. Chao ơi, quý, thời buổi khó khăn ấy, có được lạng trà móc câu đã quý, chứ chưa nói đến cân. Tôi cảm ơn Việt Thắng kèm theo sự rối rít của tình bạn.

Vợ chồng Việt Thắng sinh được hai cháu trai. Các cháu học giỏi, lớn lên theo “*nghiệp bố*” đều vào Công an, hiện nay đều là những sĩ quan trẻ công tác tại Bộ Công an. Có dịp gặp lại hai cháu trong những ngày lễ hội khóa được tổ chức tại Hà Nội, các cháu đều nói lời tri ân tấm lòng mẹ, những cân trà Thái bọc dùm, nuôi dưỡng ước mơ.

Tôi kể cho hai cháu nghe những kỷ niệm thời sinh viên. Những buổi chiều sau khi kết thúc “*ngheêu ngao gõ bát*”, từng nhóm ùa ra đường hóng gió. Thời đấy chưa ô nhiễm, những cánh đồng Thanh Trì xung quanh trường mát rượi. Hạnh phúc nhất là sau đó kéo nhau vào quán, từng nhóm 3, 5 sinh viên quây quần bên bàn, mua được ấm trà, được chủ quán mang đến một phích nước sôi và đĩa kẹo lạc, hoặc kẹo dồi.

Không có hạnh phúc nào lớn hơn, trong những buổi chiều mùa đông, gió hiu hắt. Đặt chén trà trong lòng bàn tay, hít hà, nhấm từng giọt trà vàng sóng sánh, cảm nhận được ân sủng của trời đất. Hai cháu nghe, mừng rỡ về cổ tích.

Cái duyên trong đời đều tự đến, không nói trước được. Năm 2023, tình cờ trong chuyến đi công tác 4 đảo và nhà giàn DK1.15 của Đoàn

Công tác số 15, do Bộ Tư lệnh Hải quân tổ chức, may mắn cho tôi có anh chị em Quân - Dân - Chính - Đảng của hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Trong Đoàn Thái Nguyên có ái nữ của nhà thơ Hà Đức Toàn, nguyên Chủ tịch Hội VHNT Bắc Thái, nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Văn nghệ.

Tôi lại được xếp nằm cùng khoang với họ. Những đêm lênh đênh trên biển, chúng tôi nói chuyện về rừng, về trà Thái, về những câu chuyện thân phận liên quan đến nghề trồng chè và trà Thái.

Tôi từng uống trà nhiều nơi, theo bước chân hải hà. Từ Phú Thọ, Thái Nguyên....đến Lâm Đồng. Tuy nhiên, trà Thái không dễ dàng sánh được. Vì sao trà Thái ngon?

Câu trả lời bây giờ ai cũng biết, trước hết nhờ thiên nhiên ưu đãi. Thổ nhưỡng, khí hậu, nguồn nước, và giống chè đặc biệt, cùng với kinh nghiệm sao chè thủ công đã tạo nên hương vị đặc trưng của chè Thái Nguyên. Nếu như văn bản, AI không thay thế được con người, thì những sản phẩm lao động của con người, chắc chắn phải nhờ bí quyết.

Người trồng chè, sao chè Thái Nguyên thành sản phẩm trà có bí quyết riêng, dấu công đoạn như nhau. Cũng là ngọn lửa, nhưng người Thái Nguyên có bí quyết điều chỉnh, đó là ngọn lửa gia truyền, ngoại vi vật thể.

Thái Nguyên là vùng đất rộng lớn. Thời Lý (1009 - 1225), Thừa tuyên Thái Nguyên bao gồm Thái Nguyên - Bắc Cạn - Cao Bằng và một phần của Tuyên Quang ngày nay. Năm 1499, niên hiệu Cảnh Thống thứ 2, vua Lê Hiến Tông tách phủ Cao Bằng ra khỏi Thái Nguyên, thành lập đơn vị hành chính như cấp tỉnh.

Ngày 11/4/1900, toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ra Nghị định tách một phần đất thuộc Thái Nguyên thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm bốn châu: Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (sau đổi thành Na Rì) và Cẩm Hóa (sau đổi thành Ngân Sơn). Ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quyết định về việc thành lập tỉnh Bắc Thái trên cơ sở tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên. Ngày 6/11/1996, Quốc hội ban hành

Nghị quyết về việc chia tỉnh Bắc Thái để tái lập tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện Nghị quyết 18/NQ-TW của Trung ương (Khóa XII) và Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội, từ ngày 01/7/2025 việc Thái Nguyên và Bắc Kạn sáp nhập lại thành tỉnh Thái Nguyên mới là sự trở lại với lịch sử, văn hóa của vùng đất “*Trăm năm Đệ nhất danh trà*”.

Theo số liệu của UBND tỉnh Thái Nguyên (cũ), chỉ riêng tỉnh Thái Nguyên (cũ) có khoảng 22,5 nghìn héc ta chè, trong đó có nhiều vùng sản xuất chè tập trung như vùng chè đặc sản Tân Cương, Đại Từ, Phú Lương. Năng suất bình quân đạt 123,8 tạ chè búp tươi/ha/năm, sản lượng chè qua chế biến của toàn tỉnh đạt khoảng 50 nghìn tấn. Theo số liệu thống kê đến năm 2024, giá trị của cây chè mang lại cho Thái Nguyên đạt trên 13.000 tỷ đồng, tăng trên 1.000 tỷ đồng so với năm 2022.

Bình quân toàn tỉnh Thái Nguyên (cũ), mỗi héc ta chè cho thu nhập khoảng 280 triệu đồng/năm, đặc biệt vùng chè Trại Cài, Minh Lập (huyện Đồng Hỷ cũ) đạt giá trị 500- 600 triệu đồng/ha/năm; vùng chè La Bằng, Tân Linh (huyện Đại Từ cũ) đạt 500- 670 triệu đồng/ha/năm; vùng chè đặc sản Tân Cương đạt đến 750 triệu đồng/ha/năm. Cây chè góp phần tích cực phát triển kinh tế cho người dân, đến nay tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm chỉ còn 2,16%.

Nói về cây chè, trước khi Bắc Kạn và Thái Nguyên được sáp nhập

thành tỉnh Thái Nguyên mới, ngày 3/2/2025, Tỉnh ủy Thái Nguyên (cũ) có Nghị quyết số 11-NQ/TU về phát triển ngành chè Thái Nguyên giai đoạn 2025 - 2030.

Đây là Nghị quyết quan trọng. Tỉnh ủy Thái Nguyên (cũ) xác định, phát triển hệ sinh thái trà tạo ra sự chuyển biến rõ nét trong sản xuất, chế biến, kinh doanh trà gắn với chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, tăng nhanh tỷ trọng những sản phẩm có chất lượng, thúc đẩy sản xuất theo chuỗi giá trị... Đó là quá trình gắn với thu hút đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, tích hợp đa giá trị của trà... Thái Nguyên phấn đấu đến năm 2030, tổng giá trị sản phẩm thu được từ cây chè đạt 25 nghìn tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 1 tỷ đô la.

Lần trở lại Thái Nguyên này, tôi và Đoàn nhà văn, nhà báo có dịp vi hành, tìm hiểu vùng chè Trại Cài (nay thuộc xã Đồng Hỷ), Đập Đá, La Bằng (nay thuộc xã La Bằng mới), tiếp xúc với người hái chè, trực quan các công đoạn sơ chế, chế biến sâu, đóng gói các loại trà ở Công ty cổ phần chè Trại Cài, các hợp tác xã Hảo Đạt, La Bằng. Điều làm tôi để ý lại là “*câu chuyện*” ở Hợp tác xã Trà và Du lịch cộng đồng Tiến Yên.

Giám đốc Bùi Trọng Đạt là người thế hệ 7X “*đời cuối*”. Ngoài việc kinh doanh các sản phẩm trà thượng hạng như trà đỉnh, trà tôm nõn... Hợp tác xã còn tổ chức du lịch cộng đồng. Bước chân vào Tiến Yên Farmstay được đầu tư bài bản, vốn liếng không nhỏ; quả thật du khách sẽ say mê ngay với thiên nhiên xanh

mát và cách làm ăn của Bùi Trọng Đạt.

Khách đến tham quan, ngoài việc được thưởng trà còn được tham gia các hoạt động trải nghiệm. Có thể đó là tự tay hái trà, tìm hiểu về quy trình chế biến trà, hoặc đơn giản là đi dạo và khám phá khu vực xung quanh. Slogan của Hợp tác xã Trà và Du lịch cộng đồng Tiến Yên là “*Trải nghiệm Xứ Trà, đậm đà bản sắc*”.

Chục năm gần đây tôi hay gặp lại ông Đặng Quốc Tiến, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Thái thuở nào. Ông đang giữ cái “*chức xã hội*” là Chủ tịch Hội Đồng hương Hà Tĩnh tại Hà Nội. Tôi thường “*khoe*” ông mỗi chuyến đi trở lại Xứ Chè, kể cho nhau nghe câu chuyện “*Chén trà là đầu câu chuyện*”.

Trà là ngôn ngữ của bầy tôi, bất kể những người gặp nhau là thân hay sơ, trong những buổi sáng bắt đầu ngày mới, hay trong các lễ lạt khác nhau. Trà thành ngôn ngữ của đời sống, cho dù đó là “*song ẩm*”, “*tứ ẩm*”...Đông người thì “*quần ẩm*”; mình ta với ta cũng có thể “*độc ẩm*” lắm chứ? Trà lúc ấy trở thành “*người bạn*” cùng đối thoại với tâm tư, trắc ẩn.

Ông Đặng Quốc Tiến là người hiền lành, chân chất. Ông thường bảo tôi: “*Xem ra chú là kẻ nghiện trà Thái*”. Tôi cười, hơn thế, nghiện cái “*tinh thần*” trà Thái.

Trà Thái Nguyên đã tham gia vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế, gắn kết giữa kinh tế và văn hóa nhằm phát triển xanh, bền vững, mang lại giá trị gia tăng về các mặt



Ảnh: Đồng Đăng

Thấp lửa bằng lời: Những văn nghệ sĩ đi qua chiến tranh

Họ là những người lính trở về từ chiến trường Điện Biên, Trường Sơn hay nước bạn Lào. Giữa bom đạn và mất mát, họ đã sống, chiến đấu và giữ lại cho đời không chỉ ký ức máu lửa mà cả những vần thơ, khúc nhạc, bức ảnh đậm sâu chất nhân văn. Trở thành nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, nghệ sĩ nhiếp ảnh... các văn nghệ sĩ Thái Nguyên mang theo trong tim ngọn lửa không tắt của những năm tháng chiến tranh, để viết, để kể, để tri ân và gìn giữ ký ức – như một cách sống tiếp với đồng đội, một lời nhắc nhở với hậu thế hôm nay.

Nhà thơ Trần Cầu: "Điện Biên trong tôi – ngọn lửa không tắt"



Tôi đi chiến dịch Điện Biên năm 19 tuổi. Khi ấy, tôi chưa làm thơ, chưa biết thế nào là "câu chữ có hồn", chỉ mang theo một trái tim trai trẻ đầy nhiệt huyết, sẵn sàng xông pha vì Tổ quốc. Chúng tôi – những người lính Điện Biên – chẳng ai nghĩ mình đang làm nên lịch sử. Chúng tôi chỉ biết mình đang đào hầm, vác đạn, băng rừng, vượt suối, ăn cơm nắm, ngủ võng, sống và chiến đấu bên nhau như một gia đình lớn, với niềm tin giản dị: Đất nước này rồi sẽ độc lập, tự do.

Những ngày ở Điện Biên là những ngày không quên. Tôi vẫn còn nhớ tiếng pháo rung trời, khói bụi mịt mù, nhớ những người bạn nằm lại không trở về. Chiến thắng đến – vô vàn trong nước mắt và cả những cái siết tay

không nói được thành lời. Tôi được chọn vào đoàn tiếp quản Thủ đô sau chiến thắng, khoảnh khắc Hà Nội yên rõ cờ hoa năm ấy – đến giờ tôi vẫn còn xúc động mỗi khi nhớ lại. Tôi đi trên phố phường, mà lòng cứ như vẫn nghe vọng lại tiếng trống Điện Biên trong lồng ngực.

Sau này, khi rời quân ngũ, về làm việc ở khu Gang Thép Thái Nguyên, tôi luôn nỗ lực cống hiến hoàn thành tốt những nhiệm vụ được giao. Tôi viết những vần thơ đầu tiên khi đã nghỉ hưu, những vần thơ đến rất chậm, rất mộc, nhưng chất chứa bao điều không thể nói hết bằng lời. Thơ với tôi là một cách trở về, một cách tưởng niệm những người bạn năm xưa, một cách giữ gìn ký ức. Tôi không làm thơ để hay, chỉ làm thơ để không quên.

Giờ đây, ở tuổi 92, ký ức Điện Biên vẫn còn nguyên vẹn trong tôi – như ngọn lửa nhỏ cháy âm ỉ trong tim. Mỗi khi cầm bút, tôi vẫn thấy mình là chàng lính trẻ năm xưa, ngẩng cao đầu giữa chiến hào, mắt dõi theo từng đợt pháo dội, lòng thầm gọi tên quê hương. Điện Biên không chỉ là chiến thắng, với tôi, đó là điểm khởi đầu cho một cuộc đời sống có lý tưởng, có niềm tin, và có thơ.

Nhạc sĩ Phạm Đình Chiến: Ký ức biên cương và hành trình âm nhạc từ khói lửa



Tôi đi bộ đội năm 1982, lên đóng quân ở vùng biên giới Cao Bằng. Lúc đó, cả một dải đất nơi địa đầu Tổ quốc vẫn còn nguyên dấu tích chiến tranh: Đồi núi tan hoang, thôn bản xác xơ,

người lính thì thiếu thốn trăm bề, nhân dân thì đói khổ bám riết từng ngày. Cái lạnh của rừng biên giới, cái đói của khẩu phần cạn kiệt, những đêm gác dài giữa sương mù và cả nỗi nhớ nhà rưng rức như vết cửa âm thầm... vẫn còn nguyên trong tôi đến tận bây giờ. Nhưng cũng chính từ nơi ấy, tôi tìm được âm nhạc – như một mạch sống ấm áp nuôi dưỡng tâm hồn.

Không có sân khấu, không có đèn màu, không có dàn âm thanh – chỉ có tiếng đàn, tiếng hát, và những gương mặt đồng đội rực sáng trong đêm tối. Tôi bắt đầu viết những ca khúc đầu tiên như một nhu cầu tự nhiên – để sẻ chia cảm xúc, để vơi đi nỗi cô đơn, và để động viên nhau đứng vững. Tôi viết về những cô gái biên cương hồn nhiên mà kiêu hãnh, viết về những người lính trẻ giữa núi rừng lặng gió, viết về tình anh – tình em – tình đất đai biên ải. Những bài hát như "Cô giáo Cao Bằng", "Lên Cao Bằng quê em", "Bài ca Quảng Hoà", "Tình ca người lính trẻ", "Tình anh tình em trên mảnh đất biên cương"... lần lượt ra đời trong những đêm thao thức.

Tôi không bao giờ nghĩ những giai điệu giản dị ấy lại có thể đi xa đến vậy. Anh em bộ đội hát lại trong các hội diễn cấp Trung đoàn, Sư đoàn, rồi bà con vùng cao hát trong lễ hội, sinh hoạt cộng đồng. Có bài, bao năm sau quay lại, người dân vẫn nhớ, vẫn ngân nga như một phần ký ức sống. Gần đây nhất, năm 2023, tôi trở lại mảnh đất cũ – những cô bé ngày xưa giờ đã thành những người phụ nữ U60, U70, tóc pha sương, vẫn hát lại bài tôi viết thuở ấy. Tôi lặng người. Có cái gì đó nghẹn ngào dâng lên trong lồng ngực. Âm nhạc thật kỳ diệu – khi nó sinh ra từ chân thành, nó có thể đi cùng con người cả đời.

Sau khi ra quân, tôi mới có điều kiện học hành chính quy tại Nhạc viện Hà Nội, tiếp tục hành trình âm nhạc chuyên nghiệp. Tôi đã viết hàng trăm tác phẩm với đủ sắc thái: Hùng tráng có, trữ tình có, dân gian đậm đà

cũng có. Nhưng sâu thẳm trong tôi, những bài ca viết ở biên giới vẫn là phần máu thịt nhất. Không có trường lớp nào dạy tôi viết những bản tình ca ấy – chỉ có cuộc đời, có đồng đội, có nhân dân và đất trời biên cương dạy tôi. Viết bằng trái tim, viết từ những rung cảm thật nhất – đó là cách tôi giữ lại một phần tuổi trẻ của mình và dâng hiến cho đời những gì tôi chân thành nhất.

Tôi nghĩ, một người nghệ sĩ nếu may mắn được sống giữa thời cuộc, giữa gian khó, và biết hát lên từ chính tâm hồn mình – thì tác phẩm ấy không bao giờ chết. Nó sẽ sống mãi – như một phần máu thịt của quê hương.

Nghệ sĩ Khánh Hạ: "Giữa chiến trường, tôi thì thầm với đất"



Tôi đã đi qua cuộc chiến bằng cả tuổi trẻ và thân thể còn lành lặn trở về – đó là may mắn, là món nợ ân tình với những đồng đội đã nằm lại suốt dọc đường Trường Sơn, từ Tam Đảo đến Vàm Cỏ Đông, rồi cả Bình Long mùa hè đỏ lửa 1972. Tôi không thể nào quên được cảm giác của một người lính lúc nghe tiếng pháo hiệu vút lên trong sương sớm, rồi cả khu rừng cao su rung chuyển bởi pháo, bom, xe tăng, đạn réo và tiếng người gọi nhau. Lúc đó, tôi không kịp nghĩ đến cái chết, chỉ biết cầm đầu đao hầm, vác súng, kéo đồng đội bị thương, và rồi sau cùng, công thi thể anh em về rừng – trên vai là bạn mình, là một phần máu thịt mình.

Viết về chiến tranh, với tôi, là điều khó nhất. Tôi từng cầm máy ảnh, từng

cầm bút, nhưng để gọi tên chính xác cảm xúc mình vào những ngày ấy thì rất khó. Không phải tôi sợ đau mà là không muốn kể lại một cách sáo mòn những gì đã quá nhiều người nói. Chiến tranh, không chỉ là chiến thắng. Chiến tranh là mồ hôi, là đói khát, là cái nhìn của người dân lặng lẽ dạt vào gầm cầu thang giữa bom đạn, là ánh mắt lính VNCH trước giờ rời trại cải tạo... Tất cả đều là con người.

Có lần, đứng trước mộ ba ngàn người ở Bình Long, tôi không dám thấp hươu ngay. Tôi lặng đi, rồi ngẩng mặt lên trời mà thì thầm: “Tôi về rồi đây... các anh còn đó không?”. Bởi người lính thì nhớ nhau bằng mùi chiến trường – cái mùi khét lẹt, nồng mặn, tanh của đất, của xác pháo, của thân người đã tan vào nhau trong chiến đấu. Mùi ấy tôi chưa bao giờ quên.

Khi miền Nam hoàn toàn giải phóng giang sơn thu về một mối, đến giữa năm 1977 tôi ra quân về Ty Giáo dục Bắc Thái công tác trong thời gian 10 năm, rồi năm 1988, tôi sang Hội VHNT Bắc Thái công tác đến lúc nghỉ hưu.

Khi tôi viết, tôi kể lại, không để tỏ vẻ cho chiến tranh. Tôi viết cho những người chưa biết, chưa từng đi qua, để họ hiểu vì sao mình có ngày hôm nay. Và cũng là để chính tôi nhìn lại – rằng mình đã từng sống như thế, không phải để tồn tại, mà để giữ cho những điều đẹp nhất không bị chôn vùi. Tôi không khóc. Tôi chỉ lặng lẽ mà nhớ. Và đó là cách tôi trả lời với cuộc đời.

Nhà văn Phan Thái: Tôi sáng tác như một sự tri ân



Tôi nhập ngũ tháng 8/1978 và được biên chế về Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 677, Sư đoàn 346. Cán bộ chiến sĩ trung đoàn đều cùng quê Bắc Thái. Kết thúc khóa huấn luyện chiến sĩ mới tại Ngân Sơn, chúng tôi hành quân làm nhiệm vụ phòng thủ tại Trà Lĩnh, Cao Bằng.

Cho đến hôm nay, tôi vẫn không thể nào quên những kỷ niệm trong lửa đạn cùng đồng đội. Ngày 17/2/1979, đại bác quân Trung Quốc trút hàng giờ liền lên toàn bộ tuyến phòng thủ. Đạn pháo chưa dứt, xe tăng và bộ binh của địch đã tấn công dữ dội. Đối mặt với kẻ thù, sự sống chết mong manh từng gang tấc, mỗi sự hy sinh của đồng đội tôi như một lời tuyên thệ với Tổ quốc, Nhân dân.

Nhiều ngày địch bao vây cắt đường tiếp viện. Những trận chiến đẫm máu cùng đói khát khiến tất cả gần như kiệt sức. Mỗi lần địch tấn công thất bại, chúng gọi pháo kích bắn dồn dập và mở đợt tấn công mới. Tai chúng tôi ừ đặc vì đạn pháo. Chúng tôi nhằm thẳng đội hình địch nghiêm chỉnh cò súng, găm lưỡi lê vào những tên lính xông tới chiến hào. Trong những thời khắc sinh tử, mệnh lệnh “Giữ bằng được chốt” kết nối đồng đội thành chiến lũy thép. Nhiều người dành sẵn cho mình viên đạn trong ngực áo, quyết chiến đấu đến cùng, nếu bị thương cũng không để sa vào tay giặc. Một chiều giữa hai đợt tấn công của địch, tôi đặt mảnh giấy lên bảng súng trên chiến hào ghi vội bài “*Đồng đội trên điểm cao*”. Bài thơ như một sự khởi đầu trong sự nghiệp sáng tác của tôi...

Trải nghiệm qua chiến tranh, tôi thấy mình hiểu rõ hơn về sức mạnh của dân tộc. Khi đất nước bị xâm lược, tinh thần yêu nước, sự đoàn kết, ý chí kiên cường của người Việt được nhân lên mạnh mẽ. Không chỉ bộ đội, bà con các dân tộc cũng ra trận: Phục kích đánh địch, đào công sự, tiếp đạn, tải thương... Không ít người ngã xuống như những người lính.

Tốt nghiệp đại học, dù công tác trong ngành công nghiệp, tôi vẫn làm thơ, viết phóng sự, bút ký. Sau này khi chuyển hẳn sang chuyên ngành văn xuôi, tôi quan tâm sáng tác các tiểu thuyết về đề tài lịch sử và chiến tranh cách mạng. Bởi lịch sử và các cuộc chiến luôn có những góc khuất, đề cập, diễn giải cũng là trách nhiệm của người viết. Tôi không nghĩ chiến tranh ảnh hưởng thế nào đến cảm hứng sáng tác. Tuy nhiên viết về mảng đề tài đó, tôi như được tiếp thêm nguồn năng lượng sáng tạo. Mọi cố gắng hy sinh của các thế hệ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều vô giá. Những con chữ viết về họ cũng là một sự tri ân.

Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Phan Trọng Ngọc: “Gìn giữ nụ cười bình yên qua ống kính hậu chiến”



Tôi lớn lên ở Bắc Kạn, tháng 8/1973, đang học lớp 10, theo tiếng gọi của Tổ quốc, tôi lên đường nhập ngũ. Tham gia quân đội, nhờ có những kiến thức cơ bản về chụp ảnh, tôi được giao nhiệm vụ chụp những bức ảnh làm tư liệu, phục vụ cho công việc chung của đất nước. Từ năm 1973 đến năm 1981, tôi đã tham gia các chiến dịch dọc theo tuyến đường 559 (nay là đường Hồ Chí Minh); tham gia giải phóng Miền Nam; giải phóng Campuchia...

Những năm tháng ở chiến trường, tôi đã chứng kiến biết bao đau thương, mất mát do chiến tranh. Tôi có người bạn thân đã hy sinh ngay trước bữa cơm trưa, cũng có người vừa được kết nạp Đảng mà hôm sau mãi mãi ra đi. Trở về từ chiến tranh, tôi càng thấm thía giá trị của hòa bình, của từng tấc đất quê hương. Chính vì thế tôi rất thích đề tài về thiên nhiên và con người, nơi đâu có nụ cười, có bình yên là hạnh phúc và tôi muốn lưu lại những khoảnh khắc tuyệt vời đó.

Tôi thường chụp phong cảnh miền núi, nét đặc sắc của các dân tộc và người già, phụ nữ, các em bé dân tộc thiểu số là chủ yếu. Có lẽ là ngay từ nhỏ tôi đã gắn liền với đồi, núi và Bắc Kạn (nay đã sát nhập vào tỉnh Thái Nguyên) lại là tình đặc thù về dân tộc. Tôi yêu mến bà con đồng bào dân tộc thiểu số, thích sự chất phác, thật thà của họ; ở họ tôi bị cuốn hút bởi sự tự nhiên, những cảm xúc chân thực ở nụ cười, sự chăm chỉ lao động. Chính vì vậy, tôi muốn đưa những hình ảnh đẹp ấy đến với mọi người, cho mọi người thấy và cùng cảm nhận những lúc bình dị nhưng quý giá ấy.

Tôi cũng chụp nhiều tác phẩm về cựu chiến binh, những người may mắn trở về từ chiến tranh. Tôi chụp nụ cười

trong ngày gặp mặt, chụp gia đình cựu chiến binh hạnh phúc và chụp cả những khoảnh khắc đời thường của họ. Có nhân vật tôi chụp đã để lại một phần thân thể nơi chiến trường, dù chỉ còn đôi bàn tay, ông vẫn đan lát để có thu nhập, và gương mặt ông rạng rỡ nụ cười. Đây cũng là điều tôi muốn gửi gắm đến người xem, rằng chúng tôi, những người cựu chiến binh dù không lành lặn, cuộc sống nhiều khó khăn nhưng chúng tôi hạnh phúc khi được trở về và tự hào được góp sức mình cho Tổ quốc thân yêu.

Tác giả Đinh Hữu Hoan: “Cây đào ở nghĩa trang và khúc tráng ca người lính”



Vừa bước vào tuổi 18, năm ấy là năm 1970 khi đang là học sinh cấp 3 phổ thông, cũng là những năm cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta bước vào giai đoạn cam go, ác liệt. Tháng 4/1970, tôi được lệnh nhập ngũ. Rồi ghé nhà trường, tôi trở thành người lính cầm súng tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ đó. Gần bốn năm trong quân ngũ, trong đó có hơn hai năm trực tiếp cầm súng chiến đấu trên chiến trường nước bạn Lào (lúc đó gọi là chiến trường C), trực tiếp tham gia chiến đấu các chiến dịch mùa khô năm 1970, 1971 và 1972, tận mắt chứng kiến những chiến thắng, và cả những gian khổ, hy sinh mất mát của dân tộc.

Không phải riêng tôi mà nhiều người trực tiếp cầm súng luôn luôn nghĩ cần phải có những tác phẩm vừa là ghi lại hình ảnh của người lính, của dân tộc trong cuộc chiến đấu bảo vệ đất nước cho lịch sử, vừa khắc họa tính chất chính nghĩa anh dũng, vĩ đại của dân tộc. Và, bản thân nhận thấy hình ảnh người lính cầm súng là những tư liệu quý, là hình ảnh chân thực nhất để phản ánh về cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc, nên tôi đã có ý thức cầm bút sáng tác từ những ngày đó...

(Xem tiếp trang 31)

Trang thơ Văn nghệ Thái Nguyên số 02 là khúc tường niệm lặng sâu và thiết tha về những con người đã sống - chiến đấu - hy sinh vì đất nước. Từ "Tổ quốc" của Nguyễn Hữu Quý vang vọng âm hưởng hùng ca đưa người đọc đi qua một hành trình từ chiến tranh đến hòa bình, từ nỗi nhớ đến niềm tin son sắt, đến "Chảy bằng tiếng gọi" của Lữ Mai thấm đẫm chất bi tráng nơi Thành cổ Quảng Trị. Những câu thơ của Tô Hoàn, Đình Hạ, Nguyễn Văn Song, Phan Đại Duy... là những nén hương lòng rừng rừng trước anh linh các anh hùng liệt sĩ. "Thư gửi người còn sống" của Quách Mộc Ngón một bản "thi thư" gửi hậu thế, nhắc nhở về kỷ ức không thể lãng quên. Còn "Viết ở trại thương binh" (Trần Văn Lợi) và "Ông áo bạc sương" (Lã Thị Thông) lại ngợi ca nghị lực sống và vẻ đẹp tinh thần của người lính trở về.

Không hào nhoáng, không lên gân, những bài thơ viết bằng cảm xúc thật, trải nghiệm thật, từ những người lính, người mẹ, người ở lại và cả người ra đi. Trang thơ mở ra một không gian hoài niệm, tri ân và lay thức tâm hồn nơi quá khứ không ngủ yên mà lặng lẽ soi chiếu vào hôm nay bằng ánh sáng của sự hy sinh và phẩm giá.

Nguyễn Hữu Quý

Tổ quốc

Tôi thương từng ngọn gió hoà bình
thổi qua những dòng sông màu lửa
áo lính sang đỏ rục rề về gõ cửa
trong mơ hồ bật dậy tiếng "Mẹ ơi!"

Đêm trôi vào những giấc mơ xa xôi
mẹ trở giấc giật mình mùa gặt đỏ
mùi gạo mới châng lảng thơm đầu ngõ
cánh đồng làng nức nở ôm con!

Tổ quốc, tôi gọi tên từ những bàn chân
giữa trùng điệp hoá linh hồn của đá
mãi mãi ngân vang trong bước đi của gió
ngàn năm, ngàn năm, ngàn năm, ngàn năm...

Tổ quốc vẽ mặt trăng rằm
bằng những dòng sông khuyết
vành vạnh phù sa nâng cây đàn nguyệt
lấy lên cung bổng cung trầm

Nhân dân ta gót sạn vai bầm
tin nguồn cội nên tìm về Đất Tổ
xoan vắn tím thắm Ba nhut hồng nhò
chim Lạc bay qua Nghĩa Lĩnh muôn đời

Tổ quốc mái tranh, vông đay, chiếu cói
thời anh yêu em thut viết bút Trường Sơn
mực Cửu Long dòng tâm tình sóng gợn
ta lấy non sông làm điểm tựa tâm hồn

Ta với vợ trong bao la nắng sớm
ngắm Tổ quốc phấp phới Trường Sa
thương lắm Hoàng Sa chưa về với Mẹ
Tổ quốc, niềm đau đâu dễ nói thành lời!

Ta trồng cây cho chim về xây tổ mới
nâng niu bình yên trong mỗi tiếng hót lành
Tổ quốc, tôi nghe trong mỗi làn mây trắng
bay qua nẻo làng thấp thoáng bóng thời gian...



Lữ Mai

Chảy bằng tiếng gọi

Trong cơn mơ cờ lau Quảng Trị...

Sông chảy bằng tiếng gọi người xưa
mẹ ru con ngọt lời trăng trời
gió thành cổ bóng hình áo vải
mỗi bước một lần nhớ tên ai

buốt bờ Hiền Lương
máu nhỏ cờ lau xút cát
gạch toác đêm bom nổ vội
mọi giấc mơ đều vương mảnh xương trời

sông cắt đôi tang trắng
em qua cầu, chưa kịp gọi, đã xa
người nằm xuống nơi này không có tuổi
hàng cây thay lời gọi hồn xanh

chín trăm chín mươi bậc đá
không vắt lên trời mà bối hồi lòng dân
gió Quảng Trị nơi hồi sinh tiếng đất
trong vết bom nở hoa tím không ngờ

thiếu nữ gánh rau ra chợ sớm
nhìn lên
rơm rơm
sắc cờ.

Tô Hoàn

Gọi bạn Trường Sơn

(Viết cho Tuất)

Bao lần về chốn rừng xưa
Mình đi tìm bạn nắng mưa bã bờ
Tuất ơi! Oi Tuất! Tuất ơi!
Sao không nghe lấy những lời của nhau?

Tuất nằm đâu? Tuất ở đâu?
Trời thì cao, đất thì sâu quá chừng
Trường Sơn từ phía mặt mừng
Gió hoang cùng với cây rừng búa vẫy.

Ước mơ một thuở đang đầy
Bỗng dừng cơn sốt biến ngày thành đêm
Nhặt nhòa cả tấm hình em
Bao lời mẹ dặn Tuất quên hết rồi.

Cánh rừng rung và mở hời
Hay là cơn sốt suốt thời chiến tranh
Vết đau và mãi chưa lành
Tuất thành cây cỏ vô danh giữa rừng.

Trường Sơn vẫn những trập trùng
Tuất ơi! Mình gọi... Rừng rừng bóng
chiều.

Đình Hạ

Vọng khúc biến

Vòng hoa gửi sóng cuốn đi
Tế linh khấn thỉnh thăm thì cầu mong
Nỗi đau mặn phía biển Đông
Khắc bia mộ gió vào trong tim người.

Xưa lời ru mẹ chia đôi
Nửa phần máu thịt ngoài khơi đất mình
Thuyền nan vời vợi hành trình
Chấn che sóng dữ trung trinh lời thề.

Phu bình bó chiếu đòn tre
Thuở nào cười sóng đi về đảo xa
Máu đào thấm đỏ Gạc Ma
Thuở nào hiệu triệu bài ca ngăn thù.

Khói hương phảng phất ưu tư
Tuổi xanh dựng mốc bao giờ bình yên
Giữ thêm lục địa thiêng liêng
Đầu cần sử sách lưu tên tượng đài

Câu thề vẫn trĩu nặng vai
Biển khơi đóng cọc vành đai trường thành
Nghìn năm xương máu vô danh
Lời ru thăm thẳm viên quanh bãi bờ.

Nguyễn Văn Song

Cỏ thơm

Nghĩa trang tháng Bảy khói sương
Muôn ngàn ngọn cỏ tỏa hương giữa trời
Bao nhiêu cỏ bấy nhiêu đời
Nhấn gì mà cứ xanh rồi rọi xanh
Cỏ hay là bác, là anh
Trộn xương, hoà máu làm thành nước non?
Đá kia nước chảy cũng mòn
Nghĩa trang mưa nắng cỏ còn thiên thu
Tôi nghe có tiếng cỏ ru
Rì rầm trong gió ngổ như rất gần
Lời ru hay nỗi thương thâm
Phía làng mẹ đứng tần ngần đợi mong?
Cỏ xanh thơm đến mệnh mông
Tôi ngồi với cỏ thấy lòng ấm lên
Cỏ thơm như vạn ngôi đèn
Giữ gìn cho đất một miền yêu thương
Nghĩa trang tháng Bảy khói sương
Ai về có thấy dậy hương đất này?
Xin nâng thật nhẹ gót giày
Lắng nghe hồn cỏ thơm bay giữa đời.



Phan Đại Duyệt

Viết về các anh

Tôi gặp một người lính
Trên ngực không còn huy chương
Chỉ còn một vết sẹo
Dài như chiều dài của biên giới
Và im lặng như một lời thề
Chưa từng được nói ra.

Họ không đòi hỏi
Hoa, trống, hay diễn văn
Chỉ mong giấc ngủ đêm nay không bị đánh thức
Bởi tiếng nổ trong ký ức
Vẫn chưa chịu ngừng vang.

Tổ quốc
Không chỉ là bản đồ có viền đỏ
Mà là những buổi sáng
Họ đứng giữa ranh giới
Giữa sống và không sống
Với một khẩu súng lạnh hơn lòng người
Nhưng nóng hơn nỗi sợ.

Họ đã từng yêu
Một người con gái
Không đủ can đảm chờ hết nhiệm kỳ biên cương
Họ đã từng uống
Nước giếng mùa khô
Mặn như giọt mồ hôi rơi xuống đất.

Không ai nhớ tên họ
Trong các buổi lễ
Nhưng đất nhớ
Bởi khi đi qua rừng
Cây nghiêng đầu chào họ
Bằng dáng mộc cong về phía hoàng hôn.

Quách Mộc Ngôn

Thư gửi người còn sống

(Tuồng nhớ Trung đội "Ký Con", Trung đoàn Bình Giả)

Phiến thu, phiến thu...
rụng đầy năm tháng
ngạt ngào rừng phả những chồi non
như phong thư cuộn tròn
gửi người còn sống

nắng đồng đưa cánh vông
râm rập những bàn chân
tiếp bước người xưa đi mở cõi
một tắc không đi
một li không rời
bỏ mùa ve lỗi nhịp
mùa phượng nhàu khét
ngùn ngụt rừng khói đen ngòm

phiến thu lẫn vòng
luân hồi phận lá
rừng phả những chồi non
chim say mùa quả ngọt
nhành lan trắng bên vách đá thì thầm
xanh đất

xanh trời
xanh mãi tuổi hai mươi
những phong thư tròn cuộn
đồng đưa cánh vông
gửi người còn sống hôm nay.

Trần Văn Lợi

Viết ở trại thương binh

Có người thì hỏng mắt
Có người mất cánh tay
Xe lăn về hợp mặt
Cùng nặng gổ sum vầy.

Dẫu tàn nhưng không phế
Sống quây lại thành làng
Mở xưởng đóng bàn ghế
Tiếng chạm trở vang vang.

Vẫn gọi nhau: Đồng chí!
Quý nhau trong một nhà
Lúc nhớ chiến trường cũ
Lại bản thân trông xa...

Khi trở trời trái gió
Lại đau buốt khắp mình
Vẫn còn bao chuyện kể
Cho lớp lớp học sinh.

Làng của người thương tật
Mà yêu thương thật lành
Sau đạn bom khói lửa
Mầm sống vẫn tươi xanh...

Lã Thị Thông

Ổng áo bạc sương

Người thương binh làm thơ
Với một bàn tay dầm chiêu mắt tìm về xa thăm
Ổng tay áo một bên
Thắt lại nhói đau bao khắc khoải âm thầm

Người thương binh làm thơ
Viết về cỏ cây viết về tuổi mơ ngàn ngủ
Những ngày đợi nhau đi học
Lưng mẹ còng trong đục một dòng sông

Nét bút xê dịch trên những ngọn đồi những cánh
rừng cháy lửa
Câu chữ oằn mình chớp bom nào xé toạc màn đêm
Về ngôi mộ cuối rừng vết thương từng lần tái phát
Vòng tròn ký ức không có tên mình

Người thương binh làm thơ
Viết về hôm nay, ngày mai dưới ánh mặt trời gieo
chữ
Dòng sông của mẹ đục trong mùa cũ từng những tên
cầu mới xây
Bài đồng ca trường làng vút ngân từ ngàn bông hoa
trong suốt
Người thương binh làm thơ bằng cánh tay còn lại
Giữ mùa xuân trong ống áo bạc sương.





BÙI THỊ NHƯ LAN

Sau những mùa bjoóc mạ

1. Trời ngả sang chiều. Nắng đầu thu sơ rút lên ngọn cây bjoóc mạ, nhuộm màu vàng ánh ướt trên muôn vòm lá. Dưới lòng suối Nậm Na rắc đầy lá vàng, lúc thì kết cụm tựa đoàn thuyền lớn đang neo đậu, khi thì tản ra theo con nước chảy, nhảy lửng tung tung mình giữa ghềnh đá lớn, đá bé, rồi miệt mài băng băng trôi về dưới hạ nguồn...

Chị ngồi dưới gốc cây bjoóc mạ to nhất vùng này, thắm thì gọi tên anh Khiết như bao chiều đã trôi qua. Gió thu khe khẽ, mơ hồ... tựa tiếng xa ngái âm âm vọng lại. Chị rừ rì nói chuyện cùng cây bjoóc mạ và dòng suối Nậm Na những câu chuyện không đầu, không cuối, tưởng như vừa mới hiển hiện thôi, nhưng thực ra thời gian trôi qua lâu rồi. Từng chuyện này sang chuyện khác, nối dài qua tháng năm. Chuyện của chị giống như tụi nước dưới dòng suối kia, không có điểm dừng.

Chị nhẩn nha khe khẽ tâm tình với linh hồn của người chồng mà chị rất nhớ thương.

“...Anh Khiết ơi, anh ở trên cao thăm thăm ngàn trùng, chắc anh biết trời bắt đầu sang mùa thu rồi. Nắng thu vàng trong trẻo tươi đậm núi rừng và bản mình anh ạ. Chiều nay, nắng òa ập nhảy nhót trên những cành cây bjoóc mạ đang chuyển màu lá sang mùa, rồi nhẹ nhàng tung hứng, ủa ập vũ điệu, theo con nước dưới dòng Nậm Na khiến cho mặt suối lấp lánh ánh vàng mê mướt.

Bồi hồi em nhớ, cũng vào buổi chiều như thế này, giữa không gian tràn căng gió thổi, rộn tiếng lách rích khe khẽ, mềm mại của lá vàng bay chênh chao đậu xuống mặt suối, cùng bản hòa âm rừ rít của ngân chim... em chìm ngập trong ánh nhìn thời miên của anh.

Năm ấy anh nhí, bên gốc cây bjoóc mạ cổ thụ, em lần đầu say miết bởi nụ hôn nồng nàn, da diết, đắm đuối. Em như tan mềm trong vòng tay khoáng đạt, vồng ngực khỏe khoắn vững chãi của anh. Tiếng anh ồm ồm: “Anh yêu em nhiều... về làm vợ anh nhé”. Lúc ấy, trái tim của em đập loạn xạ như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực trình khôi. Em bồi hồi khẽ khép mí mắt, tận hưởng giây phút thần bí, êm ái, ngọt đậm của nụ hôn đầu đời. Anh nhắc bóng em lên, xoay theo sắc vàng lá bay. Cứ thế, cho đến lúc hai đứa mình cười nghiêng ngả, mê mãi...

Vậy mà đã hai mươi sáu mùa thu đi qua rồi phải không anh? Em nhớ anh vô cùng anh Khiết ơi. Anh có biết đêm qua em trằn trọc đếm tiếng sương rơi, lần từ trên mái ngói âm dương xuống sân không? Hàng ngàn giọt sương tí tách, hòa vào thanh âm rì rả của bầy côn trùng, giữa tiếng rì rầm mệnh mang của dòng

suối, trong lời khắc khoải của con chim “háp đầu cầu trục” (bắt cô trói cột) khiến em thao thức, bồn chồn, thấp thỏm trào dâng nỗi lo lắng mơ hồ, hết như đêm định mệnh, anh bỏ mẹ con em bay về miền mây trắng u tịch...

Giờ đây, thằng Minh con chúng mình, nối nghiệp chặng đường dang dở của anh, sau khi tốt nghiệp xuất sắc Học viện Công an nhân dân, được chọn ở lại Học viện làm giảng viên, nhưng nó xung phong về cơ sở, nhận công tác tại địa bàn xã khó khăn Cốc Pái. Đây, nó giống anh từ khuôn mặt chữ điền, nước da nâu sạm, vầng trán cao, đôi mắt tròn to cương nghị, mái tóc húi cua, đến dáng cao khỏe khoắn, bước đi chắc nịch trên đá núi... đặc biệt là tính thẳng thắn, cương trực, sâu sắc, cần trọng sắp xếp khoa học, thấu tình đạt lý, hiệu quả từ việc cơ quan Công an xã, đến việc nhà, họ hàng, làng bản... Em thầm tự hào về con anh ạ.

Vừa mới sáng nay thôi, mẹ nói với em: “Thằng cháu ngoại ngoan của mẹ ỹ hệt con rể. Thật là phúc dầy quá đi”.

Đây, chị rừ rì nói chuyện với chồng mình như thế, chuyện này sang chuyện khác, trong tiếng gió rì rào, cho đến khi tắt nắng mới ngưng lời. Cuối câu chuyện tâm tình, bao giờ chị cũng nhẩn nhừ: “Anh Khiết à, dù chân anh đi xa bao nhiêu quả núi, cánh rừng, dòng sông... vĩa thiêng, vĩa ngoạn của anh theo gió bay trên mây ngàn, thì hãy nhớ tháng Bảy mà về với mẹ con em cùng người bản mình...”. Và khi bóng tối nhập nhòa, chị ngừng lời gọi vĩa. Nước mắt chị tuôn rơi, long đong nhỏ tràn mặt suối...

Lúc ấy, mặc cho khuôn mặt héo úa đầm nước, chị uể oải đứng lên, đôi chân trĩu nặng như đeo đá, thấp thỏm bước trên lối mòn lên nhà.

2. Ngôi nhà sàn năm gian vững chãi có những cây cột tròn trịa, làm từ gỗ sến, dưới chân mỗi cột kê bằng những viên đá hình vuông màu đỏ của gia đình chị ở đầu bản Nà Bung. Phía sau nhà chị bạt ngàn rừng sau sau. Cây to, cây nhỏ chen chúc nhau leo tít lên ngọn Phja Đán nhấp nhô rừng thưa hình ngọn lửa, quanh năm suốt tháng chúi mình trong mây trắng. Phía trước nhà chị là con đường đá liên xã chạy xuống thị trấn, ngày ngày người ngựa từ trên núi xuống, từ dưới thị trấn lên qua lại rất nhiều. Đường đá ấy thoải thoải qua bãi ngô, bãi rau là đến dòng suối Nậm Na, giấu mình dưới những tảng bjoóc mạ, cây lau, cây chít. Quanh năm, suốt tháng, từ trong nhà, chị nghe rõ nước chảy róc róc cùng tiếng cá quẫy lớt thót.

Trước đây vùng núi Phja Đán yên bình, thế nhưng



Minh họa: Nguyễn Gia Bảy

từ ngày mở rộng đường liên xã, nối dài sang tỉnh Cao Bằng, ngày nào cũng thế, vào lúc trời nhập nhoạng tối, thâu đêm đến gần sáng, chả biết xe máy bé, xe ô tô to nhỏ các loại từ đâu đó trong rừng, trên núi nườm nượp chạy qua nhà chị. Người bản thì thầm nói với nhau, đấy là hàng hóa lậu từ biên giới xuống, hoặc từ dưới xuôi lên, đi đường tắt qua đây tránh gặp cán bộ kiểm tra. Hàng gì thì không ai biết.

Như là định mệnh, chị gặp anh lần đầu ở trong ngôi nhà của gia đình mình. Gặp rồi thì hai người như ngấm men say ái tình, cái mắt muốn nhìn thấy nhau mãi.

Nhớ lắm, mùa xuân năm chị với anh dán mắt vào nhau, hoa đào thấp lửa rực rỡ bản gần, bản xa, núi cao, núi thấp. Dọc hai bên bờ suối những cây bjoóc mạ đua nhau bung sắc vàng quỳnh rũ. Từng chùm, từng bông nhè nhẹ tỏa hương ướp đắm thính không. Hoa thơm đẹp, nhưng từ xa xưa người Tày

SÁNG TÁC VĂN HỌC

quanh vùng núi Phja Đán mặc định đây là hoa tâm linh, hoa của ma, của thần. Thế nên, khi xuân sang, sau Tết Nguyên đán dân bản thường hái những chùm hoa bjoóc mạ thơm thảo về làm lễ “*Lầu Then*” (Hội Then). “*Lầu Then*” là dịp then chủ mời các “lục pút” (học trò của then chủ) hội tụ, gặp gỡ quây quần để dòng chảy văn hóa tâm linh của Người Tày thế hệ trước, truyền thụ cho thế hệ sau sâu rộng, giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người rẻo cao. Lễ hội “*Lầu Then*” cũng là dịp các nam thanh, nữ tú trong vùng gặp gỡ, giao lưu, tâm tình.

Mé chị là then Ngần uy tín trong vùng, có nhiều “lục pút”, thế nên năm nào vào mùa xuân mé cũng tổ chức lễ hội “*Lầu Then*”. Trước ngày mở hội, mặc dù chị bận việc dạy học cho các trò ở Trường Trung học cơ sở Pác Miêu, nhưng bao giờ chị cũng sắp xếp thời gian một buổi chiều, trước ngày làm lễ “*Lầu Then*” để cùng các “lục pút” chuẩn bị bản thờ *Then*.

Trên bản thờ *Then* hoa khảo quang, hoa bjoóc mạ tỏa hương nồng đượm. Lễ vật có mâm xôi ngũ sắc trên là con gà trống vàng ươm, mâm bánh giầy trắng tượng trưng mặt trăng rắc ánh sáng bạc, mâm bánh giầy đỏ tượng trưng mặt trời tỏa nắng. Những phong bánh khảo thơm thảo của gia chủ *Then* dâng lên mừng trời...

Năm ấy, trời sang xuân nhưng gió bắc ào ạt thổi, rắc sương muối phủ kín bản. Thế nhưng ngút ngàn cây bjoóc mạ vẫn tung hoa nhuộm vàng dọc suối Nậm Na.

Chín giờ tối. Sương sà vào trong nhà mang theo giá buốt. Nhang trầm tỏa hương thơm ngan ngát, từng bầy chim én làm bằng giấy ngũ sắc, xâu chỉ đỏ chấp chới bay lượn trên bản thờ *Then*. Những cây “cầu hoa” làm từ ống nứa gắn thành hình chiếc thang. Trên từng bậc thang giấy bản chạm trổ họa tiết hoa lá rung rinh dưới ánh đèn, bạt ngàn chùm bjoóc mạ vàng rực rỡ tỏa hương ngào ngào ngạt... Sát bên bản thờ *Then*, buồng chuối rừng mới trổ, hoa chuối khoe sắc đỏ tươi, là biểu hiện âm dương hòa hợp, sinh sôi nảy nở...

Lời then của mé chị cùng các “lục pút” thánh thót vang xa: “*Bươn slam làm chă/Bươn hă làm nà/Hooc nguot loong nặm piến đă/ Chăt nguot khin khaut phía piến ngoang/Khỏi lục là nàng bản mùa đĩa...*” (Tháng Ba chăm mạ/Tháng Năm chăm lúa/Tháng Sáu xuống nước hóa thành muông muôm/Tháng Bảy lên rừng lột xác biến thành ve/Tôi là con trời ngày xưa...).

Khi lời then đang cao trào da diết ngân vang, bỗng nhiên phía trước nhà chị, trên con đường đá coi xe găm rú inh ỏi, từng tràng tiếng súng nổ đinht tai, nhức óc rộ lên, lửa đỏ sáng rực trong đêm.

Có chuyện xảy ra rồi. Mọi người trong hội “*Lầu Then*” nháo nhác.

Mé chị dừng buổi lễ. Người già, phụ nữ, trẻ em dắt díu chạy ra phía sau nhà, náu mình giữa rừng cây sau sau, phòng tránh chuyện không hay. Riêng thanh niên trai tráng khỏe mạnh ào ra đường giúp người tốt, bắt lũ người xấu.

Tiếng súng nổ chát chúa giáp bờ rào đá nhà chị. Gần đến nỗi tai chị ù đặc. Chị luống cuống, tay chân quỳnh quáng, tim đập thình thịch lo lắng. Lúc ấy, mé bình tĩnh giục: “Con gái, thổi lửa bếp to lên để nước lá thơm trong nồi tỏa hương, đuổi mùi thuốc súng khét lẹt đi”.

Mé vừa dứt lời, chị đang chụm môi thổi lửa phù phù, bất chợt từ cầu thang vang lên những bước chân gấp gáp, lịch kịch. Một chiến sĩ Công an cồng người cùng mặc sắc phục leo lên trên nhà chị. Theo sau là nhiều thanh niên bản.

Kìa, mắt chị trần trần nhìn vào chân người Công an ở trên lưng đồng đội. Phạ ối! Máu đỏ đang tủa ra. Mé cao giọng bảo chị: “Con Ngần, còn đứng đấy à? Vào buồng bưng mở rượu, lấy tấm vải chà mồi xé ra bằng bó!”. Miệng nói thế, tay mé nhanh chóng lấy rượu thuốc ngâm trong bình đội vào chân người bị thương để sát trùng. Nhanh chóng, mé dùng lá cây xanh tảo tươi, trộn lòng củ cầu tích đắp vào để cầm máu. Chị cẩn trọng nâng chân người Công an, khéo léo băng vết thương. Vừa băng bó, chị vừa dịu dàng động viên: “Anh cố chịu đau, sẽ ổn thôi. May bị phần mềm...”. Anh Công an bị thương, dường như nén đau, miệng cố nở nụ cười: “Thật may có bác và em. Con cảm ơn bác nhiều!”. Mé chỉ chép miệng: “Ồ, cháu vì nhiệm vụ giữ bình yên cho dân bản, bác không nhận lời cảm ơn đâu. Dòng họ nhà bác ai cũng biết lấy lá thuốc đây”.

Đôi mắt to, sáng của anh nhìn chị ăm nòng. Chị bối rối ngập chìm vào ánh nhìn của anh. Trái tim trinh nữ của chị như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Tay chị run bần khi đưa anh cốc nước chè hoa vàng uống giải nhiệt, tăng sức đề kháng. Đôi bàn tay rắn chắc của anh, khẽ chạm vào những ngón tay mềm mướt của chị. Úi chao! Chị cảm giác như có dòng điện lan tỏa... Anh khẽ nói: “Anh tên là Khiết, anh sẽ quay lại nơi đây em à...”.

Khi những chiến sĩ Công an tóm gọn tội phạm và lên xe ô tô xuống núi đi xa rồi, chị vẫn ngồi thất thần như bị bắt mất hồn vía.

Nửa năm trôi qua, dường như ngày nào chị cũng thầm nhớ về người chiến sĩ Công an bị thương. Cho đến một trưa đầu thu, nắng vàng rớt mặt mía, đúng như lời hẹn, anh Khiết lên nhà chị.

Buổi chiều hôm ấy tràn gió, trong rí rầm mênh mang sóng nước bên bờ suối Nậm Na, anh nắm chặt bàn tay nhỏ nhắn của chị, gương mặt đượm buồn, anh thủ thỉ...

“*Anh quê ở miền biển Hải Phòng. Bố anh hy sinh trên Đồn Pò Hên trong Chiến tranh Biên giới phía Bắc. Mẹ anh làm Trưởng khoa Nội của Bệnh viện Quân y 7 (Quân khu 3). Năm anh mười ba tuổi, trong một lần mẹ anh cùng đoàn y, bác sĩ ra huyện đảo Bạch Long Vĩ khám, chữa bệnh và phát thuốc miễn phí cho người dân. Con tàu trên hải trình lênh đênh giữa biển khơi đang trở về đất liền, bất ngờ gặp cơn lốc xoáy, gió to, sóng lớn. Mẹ anh ở trên boong tàu không kịp chạy xuống, nên bị gió lốc hất rơi xuống*

biển. Những con sóng khổng lồ, lừng lừng cuộn cuộn cuốn mẹ anh vào lòng biển đông gió... Tàu của Bộ đội Biên phòng cùng ngư dân vượt sóng, ứng cứu, nhưng mẹ anh bị ngạt nước không qua khỏi. Mẹ hy sinh giữa vùng biển quê hương, trên người vẫn khoác áo blouse trắng. Anh đồn đau, bơ vơ, lạc lõng trước nỗi mất mát quá lớn. Bố hy sinh từ thuở anh mới tám tuổi, giờ chỗ dựa duy nhất là mẹ cũng không còn...

Là con liệt sĩ, anh được ưu tiên đặc cách tuyển chọn vào nhập học Trường Văn hóa 1 Bộ Công an. Học xong chương trình Trung học phổ thông, anh thi đỗ vào Học viện An ninh nhân dân. Ra trường, cấp trên phân công anh về công tác tại Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Thái Nguyên.

Đêm anh bị thương, làm lỡ dở hội “Lầu Then” của mẹ, anh cùng lực lượng trinh sát nội tuyến của Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Thái Nguyên, sau nhiều ngày mật phục, theo dõi đã tóm gọn kẻ buôn bán vận chuyển ma túy số lượng lớn. Chúng cực kỳ nguy hiểm và liều lĩnh, mang theo vũ khí trong người, chống trả quyết liệt lực lượng Công an. Và, trong lúc không chế tên trùm Tuấn “chột”, anh bị thương...”.

Nói đến đây, bất chợt anh ngừng lời. Ghé tai chị anh thầm thì: “Cô giáo ơi, anh nhớ em vô cùng...”. Chị khẽ mỉm cười, trách nhẹ: “Nhớ ư anh? Em thấy có điều gì đó sai sai vì qua nửa năm qua rồi...”. Không để chị nói hết câu, anh bất ngờ ôm siết lưng ong của chị trong vòng tay lực lưỡng, bờ môi anh mơn man hôn chị nồng nàn đắm đuối. Trong bóng hoàng hôn tím sẫm, giọng anh nồng nàn: “Anh yêu em...yêu em thật nhiều...”.

3. Bản Nà Bung trôi vào đêm yên tĩnh. Núi rừng thăm thẳm, trầm mặc. Tiếng chim “háp đầu cầu trúc” da diết, khắc khoải như muốn xé vụn bóng tối. Bỗng hồi, thồn thức khôn nguôi, chị đau xót nhớ ngày định mệnh anh rời cõi trần bay về miền xa xanh...

“*Tháng Bảy. Mặt trời ngạo nghễ đứng trên đầu ngọn núi Phja Đán vai nắng nóng xuống núi rừng, làng bản. Nắng chang chang tựa chảo lửa từ trong vườn Tú, đến nay đã gần bốn tháng. Cây trái từ trong vườn nhà, đến cây rừng lớn, rừng bé lá cháy nắng tấp xém héo hon. Các xã quanh vùng núi Phja Đán xảy ra hạn khô trên diện rộng. Dòng suối Nậm Na chưa năm nào cạn nước, giờ khô khốc. Ruộng bậc thang nứt toác. Nước suối rì rì bé tí teo, tí tách từ khe núi chảy ra nhỏ giọt. Người già chép miệng thở than: “Ông “phạ” (trời) muốn triệt đường sống của người cùng vạn vật hay sao mà không hắt nước từ tầng trời xuống?”. Chuyện hạn khô như thế này chưa từng xảy ra ở đây. Nhiều bản lập đàn cúng “phạ”, nhưng ngày này qua ngày khác, nắng vẫn gay gắt đổ lửa. Người bản lao đao khổn khổ khoan giếng. Nhiều nhà khoan khắp vườn trên, ruộng dưới mà không có nước.*

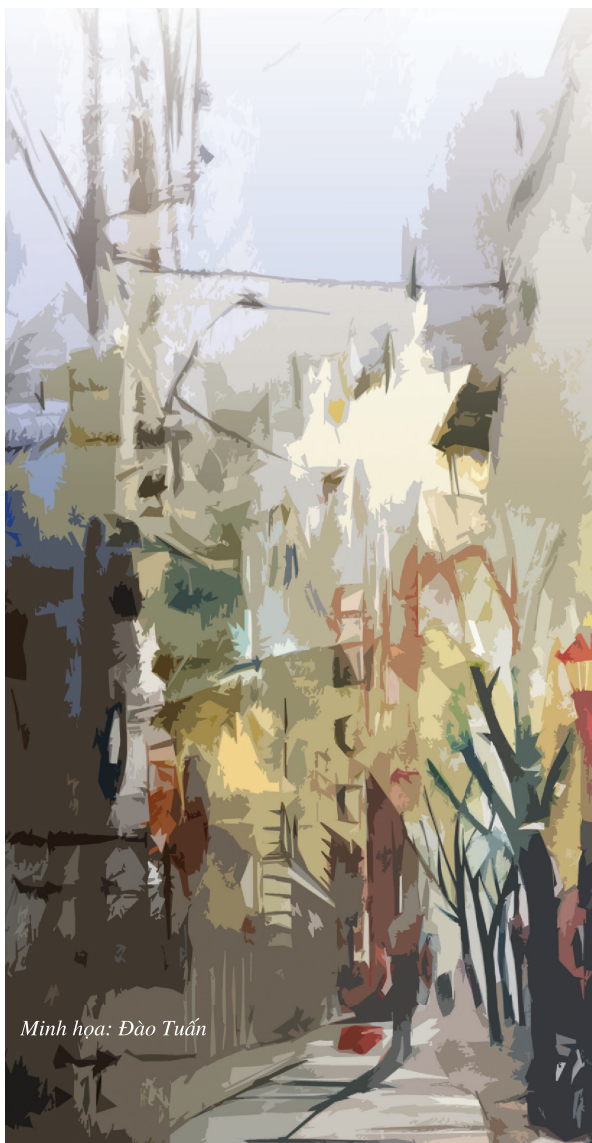
Nhà chị thuê thợ khoan giếng khắp vườn. Khoan đến cái giếng thứ tám thì chạm vào mạch nước. Bản Nà Bung của chị có ba mươi nóc nhà quần tụ, chỉ năm giếng khoan có nước. Các nhà dùng chung nhau, đủ ăn uống là tốt rồi. Tắm giặt đi xa gần năm cây số...

(Xem tiếp trang 40)



KỲ SƠN

PHỐ CỨ Ở YÊN ĐÓ, TÔI THƯƠNG ĐẦY PHỐ CHO



Minh họa: Đào Tuấn

Tôi lại nhớ phố rồi, những ngày tháng quờ đầu cũng chạm vào thương nhớ. Đôi lúc đời xô đẩy mệt mỏi, tôi lại trở về căn gác nhỏ phía ngoài ô tránh xa phố phường tấp nập. Cảm giác mình như choáng ngợp bởi những hào nhoáng nơi này. Hơn lúc nào hết, như loài ốc, tôi lúc này thích rúc mình vào chiếc vỏ đơn sơ nhưng ấm áp khi đông bão đổ về...

Gần bó thành phố này gần 20 năm, tôi như thuộc về nó, chẳng phải là nơi chôn nhau cắt rốn gì nhưng tất cả con đường trên thành phố này tôi đã từng đi qua, ở lại và có khi say khướt khóc, cười cùng nó. Thành phố này kể đôi khi cũng lạ lắm, nó như một khối rubik được đan xen một cách rời rạc có sắp đặt vậy. Ngày khăn gói rời quê, tôi rơm rạ ngỡ ngàng trước đại lộ thành phố, mà có khi đó cũng là đại lộ đời mình, hẳn nhiên nhiều ngã rẽ. Đúng, sai, phải, trái khi ấy được nhìn qua tà áo trắng. Trong sáng và lý tưởng lắm! Chàng trai 18 tuổi rụt rè kèm chút hoảng sợ bởi sự hoa lệ của thành phố. Tôi trượt đại học, đúng lúc trời vào mùa mưa...

Mưa ngập tràn con hẻm nhỏ, đèn đường rọi bóng 12 năm cấp sách đổ xuống mặt đường. Tôi cảm lạnh trong mưa thành phố, mặc nhiên cứ để mưa gió ủa vào lòng như gột rửa thứ gì đó mới nảy mầm nhưng đã toan chai sạn.

Đủ thứ nghề không tên trong cuộc mưu sinh nơi này, và tôi, đôi lúc cũng không gọi được tên cho chúng nó. Thời gian ấy, dường như không có mối quan tâm nào là lý tưởng với tôi cả, có khi tôi cũng tập quên mình trong mưa gió đất khách quê người. Tôi bỏ cuộc.

Nhưng thành phố này bằng cách nào đó đã luôn âm thầm bên tôi, dù tôi đứng dậy theo hướng riêng của nó. Những ngã đường bắt đầu thay lá, đơm mùa hoa mới, sau mưa gió run rẩy, các bông sao trắng ngỡ như lấp cả vỉa hè, hàng cây trút đợt lá cuối cùng để đón mùa kết nhụy mới. Ở phải, hàng cây già cũng thay da đổi thịt, thì hà cớ gì tôi lại khư khư ôm nỗi buồn lòng mình mà sống hao mòn đến vậy!

Ngày những giọt mưa cuối cùng rơi trên hè phố là ngày lòng bắt đầu xanh lại trong tôi. Thùng trà đá luôn đầy ở đầu phố, vài chiếc honda của bác xe ôm

truyền thống đang thong dong gác chân lên yên xe để mơ màng một giấc trưa, quán cơm mang phong vị quê, vẫn bốc lên làn khói ấm, ở bất cứ đâu trên những góc đường khắp thành phố này và tất cả đều treo bảng... miễn phí! Tôi đi về bao bận vẫn trông thấy nhưng chưa từng thắc mắc về nó, như một sự hiển nhiên của thành phố này vậy, nhưng trong bất giác tôi lọt thỏm trong căn trọ nhỏ, “ốc sên tôi” chui ra khỏi vỏ và đặt câu hỏi với thành phố này: Tại sao lại là miễn phí? Tại sao tôi lại xem đó là hiển nhiên?

Phải chăng những tình yêu người với người từ khởi thủy đến nay đều không thay đổi, đó là thứ không thể bán mua, không đổi chác, vụ lợi vì bản chất ta đến bên nhau là miễn phí! Và chỉ có sự “miễn phí” mới đúng là yêu thương. Trong một mùa mưa cuối của phố năm ấy, tôi biết lòng tôi cũng đang trở mùa xanh thắm lại. Góc phố, hàng cây, quán xá,... đều miễn phí với người cần nó, tôi cũng bắt đầu tập sống như thành phố nơi này.

Thoát khỏi những bủa vây của lòng lúc nào cũng chật vật, tôi phải tập dần với chính mình trước, tập miễn phí yêu thương của mình dành cho mình. Thứ tha cho sự hồ hởi đầy non nớt của tuổi trẻ, dằn ảm cho bao lần thất bại của sự kỳ vọng đầy vật chất của mình. Trở về vun vén thêm cho một góc lòng tôi. Như những thùng trà đá, túi bánh nơi này, cứ cho đi thôi xin đừng đặt câu hỏi “Bao nhiêu là đủ?”. Từ trong dòng chữ “miễn phí” đã chứa cái đủ ở đó. Đó là cái đủ của lòng, của thực hành và nhân rộng điều tốt đẹp!

Rồi tôi cũng biết đủ trong ngày tháng gần bó nơi này, như hàng cây già trải qua nhiều mùa nắng, nắng mưa là việc của trời, hàng cây vẫn tỏa bóng và rơi xuống từng đốm hoa trắng tinh khôi cho thành phố.

Và tôi, những ngày mưa về thành phố này, đêm nghe tiếng mưa rơi đều trên nóc căn trọ nhỏ, đoạn phim gần 20 năm gá mình với phố cứ lần lượt hiện về, làm đầy tôi thêm từng chút một. Mưa vẫn mưa, phố vẫn phố, nhưng giờ tôi đã khác, đã biết yêu phố và dịu dàng với mình hơn, trong mưa đêm thành phố, tôi khẽ hứa với lòng mình rằng: Phố cứ ở yên đó, tôi thương đầy phố cho!!!■



LINH CHÂU

Tháng Bảy ghé về trong tiếng mưa rơi nhẹ nơi mái hiên cũ. Mưa rơi lách tách như những nhịp gõ nhắc lòng người lắng lại. Không hiểu vì sao, mỗi khi tháng Bảy về, tôi muốn sống chậm lại, nói khẽ hơn, và cúi đầu lâu hơn trước những điều tưởng đã cũ - những kỷ niệm, những con người, những hy sinh lặng thầm đã từng đi qua cuộc đời mình như bóng mưa thoáng qua, nhưng để lại dư âm chẳng thể phai mờ.

Trong ngăn tủ gỗ cũ của bà nội, có một chiếc khăn tay đã ứa màu thời gian, nhẹ nhàng bọc lấy một bức thư mỏng manh, nét chữ tím nhòe run run của bác tôi đang viết giữa rừng sâu. *“Mẹ à, con vẫn ổn. Ở rừng thiếu thốn đủ bề, nhưng đồng đội thương nhau lắm. Con nhớ nhà, nhớ cơm cá rô kho mẹ nấu...”*. Lá thư dừng lại ở đó, không lời kết. Ở cuối trang, một vệt mờ loang nhòe, có thể là nước mắt của bà, cũng có thể là giọt mưa năm ấy, khi người ta đến báo tin bác đã hy sinh ở mặt trận phía Nam. Chỉ một mảnh giấy nhỏ, một dòng thư dang dở, nhưng chứa cả nỗi nhớ, cả tình thương và cả một thời hào hùng đã lặng lẽ trôi qua trong nước mắt. Bà nội tôi từng bảo: *“Mỗi người hy sinh là một ngọn nến được thắp để đất nước được sáng mãi”*. Hồi nhỏ, tôi không hiểu hết những lời của nội. Với tôi khi ấy, chiến tranh chỉ là những thước phim cũ trên tivi, là vài trang sách sử khô khan nơi lớp học. Nhưng rồi khi tôi lớn lên, chiến tranh dần hiện ra, không phải bằng tiếng súng, mà bằng những lặng im. Là ánh mắt xa xăm của bà mỗi lần giở bác, là tấm ảnh đen trắng đã ứa màu thời gian nhưng vẫn được treo trang trọng trong phòng khách, là những câu chuyện dang dở về một thế hệ đã lặng lẽ sống, lặng lẽ hy sinh để giữ lấy hình hài đất nước. Lúc ấy, tôi mới hiểu: Có những nỗi đau không còn hiện hình bằng máu, mà bằng ký ức.

Một lần, trường tôi tổ chức cho học sinh đi thăm nghĩa trang liệt sĩ. Những hàng mộ xếp thẳng tắp, lặng lẽ như một bản nhạc buồn không lời. Tên người nằm im trên những phiến đá lạnh. Có ngôi mộ chỉ vón vụn ba chữ: *“Chưa rõ tên”*.

Tôi đứng thật lâu trước bia mộ ấy. Tự hỏi: Người đó là ai? Có mẹ già chờ ở quê nhà? Có từng ôm em thơ ngủ yên trong vòng

tay? Có từng nắm tay người yêu bên giếng làng một chiều đầy gió? Chiến tranh không chừa một ai, không phân biệt tuổi tác, tên gọi hay quê quán. Nhưng chính họ, những cái tên vô danh, những số phận không còn ai nhớ mặt lại hy sinh âm thầm để thế hệ chúng tôi được lớn lên trong hòa bình. Không phải ai cũng được ghi vào sử sách, nhưng trong lòng đất này, mỗi năm mộ đều là một trang sử, lặng thầm mà bất tử.

Không phải bằng băng rôn rực rỡ hay những bài diễn văn dài mà đơn thuần chỉ là một bó hoa đặt nhẹ trên mộ, một phút mặc niệm giữa nắng sớm, một đứa trẻ đứng nghiêm, tay chào không chệch một ly. Chính những điều nhỏ bé ấy lại là cách sâu sắc nhất để chúng ta giữ lời hứa với quá khứ: Không ai bị lãng quên. Không điều gì bị lãng quên. Tôi vẫn tin, ở đâu đó rất xa, nơi không còn chiến tranh, không còn đạn bom những người lính năm xưa vẫn đang âm thầm dõi theo từng mùa tháng Bảy trôi qua trong hòa bình.

Tháng Bảy trong tôi cũng là tháng của những buổi chiều gió hun hút, khi tiếng loa phưởng vọng về từ xa vắng vắng đọc tên những anh hùng liệt sĩ trong một chương trình tưởng niệm. Giữa bộn bề lo toan, những cái tên xa lạ ấy lại khiến lòng tôi lặng đi vài nhịp. Bởi cái tên nào cũng từng là một người hùng, từng có tuổi thơ, từng có mẹ ngóng đợi ngoài thềm, từng có giấc mơ không bao giờ thành hiện thực.

Có lần, tôi đọc được bài thơ “Ngôi buồn nhớ mẹ ta xưa” của nhà thơ Nguyễn Duy, viết từ những ngày bom đạn đã xa. Mà lạ thay, đọc giữa tháng Bảy, lại thấy như được ai đó chạm nhẹ vào tim:

*“Mẹ ru cái lẽ ở đời
sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn
bà ru mẹ... mẹ ru con
liệu mai sau các con còn nhớ chăng...”*

Thơ không nói về chiến tranh, nhưng vẫn khiến ta nghĩ đến những người mẹ ở lại, ru con trong lặng lẽ, những người vợ trẻ không kịp đón chồng trở về, và cả những đứa trẻ lớn lên bên bàn thờ, chỉ biết gọi cha qua một tấm hình đen trắng.

Tháng Bảy, hình như đất trời cũng chậm hơn. Không phải vì mưa, không phải vì gió, mà bởi lòng người đang lặng lại, để nhớ và tri ân những bước chân không bao giờ trở lại ■



Ảnh: Đỗ Anh Tuấn

THÁNG BẢY - NHỮNG BƯỚC CHÂN KHÔNG TRỞ LẠI

Tay áo gió lửa...



VŨ THỊ HUYỀN TRANG

Mùa đông hay mùa hè ông Hạnh cũng đều mặc áo dài, một bên tay áo buông thông gió lửa bay phấp phới. Người ta tưởng đã quên mất chiến tranh nếu như một bên tay áo ông không phấp phới mỗi chiều. Chiến tranh đi qua ông không bao giờ nhắc lại. Ngay cả khi trái gió trở trời vết thương tấy nhức ông cũng không than thở một câu. Giấy tờ thất lạc, Phòng chính sách xã hội giục ông làm lại để hưởng chế độ nhưng ông lắc đầu bảo: “Còn khỏe mạnh còn lao động kiếm cơm được là đã may mắn hơn bao nhiêu người khác”. Ông sống một mình ăn tiêu là bao. Gạo đọng một lần ăn cả mùa. Quần áo thì bao nhiêu năm nắng mưa sờn rách, ông bảo: “Kệ. Mặc thế cho mát. Áo mới vài cồng cồng mặc vào ngứa ngáy khắp người, thêm bực”. Chỉ có rượu là tốn dù người ta không mấy khi thấy ông say. Nhiều hôm ông uống rượu chay, mỗi nhấm có khi là kỉ ức. Tụi nhỏ hay chạy chơi hái quả trong vườn kể lại với người lớn rằng chúng từng nhìn thấy ông dùng tay trái rót rượu mời tay phải.

- Tụi bay nói nhầm. Tay phải của ông Hạnh bị bom cưa cụt rồi còn đâu mà nâng ly rượu?

- Thì bọn con thấy ông rót rượu lên tay áo trống không. Tay ướt đầm đìa rượu. Rượu chảy xuống nền xi măng tong tồng từng giọt một. Ông nói “uống đi”.

Nhưng vẫn không ai tin tụi nhỏ. Ông già này hay lắm, lạc quan và hầu như không mấy khi buồn. Mờ sáng đã thấy bóng ông ngoài trại vệt cúi gập người nhặt trứng. Mấy trăm vệt đẻ nhưng giá trứng thấp quá nên lãi chẳng được là bao. Ông thả thêm cá giống, trồng mấy sào rau thơm bán cho các nhà hàng trên thị xã. Lúc nào cũng thấy ông lúi húi ngoài vườn chỉ tiếng hát bay qua những vòm cây. Bọn nhóc trong xóm mê ông lắm. Mê tiếng hát đã đành, lại mê luôn cả tiếng cười hào sảng của ông. Mà ông thì cười suốt. Ngay cả khi làm việc cực nhọc, mồ hôi nhễ nhại khắp người, ông ngồi tựa lưng vào gốc cây cười xòa với lũ nhỏ sang vườn xin quả chín.

Ông không lấy vợ mà ở vậy chăm mẹ già. Ngày mẹ già mất ông cũng cười “sinh lão bệnh tử. Đời người có ai tránh nổi quy luật ấy. Khóc mà



Mình họa: Nguyễn Gia Bảy

chỉ...”. Rồi thì cả căn nhà chỉ có con chó Vện làm bạn với ông. Ông đi đâu nó cũng theo chân lẳng nhẳng. Ngay cả lúc ông ngồi uống rượu một mình nó cũng nằm gác mõm ngó từng động tác của người bạn già. Ông nhậu bằng chuối xanh chấm muối, khế chua, mấy lá đinh lăng, vài ngọn rau húng chó nên con Vện chẳng kiếm chác được gì. Thỉnh thoảng ông dứ chén rượu vào mũi nó hỏi “uống không con?”. Có đêm người ta nhìn thấy ông ngồi với con Vện, ngắm trăng. Ông

uống say cất tiếng hát lúc nửa đêm cũng chỉ có mình con Vện làm khán giả. Mấy lần ông ốm con Vện nằm dưới đầu giường thỉnh thoảng lại hực lên mấy tiếng. Ông coi Vện như con, ông ăn gì thì nó ăn thế. Mấy con tép đồng kho béo ngày ông cũng sẽ nửa trộn với cơm gạo mới đẩy về phía Vện. Mùa nóng thì ôm nó vào nhà cùng nằm quạt. Mùa lạnh ông lấy áo mình lót ổ cho nó ở xó nhà. Bịn rịn nhau thế mà cuối cùng

SÁNG TÁC VĂN HỌC

Vện cũng bỏ đi trong đợt dịch chó dại mấy năm trước. Nào ai biết được nó bỏ đi đâu, còn sống hay bị người ta đập chết. Mấy ngày rong xe khắp các ngõ ngách, lội hết đồng cạn đến đồng sâu thì ông thôi không tìm nữa. Người ta thấy ông vẫn cười nhưng nụ cười lạ lắm. Mắt ông như có nước, môi run run như kìm tiếng nức nở trong lòng.

Hồi ông còn trẻ, tóc còn chưa nhiều sợi bạc gặp ai người ta cũng giục “lấy vợ đi”. Ông chỉ cười trừ để đấy. Lòng ông mắc cạn đâu đó trong lời hứa năm xưa. Người con gái ông thương hứa sẽ đợi ông trở về sau khi đất nước yên tiếng súng. Nhưng khi bị thương nằm ở chiến trường cũng là lúc ông nhận được tin người thương đi lấy chồng bỏ lại mẹ già và ba gian nhà lá. Lúc trở về sau cuộc chiến tranh ông có vài lần gặp lại người xưa. Mắt ông nhìn thẳng mà mắt người thương thì nhìn xuống. Ông biết một bên cánh tay áo buông thõng của mình đã khiến người xưa thấy xót xa thương cảm. Vài lần người xưa đôi ăn cổ cười. Vài lần ông nghe phong thanh chuyện người xưa sống không hạnh phúc. Vài lần đi lên thị trấn giao trưởng ông gặp người xưa thấy mắt thâm quầng, người gầy rộc. Thương chứ sao không. Cánh tay áo bay phất phơ của ông có lẽ càng làm người xưa thấy bề bàng. Ông đã có lần muốn dang tay mà bao học chờ che. Nhưng người xưa chỉ nhìn vào bên tay áo gió lùa. Phấn phật. Mà xứ này thì không có gì nhiều như gió...

Bây giờ người xưa thành bà nội, bà ngoại lâu rồi. Ông đi qua nhà ngó thấy con đàn cháu đống. Người xưa giờ mấy cái răng hàm đã rụng, cười má hóp, những vết chân chim đậm đầy trên môi mắt. Hôm ông qua sông mua mấy trăm vịt giống thì tình cờ gặp lại người xưa qua sông lấy thuốc cho chồng. Mắt người xưa nặng trĩu âu lo, hai bàn tay vân vê quai nón. Sông không rộng nhưng nước chảy xiết nên phà phải xuôi theo dòng một đoạn dài mới rẽ sang sông. Phà chạy rì rì nặng nhọc chờ trên mình biết bao nhiêu trần trở. Ông đứng cạnh người xưa mà không biết nói gì, mắt đăm đăm nhìn sông. Một tay người xưa xách tòn ten mấy thang thuốc bắc còn một tay giữ rịt chùm bóng bay xanh đỏ đang căng cựa gió sông để bay lên. Người xưa cười phàn bua “mua về cho tụi nhỏ. Cháu nội cháu ngoại cả thầy bấy đứa. Mua cái gì cũng phải mua đều mua đủ”. Như biết mình vừa lỡ lời chạm phải nỗi buồn chiều tuổi già của ông, người xưa thở dài hỏi “sao bao nhiêu năm ông không lấy vợ? Trẻ chẳng cần ai nhưng già thêm tiếng người quanh quẩn trong nhà”. Ông tính cười bảo

“có ai mà lấy? Đến người từng thương mình, từng hứa sẽ đợi mình mà cuối cùng còn bỏ mặc mình nữa là...”. Nhưng thôi, mấy lời đó đâu phải để nói với nhau khi tuổi đã xế chiều.

Ông nhìn chùm bóng nhiều màu sắc bất giác mỉm cười. Gió sông lùa vào khoảng trống của những chiếc răng đã rụng. Người xưa bất chợt ngẩng lên, trong đôi mắt mờ đục ấy chỉ còn thấy vệt sáng dưới đáy sông lan theo đường chạy của phà. Ông già cười vì biết đón người xưa ở nhà là những đứa cháu đáng yêu. Chúng sẽ chạy lại ôm chân nín vạt áo của bà reo hò tíu tít bên những quả bóng bay. Bà già chỉ cần đứng đó ngó chúng cười cũng sẽ thấy một nhọc tiêu tan. Còn hơn ông trở về nhà mà không có ai đợi cửa. Chỉ thấy trên bàn thờ di ảnh mẹ và khói hương lạnh ngắt. Ba gian nhà trống trải đến mức nghe rõ tiếng một kêu. Thỉnh thoảng con mèo hàng xóm sẽ sang ăn vụng. Nó giật mình khi thấy ông về nhà nên vội vã chạy thoát thân chỉ còn lại dấu chân trên vung nồi, bàn bếp. Con Vện chết rồi ông không dám nuôi con chó khác. Sợ mình gần gũi với nó rồi đến một lúc nào đó nó lại bỏ ông đi. Có những hôm tiếng lá khua ngoài vườn cũng làm ông giật mình ngỡ ai đó ghé thăm mình. Một con đom đóm bay đêm ông tưởng như người mẹ già nơi chín suối tìm về vì không yên tâm khi bỏ lại đứa con đơn độc nơi trần thế.

Những đêm gió lùa ông thường không ngủ được. Cứ nghe tiếng đồng đội mình thủ thi bên tai. Những lúc im tiếng súng lính trẻ ngồi bên nhau hay tán phét. Mười đứa thì đến tám đứa mong sớm kết thúc chiến tranh để về lấy vợ. Cứ mỗi lần nói về phụ nữ là từng ấy anh lính bỗng sôi nổi hẳn lên:

- Tóc người yêu em mượt lắm. Mỗi lần chạm vào là mát lịm tận tim gan. Vườn nhà em có cây bưởi to lắm. Khi nào hết chiến tranh em sẽ về hái bồ kết cho người yêu em gội đầu. Hái hoa bưởi làm dầu cho người yêu em ủ tóc. Giá bây giờ được dụi vào tóc người yêu em hít một cái thật sâu thì đã đời lắm.

- Hôm nọ anh ngủ mơ thấy môi người yêu. Nhưng đúng lúc kẻ môi định hôn thì tỉnh giấc vì tiếng súng đâu đó vọng lại. Tiếc ngán ngơ mãi đấy.

- Em thì chỉ nhớ nhất tay người yêu. Mười ngón tay biết tỏa hương. Chạm vào đầu cũng thấy dịu dàng ấm áp.

- Thế đã được nàng chạm vào những đầu rồi? - Cả bọn bật cười nhao nhao hỏi.

- Thì mỗi dịp vào tay nhau thì dãi phải ra chiến trường. Còn chạm vào những đầu nữa thì hết chiến tranh tính tiếp.

- Giá bây giờ mà được úp mặt vào ngực người yêu ngủ một giấc nhỉ. Chẳng có đầu binh yên bằng vòm ngực người yêu.

- Nhanh thôi mà các cậu. Chiến tranh rồi sẽ kết thúc. Sẽ kết thúc... Tụi mình sẽ về nhà với

mẹ. Sẽ vui đầu vào ngực người yêu. Sẽ ngủ những giấc dài không tiếng súng.

Cuối cùng chiến tranh cũng đã kết thúc nhưng những người đồng đội năm nào đã không ai được trở về úp vào vào ngực người yêu, vui vào tóc người yêu, hôn môi người yêu đầu. Ông bị thương mất một cánh tay, đơn vị trả ông về hậu phương trước trận đánh cuối cùng. Nếu ông còn ở lại có lẽ cũng đã thành năm đất giờ nuôi một bụi cây xanh ngắt nào đó trên mảnh đất anh hùng. Có đêm mơ thấy đồng đội về, chúng cười ha hả thi nhau hỏi ông: Thế đã biết thế nào là mùi đàn bà chưa? Chưa hả? Sao phí phạm tuổi xuân thế nhỉ, nhỡ ra ông phải sống cho cả phần của tụi này nữa chứ? Tụi này thêm tiếng đàn bà. Thêm mùi mồ hôi đàn bà. Thêm dụi đầu vào bầu ngực đàn bà quá... Không có tiếng cười nào vang lên. Tất cả đều cúi đầu yên lặng. Ông choàng tỉnh giấc nghe trong làng vang lên vài tiếng chó sủa đêm. Hương cau bay vào nhà ngan ngát. Cây cau ấy mẹ ông trồng để lấy quả đi hỏi vợ cho ông. Mẹ mất đi, cau còn đó. Năm nào cau cũng chín đỏ trên cây rồi khô rạc đi như tuổi trẻ của ông. Mẹ chồng của người xưa đã ngoài chín mươi. Nghe nói còn minh mẫn và thích ăn trâu cau lắm. Nên hôm gặp nhau ông có mời người xưa đến hái...

Mùa cau này là mùa cau thứ bao nhiêu ông không nhớ nữa... ■



Minh họa: Nguyễn Gia Bảy



PHAN HỮU MINH

HẦU CHUYỆN ĐỘI VIÊN TRUNG ĐỘI GIẢI PHÓNG QUÂN PHẠM HỒNG THÁI



Máy bay L5 tại sân bay dã chiến Lũng Cò, xã Minh Thanh (Tuyên Quang), hoạt động phục vụ Khởi nghĩa Tháng Tám



Cựu đại tá Nguyễn Huy Văn (Kim Sơn), thứ hai từ trái sang trong buổi trò chuyện tháng 7-2025

Tôi và ông biết nhau dễ cũng đến bốn chục năm, từ thời ông làm trợ lý, thường cùng đoàn Đại tướng Võ Nguyên Giáp về thăm chiến khu xưa... Ông về nghỉ hưu với quân hàm Đại tá và năm nay cũng đã cận kề bách niên tuế. Con cháu ngại để ông tiếp xúc với bầu bạn, báo chí vì lo sức khỏe cho ông, thành thử tôi cũng ít qua lại. Hôm 21-6 vừa rồi ông gọi điện hỏi thăm tôi nhân 100 năm Ngày báo chí Cách mạng Việt Nam, một vài bạn cũ và muốn được gặp mặt tâm tình. Khi gặp gỡ đã ngồi trò chuyện với chúng tôi, ông minh mẫn và cởi mở, những miền ký ức trong người lính già cứ ứa về ào ạt. Ông là Nguyễn Huy Văn, tên hoạt động cách mạng là Kim Sơn, đội viên, có lẽ là cuối cùng của Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái hoạt động chủ yếu bên sườn Đông Tam Đảo trước và trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tham gia giải phóng Thái Nguyên ngày 20-8-1945...

Bản thân tôi làm nghề báo lâu năm, vẫn luôn trăn trở nhiều điều, trong đó có những địa chỉ thiêng liêng còn ít người được biết nơi sườn Đông dãy Tam Đảo trùng điệp quê mình. Không phải Quân Chu nơi ấy sơn thủy hữu tình, ở đó có Thiền viện, trà ngon, chùa cổ mà còn là địa chỉ đỏ của cách mạng. Bấy lâu nay người ta biết nhiều đến rừng Khuôn Mảnh (Tràng Xá-Võ Nhai) nơi thành lập đội Cứu Quốc quân 2 tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Còn Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái thành lập năm 1942 tại Quân Chu, với chiến công hiển hách năm 1944, 1945 không mấy ai tường. Vậy nên, tôi cố gắng tìm hiểu và cơ duyên được hầu chuyện Đại tá Kim Sơn, có lẽ là người lính cuối cùng tham gia sự kiện trọng đại của dân tộc 80 năm trước.

Cựu cán bộ Tiền khởi nghĩa, Đại tá Kim Sơn kể lại: Từ những năm 1940, phong trào cách mạng đã phát triển sang một giai đoạn mới. Ngày 15/9/1941, Trung đội Cứu Quốc quân 2 (CQQ2) được thành lập tại rừng Khuôn Mảnh, Tràng Xá (Võ Nhai), ngay sau đó đã lập nhiều chiến công và lớn mạnh nhanh chóng tại vùng Bắc Sơn - Võ Nhai. Ngày 22/12/1944, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân (VNTTGPQ) được thành lập tại Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng và nhanh chóng Nam tiến. Ngày 15/5/1945, tại đình làng Quặng, xã Định Biên (Định Hóa), đồng chí Võ Nguyên Giáp đã tổ chức Lễ thành lập Việt Nam Giải phóng quân (VNGPQ) trên cơ sở thống nhất lực lượng CQQ2 và VNTTGPQ.

Còn Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái hoạt động ở vùng Tam Đảo. Năm 1940, gia đình anh trai ông Kim Sơn - ông Thạch Sơn (Nguyễn Huy Minh) dưới chân núi lên đây lập ấp, mở lò đốt than, địa danh Lán Than ra đời từ đó. Đến năm 1943 thì ông Minh lập Đội tự vệ Tam Đảo. Tháng 8-1944, Đội đã có hơn chục chiến sĩ, riêng nhà ông 6 người: Nguyễn Huy Minh (Thạch Sơn); Nguyễn Huy Mục (Tam Sơn); Nguyễn Văn Tâm (Ngân Sơn); Nguyễn Huy Văn (Kim Sơn); Nguyễn Huy Khoa (Mai Sơn) và Nguyễn Thị Học, có vũ trang và hoạt động trên một vùng rộng lớn thuộc Đại Từ, Phổ Yên và vùng sườn Tây Tam Đảo thuộc tỉnh Vĩnh Yên (Phú Thọ ngày nay). Tìm trong sử liệu, chúng tôi thấy có đoạn: Theo chỉ đạo của Trung ương, của đồng chí Võ Nguyên Giáp, Chỉ huy Đội Cứu Quốc quân 2 Chu Văn Tấn đã về Tam Đảo kiểm tra hoạt động và công nhận Đội tự vệ Tam Đảo, Quân Chu là tổ chức cách mạng. Tháng 4/1945, đồng chí Chu Văn Tấn, Ngô

Nhị Quý (Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên đầu tiên) và Lê Trung Đình (Chủ tịch Chính quyền cách mạng Thái Nguyên sau này) về đây, sáp nhập thêm các đội tự vệ nhỏ lẻ thành lập Đội du kích Cao Sơn, sau đổi thành Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái, đồng chí Nguyễn Huy Minh (Thạch Sơn) làm Trung đội trưởng và Vũ Tuấn làm Chính trị viên... Sau thành lập, Trung đội ghi danh ở một số trận đáng nhớ. Đó là trận Trung đội vượt núi sang bên sườn Tây Tam Đảo vây đánh đồn Nhật, giải phóng hàng trăm tù thường phạm, tù chính trị người Việt và người Pháp. Vũ khí, điện đài thì chuyển lên giao cho chỉ huy ở căn cứ Tân Trào; vợ chồng Giáo sư I. van Becna và Morit Becna tù nhân người Pháp bị Nhật giam giữ thì đưa lên sân bay dã chiến Lũng Cò trên Minh Thanh, Sơn Dương để đưa về Côn Minh (Trung Quốc) giao cho Đồng Minh đồn trú ở đó. Rồi trận tràn xuống phát động nhân dân các xã nổi dậy phá kho thóc của Nhật ở xóm Tràng Dương, xã Vạn Thọ (nay là xã Vạn Phú), cung cấp lương thực cho bộ đội, dân nghèo. Những ngày giữa tháng Tám năm 1945, Trung đội xuống núi, hợp quân, giải phóng cả một vùng Nam Thái Nguyên, góp phần vào cuộc khởi nghĩa thành lập chính quyền Cách mạng tỉnh chiều 20/8/1945. Chính quyền mới do chỉ huy Võ Nguyên Giáp thành lập và giao cho ông Lê Trung Đình làm Chủ tịch, ông Kim Sơn được điều về công tác tại Văn phòng Tỉnh

GHI CHÉP

ủy Thái Nguyên do đồng chí Ngô Nhị Quý là Bí thư. Các chiến sĩ của Trung đội bổ sung vào các lực lượng vũ trang... Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Võ Nguyên Giáp, Chu Văn Tấn, Trung đội đã thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng cơ sở Việt Minh ở Đại Từ, Phố Yên, Đồng Hỷ (Thái Nguyên); Tam Đảo (Vĩnh Yên); chiến đấu chống Nhật, Pháp, trừ gian, diệt phi bảo vệ nhân dân; giữ vững đường dây liên lạc từ miền xuôi lên Căn cứ địa Tân Trào, Định Hóa; tham gia đuổi Nhật, giành chính quyền tại tỉnh lỵ Thái Nguyên ngày 20/8/1945... Cùng với trí nhớ còn lại của cụ Kim Sơn và tìm trong chính sử, cuộc khởi nghĩa Tháng Tám diễn ra như sau: Quốc dân Đại hội Tân Trào kết thúc, Quân lệnh số 1 của Tư lệnh Võ Nguyên Giáp được ban ra, phong trào vùng lên cướp chính quyền như luồng điện thẳng Tắm. Trên cơ sở các nhật ký của Biệt đội Con Nai, của Đại đội Việt - Mỹ mà chúng ta tiếp cận, xin kể lại cuộc hành quân và những diễn biến của đoàn quân về giải phóng Thái Nguyên mà trong đó có cả những người bạn Mỹ. 14h30p ngày 16-8-1945, đơn vị Giải phóng quân, trong đó có thành viên Đại đội Việt - Mỹ tập hợp dưới gốc đa Tân Trào làm lễ xuất quân. Đây là đoàn quân của Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc do đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch. Ngoài đồng chí Võ Nguyên Giáp còn có đồng chí Đàm Quang Trung, Thiếu tá Thomas, đại úy Archimede L.A Patty... Tinh thể vô cùng khấn trương vì đây là thời cơ có một không hai mà Thái Nguyên lại là khởi đầu. Đoàn đi tắt, vượt núi Hồng đến xóm Đồng Măng rồi ra xã Văn Lãng, chân đèo Khế phía Đại Từ. Nhân dân Đại Từ mời cơm, Đoàn ăn xong lại hành quân ngay, theo đường mòn về Bản Ngoại. Lãnh đạo đoàn hội ý và quyết định không đánh đồn Nhật tại trung tâm huyện là Hùng Sơn mà luồn rừng đi tắt sang Thịnh Đán của Đồng Hỷ, địa điểm chỉ cách trung tâm thị xã Thái Nguyên 7km. Kế hoạch là thế nhưng đường rừng khó đi, trời tối mới tới một xóm nhỏ giữa rừng, nhìn bữa tối, đành nghỉ lại đêm tại đó... Sáng 19-8, mặc dù hành quân sớm nhưng quá trưa mới tới Thịnh Đán. 10h đêm tại căn cứ Chùa Đán, Bộ Chỉ huy mới làm xong kế hoạch tác chiến, có sự tham gia của các sĩ quan và nhân viên Đội Con Nai. Sở Chỉ huy đặt tại ngôi đình Hàng Phố giữa trung tâm thị xã Thái Nguyên. Lúc 4h30 sáng 20-8, đồng chí Võ Nguyên Giáp, Đàm Quang Trung, Thomas, L.A Patty có mặt; 5h các mũi báo về chúng đã chấp nhận đầu hàng, còn lại trại Nhật, Giải phóng quân đang siết chặt vòng vây. Lúc này ở phía Nam tỉnh, lực lượng Giải phóng quân Phạm Hồng Thái; ở phía

DANH SÁCH ĐỘI VIỆT NAM GIẢI PHÓNG QUÂN PHẠM HỒNG THÁI					
Đến từ Tam Đảo			Đến Từ Quân Chu		
STT	Họ và tên	Bí danh			
01	Nguyễn Huy Minh	Thạch Sơn	24	Triệu Văn Tế	
02	Vũ Văn Tích	Vũ Tuấn	25	Dương Thị Yên	
03	Nguyễn Huy Chối	Thanh Sơn	26	Triệu Phú Nghiêm	
04	Nguyễn Huy Mục	Tam Sơn	27	Dương Đức Lưu	
05	Nguyễn Văn Tấn	Ngân Sơn	28	Triệu Hồng Phong	
06	Nguyễn Huy Văn	Kim Sơn	29	Triệu Kim Chân	
07	Nguyễn Huy Khoa	Mai Sơn	30	Triệu Kim Quân	
08	Nguyễn Văn Nhung	Hồ Sơn	31	Triệu Văn Phúc	
09	Phó Bá Doanh	Hồng Tầm	32	Triệu Văn Đức	
10	Trịnh Bình Di		33	Dương Đình Lập	
11	Trịnh Xuân Kỳ		Đến Từ Hùng Sơn		
12	Lê Trung		34	Đặng Đức Giao	Trường Sơn
13	Thái Bá Chỉ	Thái Bạch	35	Đặng Đức Tuấn	Diệu Sơn
14	Nguyễn Vũ Hiệp	Nguyễn Vũ	36	Phạm Huy Mão	Hồng Sơn
15	Nguyễn Văn Hòa	Hải Bằng	37	Phạm Huy Động	Bảo Sơn
16	Nguyễn Liên	Liên Sơn	Đến từ Cát Nê		
17		Tây Sơn	38	Hà Đức Dương	Thái Sơn
18	Nguyễn Văn Nguyên	Bình Nguyên	39		Đông Sơn
19	Đinh Huy Phan	Hùng Việt	40	Hoàng Đình Nguyễn	Hải Sơn
20	Trần Văn Khoa	Trần Cường	41	Trần Văn Vang	Thọ Sơn
21	Đỗ Văn Trâm		42		Bình Sơn
22	Hoàng Nguyễn		43	Nguyễn Văn Nhân	Khang Sơn
23	Ngô Vinh		44		Điếu Sơn

Đông các đội Cứu quốc quân đã cơ bản làm chủ, Nhật ở thế bị cô lập... 6h ta nổ súng vào trại Nhật, 8h chỉ huy Nhật kéo cờ trắng ra đón đại biểu Giải phóng quân, nhận Tối hậu thư. Tối hậu thư tiếng Việt do đồng chí Võ Nguyên Giáp ký; một tối hậu thư bằng tiếng Anh do Thomas ký. Giữa trưa, 2 chỉ huy Nhật đến sở chỉ huy xin thương thảo về điều kiện... Đồng chí Giáp hẹn 14h phải trở lại nếu không lực lượng giải phóng sẽ tấn công. Với bản chất ngoan cố, 14h Nhật không tới, 15h, đồng chí Đàm Quang Trung và Thomas huy động mọi hỏa lực tấn công trại Nhật: 2 súng cối 60, 4 khẩu Bazooka, 8 trung liên Bren... bước Nhật đầu hàng vô điều kiện. Cuối chiều, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức, thay mặt Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, đồng chí Võ Nguyên Giáp tuyên bố phế bỏ chính quyền Nhật, Pháp, phong kiến, thành lập chính quyền Cách mạng tỉnh Thái Nguyên và giao đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch Ủy ban.

Câu chuyện giữa chúng tôi đang nồng, đôi mắt người lính trăm tuổi chợt xa xăm, hình như cụ như con hổ nhớ rừng! chợt hỏi:

- Ngôi chùa cổ trên Lán Than? Anh Minh có lên đó? Cả những cây chè cổ nữa? Tôi vội thưa:

- Dạ, cháu nghiên cứu về địa lý và lịch sử vùng đất này, lại được đọc các tài liệu ít nhiều nói về ngôi chùa Tây Thiên Trúc hơn 500 năm tuổi và Di tích lịch sử Lán Than - nơi thành lập Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái 83 năm trước nên cháu đã mấy lần tìm lên đây. Nhà bia tại Di tích lịch sử Lán Than trên Tam Đảo ghi: Đến cuối năm 1942, du kích Lán Than thành lập Đội Du kích Cao Sơn do ông Nguyễn Huy Minh (Thạch Sơn) làm Đội trưởng; các đội viên: Nguyễn Huy Mục (Tam Sơn), Nguyễn Huy Văn (Kim Sơn), Nguyễn Huy Khoa (Mai Sơn), Hà Đức Dương (Thái Sơn), Hoàng Đình Nguyễn (Hải Sơn), Nguyễn Văn Nhân (Khang Sơn), Trịnh Bình Di, Trịnh Xuân Kỳ... Sau sự kiện thành lập Việt Nam Giải phóng quân ngày 15/5/1945 tại đình Làng Quặng, xã Định Biên (Định Hóa), Đội Du kích

Cao Sơn đổi tên thành Trung đội Cứu Quốc quân Phạm Hồng Thái, vẫn do đồng chí Thạch Sơn làm Trung đội trưởng, hoạt động tuyên truyền nhân dân khắp vùng phá tề, trừ gian, chống Nhật... Còn ngôi chùa cổ, căn cứ bí mật của Du kích Cao Sơn nay cũng đã được trùng tu, bên cạnh Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên Trúc- nơi đi về chiêm bái của phật tử và nhân dân. Ngôi chùa cũng đã được khẳng định: Võ tướng Mạc Đăng Dung giành ngôi từ Lê Cung Hoàng (Hậu Lê) tháng 6 năm 1527, nhưng chỉ tồn tại 50 năm (1527-1677), trong đó nhiều năm lập cứ ở các tỉnh miền núi, ngoài xây thành, đắp lũy, thời Mạc là giai đoạn phát triển giáo dục, giao thương, văn hoá, dựng nhiều ngôi chùa, chủ đạo trong tu hành là Thiền phái Trúc Lâm. Căn cứ Lán Than của Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái nường nấu chủ yếu tại ngôi chùa cổ. Hiểu giá trị của di tích lịch sử, biết ngôi chùa báu nằm trong cụm chùa Tam Đảo, từ năm 2014, được sự cung thỉnh của các cấp chính quyền, đoàn thể và phật tử, Nhà sư Thích Kiển Nguyệt đã đề nghị và được Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tỉnh Thái Nguyên và huyện Đại Từ (cũ) lập dự án tôn tạo chùa, xây dựng Thiền viện Trúc lâm Tây Trúc, tạo nên một quần thể di tích văn hoá đậm đà bản sắc Việt Nam. Ở độ cao 400m, từ trên sân Thiền viện, cạnh đó là Di tích lịch sử cấp tỉnh nơi ra đời và là căn cứ của Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái, sau lưng là vách núi cao, đỉnh có cột phát sóng truyền hình Tam Đảo, dưới chân núi là làng mạc, phố xá thuộc xã Quân Chu, Vạn Phú, Đại Từ, Đại Phúc (mới) xa nữa là vùng hồ Núi Cốc... Nơi đây đẹp lắm cụ ơi! Tôi thưa.

Chia tay người lính già, nhân chứng cuối cùng của một nốt nhạc trong bản hùng ca của dân tộc Việt Nam anh hùng, cụ Kim Sơn nhắc: “Nếu anh có viết báo đề nghị với tỉnh nghiên cứu để làm sao cho Di tích Lán Than tương xứng với tầm vóc của một đội quân ra đời trước Cách mạng và tên tuổi các đội viên được ghi danh, nhắc nhớ...”■

Tản mạn phía... ngoài trà



VĂN CÔNG HÙNG

Vì trong trà, giữa trà, thú thiết trà, tôi là kẻ lơ mơ. Rón rén xếp bằng ở một góc rất xa hiên trà để hóng chuyện. Nhưng vì hay hóng nên có vài ba chuyện để kể. Kể kiểu hóng hớt, ngoài trà, chứ những sâu sắc, những am hiểu, từng trải, những sống chết với trà, thăng hoa trà, gan ruột trà, tài hoa và cả đào hoa trà... tôi đều thuộc loại “thực bất tri kỳ vị”.

Nhưng cũng đành phải nói thật là, nói chuyện trà với người không biết uống trà rất chán. Nó cũng tương tự như vậy với người không uống cà phê, bia, rượu...

Thế nên tháng trước, lên Thái Nguyên, tôi chụp cái ảnh kệ trà đình của HTX trà Hào Đạt, có biển báo giá là 7 triệu đồng một kg, đăng lên Facebook cá nhân, hàng trăm cái còm nhao nhác: Sao nó đắt thế? Nó là... vàng à?

Thì cũng như mấy ông không hút thuốc mà biết giá một điếu xì gà bây giờ có khi là... nửa tháng lương hưu cũng ngất mất. Ở đây không nói chuyện ăn tiêu như thế nào, bởi nó phụ thuộc nhu cầu và khả năng của từng người, mà kể để thấy rằng, nghề... nghiện cũng lắm công phu.

Tôi cũng lăm bồm trà thôi, nhưng hiểu rằng, trà trước hết nó là cái gu. Và cái tội to nhất là tại cái... mồm.

Thì nước ta ấy, hàng trăm loại trà. Ngay Thái Nguyên, xứ Trà ấy, cũng phải tới mấy chục loại. Loại là tính từ nhân trà tới vùng trà, tới loại trà... và mỗi loại nó có một dư vị riêng. Người đã uống trà này thì uống trà kia sẽ nhạt, sẽ không tròn vị, sẽ không phê như trà mình hay uống. Ông bạn tôi, nhà thơ Hữu Việt ở Hà Nội thì chung thân trà đình Tân Cương mua Hàng Điếu. Ông nữa, cũng nhà thơ tài hoa xứ Thái là Nguyễn Đức Hạnh thì chuyên trà của HTX trà Quê Em. Cái cô Thư ký tòa soạn Tạp chí Văn nghệ Thái Nguyên cũ, cô Thu Huyền ấy, cả 2 vợ chồng nghiện trà, tỉnh trà, sành trà mà tôi đã kể là uống ngum trà biết ngay trà mấy ngày rồi ấy, thì chuyên trà “Thực tâm trà” của HTX Nhật Thức vân vân.

Nói tội từ cái mồm là tôi nghe ông nhà văn Trung Sỹ nói, ông ấy bảo: “Các ông cứ thích trà đình chứ đình trà uống nó không chắc mồm”. Ôi giới tôi sượng cái chữ “chắc mồm” thế kia chứ. Ông nhà văn Quân đội Nguyễn Trọng Luân, người Thái Nguyên rất... nguyên thì bảo: “Trà đình uống phê. Trà ngon hơn. Một tôm hai lá đậm đà kinh tế. Trà đình để ngủi, trà ngon để bán, trà một tôm một lá để uống”. Tôi lại tròn tròn mắt với chữ “phê”, nó cũng đầy chất chuyên nghiệp... trà của



Nương trà quê ta. Ảnh: Âu Ninh

ông nhà văn này.

Tóm lại là, với trà, và một số thức gây nghiện khác, sành mồm, phân biệt ngon dở tới từng làn hương từng sợi khói bốc lên nó hiếm, còn đa phần do gu, do thói quen.

Cái thói quen ấy, khiến rất nhiều người bây giờ nghiện, thích, mê trà Thái, cứ trà Thái là uống, nhưng quả là, bảo phân biệt trà vùng này với vùng kia, nhà này với nhà kia thì khó. Món ấy, phải những người thuộc loại “tiền trà” mới phát hiện ra. Tôi từng ngồi nghe mấy ông bà trà nói chuyện, khen trà nhà này đậm hương, trà nhà kia được nước, trà nhà nọ vị khéo vân vân.

Mà nào đã xong, nó còn những là nước, những là ẩm, những là người đối ẩm. Thì các cụ sành trà chả đã tổng kết: Nhất thủy, nhị trà, tam pha, tứ ẩm. Trong này không nhắc tới người uống cùng, chứ theo tôi, đấy cũng là nhân tố quan trọng, chả thể mà ngoài bộ đồ trà độc ẩm, còn có song ẩm, quần ẩm...

Tôi quen một bác, thuộc loại lãng tử Hà Thành, rất thông minh, chuyển tới chục nơi làm, nhưng có một thứ không bỏ, không chuyển, là trà. Ông ấy phát biểu về trà như này: “Theo cá nhân tôi, chuyên trà là vô cùng, uống danh trà chưa chắc đã là ngon. Cá nhân tôi cũng từng được thưởng thức những loại trà cực đắt nhưng... không hợp. Hơi giống món ăn, trà tùy thuộc khẩu vị người dùng, nó là văn hóa cá nhân, có bác thích trà pha không

đặc lắm chỉ cần mùi thơm, cụ thì thật đặc lại ướp hương hoa. Tôi cho rằng: Loại trà nào mình thích, hợp túi tiền thì đấy là trà ngon. Nó cũng khó nói lắm vì người nhiều tiền họ uống trà vì danh, ẩm pha trà phải là các loại ẩm nổi tiếng thế giới. Tôi sáng nào cũng uống trà Thái Nguyên loại sao tay (một tôm hai lá) pha ẩm sành bình dân thôi nhưng thấy rất ngon”.

Nhắc trà, lại nhớ bài thơ “Trà” rất lạ và rất đặc sắc của Phùng Cung: “Quất mãi nước sôi/ Trà đau nát bã/ Không đổi giọng Tân Cương”. Nó là trà, nhưng nó cũng là người, là cuộc đời, là khí phách, là nỗi niềm, ý chí của con người, của tác giả.

Cũng trà, giờ người ta còn chế biến ra các loại thức ăn rất... trà. Tôi đã được dự một bữa tiệc đầy trà xanh như thế. Và lại nhớ, xứ Huế quê tôi cũng có những mâm cỗ muối, tới cả chục loại muối, độc đáo, lạ, và... bất ngờ. Thức ăn chế từ trà cũng thế, có dịp tôi sẽ... tả.

Bởi trà La Bằng ấy, có một loại mà mỗi lần pha lại cho một lần hương khác nhau, mới và lạ. Như cời từng lớp áo, bóc từng tầng hương. Hối hộp hết lớp này ta gặp một lớp khác, cứ hồi hộp tới... hết áo.

Trời ạ, đang trà lại tới... áo, mà chắc chắn là áo thiếu nữ, thiếu nữ xưa, kỹ càng, kín đáo, áo nhiều lớp, đủ để tò mò hồi hộp và nâng niu, cẩn trọng...■

Tiếng kèn trên bản Dao



ĐẶNG CÔI

Người Dao vốn có nguồn cội lịch sử phải trải qua quá trình thiên di cư lâu dài trong điều kiện xã hội vô cùng phức tạp nên trước đây họ chủ yếu sinh sống biệt lập. Cuộc sống du canh, du cư, sinh sống phân tán trên núi cao, canh tác nương rẫy, họ luôn phải chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt, tạo ra những sản phẩm để sinh tồn và phát triển. Nay được sự quan tâm tạo điều kiện của Đảng, Nhà nước, đồng bào Dao xuống núi định canh định cư, hình thành làng bản. Thông qua sinh hoạt cộng đồng trong cuộc sống mới đã sáng tạo nên nét văn hoá mang đậm chất bản sắc truyền thống riêng có.

Kèn, người Dao gọi là “phản ty” là loại nhạc cụ cổ truyền có vai trò quan trọng trong sinh hoạt đời sống văn hoá tinh thần của cộng đồng người Dao Đỏ. Tiếng kèn là cái hồn của dân tộc, dù đi đâu, cuộc sống khó khăn gian khổ nhưng người Dao không quên mang theo chiếc kèn bên mình để thổi lên những “ziệt” (bài) trong những lúc vui, buồn. Thôn Bản Cuôn, xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên là một trong những bản điển hình có truyền thống lâu đời về gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá của dân tộc Dao. Bản được lập từ năm 1962, đến nay sau hơn 60 năm, diện mạo của người Dao nơi đây có những đổi thay, đời sống tinh thần vật chất ngày càng được cải thiện. Sự phát triển của xã hội cũng đồng nghĩa với việc xuất hiện những biến đổi về văn hoá nói chung nhưng đối với đồng bào Dao nơi đây vẫn có ý thức về gìn giữ những nét văn hoá, phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc mình. Phụ nữ người Dao Đỏ nơi đây có truyền thống thêu thùa trang trí hoa văn trên trang phục rất độc đáo và họ rất tự hào khi được mặc bộ trang phục do mình làm ra đi dự các lễ hội. Đối với nam giới, bên cạnh những người học chữ Nôm Dao làm thầy để duy trì các nghi lễ truyền thống thì còn có những

nghệ nhân thổi kèn Pí lè. Hiện nay, Bản Cuôn có gần 10 người biết thổi kèn Pí lè. Trong đó, có những nghệ nhân chuyên thổi kèn phục vụ cho các nghi lễ truyền thống như: Lễ cầu mùa màng, lễ cưới, lễ cấp sắc...

Trong chuyến thăm tìm hiểu về phong tục tập quán của đồng bào Dao, chúng tôi đã có dịp trò chuyện với ông Triệu Hữu Vương, thôn Bản Cuôn, xã Chợ Đồn, là một trong những gia đình có ba đời con cháu biết thổi kèn, ông Vương bày tỏ: Chúng tôi thổi kèn để phục vụ các nghi lễ truyền thống của người Dao. Trước đây, bố tôi đã dạy hai anh em tôi biết thổi kèn, nay tôi lại dạy cho con trai. Thổi kèn khó nhất là lấy hơi, vì phải biết lấy hơi đều, các ngón tay đánh phải chuẩn xác để các tiết tấu âm thanh rõ nét.

Theo truyền thống người Dao, kèn (phản ty) được cha ông gìn giữ và truyền dạy cho con cháu qua nhiều thế hệ. Thời gian dạy, học thổi kèn nhiều nhất là vào dịp Tết Nguyên đán. Thổi kèn, vừa có ý nghĩa khai xuân, vừa có ý nghĩa dạy cho con cháu có lòng đam mê loại nhạc cụ truyền thống của dân tộc mình. Ông Triệu Tiến Minh, thôn Bản Cuôn, xã Chợ Đồn chia sẻ: Tôi yêu âm thanh của

tiếng kèn, từ nhỏ, cứ mỗi dịp Tết đến là tôi đi học thổi kèn với các nghệ nhân trong bản. Nay tôi hơn 60 tuổi rồi nhưng vẫn đi thổi kèn phục vụ cho lễ cưới, lễ cấp sắc ở trong bản. Ngày Tết tôi thường thổi kèn dạy cho con cháu. Tôi đã truyền dạy cho cháu tôi thổi kèn trong các lễ hội.

Những âm thanh du dương của kèn (phản ty) cùng với các nhạc cụ như trống, chiêng, chũm chọe luôn tạo được không khí vui nhộn, trang trọng trong các nghi lễ truyền thống của người Dao như: Lễ cưới, lễ cúng Bàn Vương, lễ cấp sắc và ma chay. Trong lễ cưới, nhất là lễ cưới “bái đường” người Dao gọi là “hìn Páit tông”, kèn (phản ty) có nhiệm vụ phối hợp với chủ hôn lễ điều hành các bước nghi thức. Với âm thanh sôi động, tiết tấu sáng tạo từng bài nhanh, chậm, nội dung nào, ý nghĩa đó, người thổi kèn đã tạo nên không khí vui vẻ, linh đình của buổi lễ. Họ cũng là người thông thạo am hiểu ý nghĩa từng nghi thức. Với vai trò quan trọng của người thổi kèn, được gia chủ tôn trọng, khi diễn ra lễ cưới tại các gia đình luôn đặt một bàn có mâm cỗ riêng. Trong lễ bái đường “páit tông” khi ông chủ

hôn lễ báo tổ tiên về lý do tổ chức hôn lễ, thì người thổi kèn cũng bắt đầu thổi bài về tổ tiên, người Dao gọi là “zụ shông ziệt”. Khi đoàn đưa dâu đến, người thổi kèn thổi bài “Chíp chiên ziệt” cùng người đánh trống, chiêng, chũm chọe đại diện cho nhà trai ra ngõ đón dâu và đoàn thông gia, người Dao gọi là “chíp chìn cha”. Nghi thức bái đường “páit tông” thì thổi bài “liệp hùng tông ziệt”. Ngoài ra, còn có các bài với tiết tấu nhanh, thông báo bày mâm cho khách ăn và dọn mâm sau khi khách ăn xong... Trong lễ cấp sắc, diễn ra nhiều bước nghi thức chính như: Dâng hương (pháo hung), treo tranh (tĩnh sính) múa (póng pía), cấp sắc (quá tăng)... đều có những “ziệt” kèn đi kèm, tạo nên không khí sôi động, trang nghiêm và linh thiêng.

Từ bao đời nay, kèn (phản ty) là loại âm nhạc gắn kết với đời sống tinh thần của dân tộc Dao. Ở đâu diễn ra lễ hội thì ở đó có tiếng kèn. Trong các lễ hội đầu xuân, tiếng kèn (phản ty) cất lên như thay lời cầu mùa cầu màng của mọi nhà, cầu cho mưa thuận, gió hoà, mùa màng tươi tốt, người người khoẻ mạnh, yên vui, gia đạo bình an và hạnh phúc.



Lễ đưa dâu của người Dao. Ảnh - Quang Đường

Những không gian sinh tồn như hoa của núi



PHAN THÁI



Bà con người Dao thu hái chè

Trong công cuộc đổi mới, Thái Nguyên đã có nhiều giải pháp phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hạ tầng kỹ thuật, văn hóa - xã hội thiết yếu như điện, đường, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa từ các chương trình, dự án, chính sách đầu tư hỗ trợ, không chỉ từng bước nâng cao mức sống người dân mà còn làm thay đổi căn bản tập quán canh tác và bộ mặt bản làng.

Những gam màu tươi sáng giữa non xanh

Tối nhiều bản làng có đồng đồng bào dân tộc thiểu số, chúng tôi không khỏi ngỡ ngàng trước vẻ đẹp mang nét tươi mới của những miền quê núi. Bên sắc xanh ngút ngàn của ngô lúa, cây trái, nương chè, các ngôi nhà mới xây dựng đa dạng kiểu dáng kiến trúc hiện lên thấp thoáng. Đường về nhiều bản đã được mở rộng, trải bê tông, hoặc thảm nhựa khá thuận tiện.

Tìm hiểu thực tế tại các địa phương, chúng tôi được biết: Việc đầu tư có trọng tâm trọng điểm, phù hợp với điều kiện, tiềm năng thế mạnh, phong tục tập

quán của đồng bào đã thu được kết quả tích cực. Công tác vận động quần chúng phát huy quyền làm chủ, sự tham gia chủ động của cộng đồng và người dân đã khơi dậy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào. Tỷ lệ hộ nghèo giảm sâu, khoảng cách về mức sống so với bình quân chung của tỉnh từng bước thu hẹp. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa của các vùng dân tộc có bước phát triển mới.

Bằng sự chung sức, đồng lòng của 4 nhà: Nhà nước, Nhà khoa học, Nhà doanh nghiệp và Nhà

nông, đồng bào các dân tộc được trang bị kiến thức về khoa học kỹ thuật, hỗ trợ vật tư phân bón, nguồn cây, con giống chuyển đổi cây trồng vật nuôi, phát triển ngành nghề, làng nghề truyền thống, chế biến sâu và đa dạng hóa sản phẩm. Hệ thống hạ tầng viễn thông được xây dựng tạo điều kiện cho bà con tiếp cận các nền tảng công nghệ số. Nhiều hợp tác xã nông nghiệp thực sự là cầu nối giúp người nông dân sản xuất nông sản theo hướng hàng hóa và tiêu thụ sản phẩm ra thị trường.

Với nhiều giải pháp đồng bộ, tỉnh cơ bản hoàn thiện giao đất giao rừng và định hướng trồng rừng gỗ lớn. Các xã đồng đồng bào dân tộc thiểu số đã có nhiều sản phẩm nông sản có giá trị. Bên cạnh chè là cây trồng chủ lực, nhiều địa phương chọn na, bưởi, quế... tập trung phát triển và đã cho sản lượng, giá trị thương phẩm cao.

Sản phẩm truyền thống như dệt, may trang phục dân tộc, mật ong, gạo nếp vải, cốm, miến dong, rượu men lá... đáp ứng yêu cầu về chất lượng, thị hiếu người tiêu dùng và đã đạt tiêu chuẩn OCOP. Một số sản phẩm nông nghiệp khác như lợn, gà đồi cũng được định hướng phát triển. Mô hình nông nghiệp công nghệ cao sản xuất nấm, rau, củ, quả an toàn trong nhà lưới, sản xuất lúa hữu cơ, trồng cây có múi theo hướng sinh học bước đầu được xây dựng và đem lại hiệu quả thiết thực.

Những nét đẹp mang giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào như ngôn ngữ, trang phục truyền thống, phong tục tập



Bản Tày xã Đồng Phúc dưới nắng ban mai



Bản Tày xã Văn Lăng hứa hẹn là một điểm đến mới



Truyền dạy đàn tính hát then cho lớp trẻ.

quán, nghi lễ tín ngưỡng, ẩm thực, dân ca dân vũ được các cấp ủy, chính quyền tạo điều kiện cho bà con bảo tồn và phát huy. Nhiều lễ hội được phục dựng trở thành không gian sinh hoạt văn hóa đa dạng, phong phú và không khí vui tươi lành mạnh trong cộng đồng.

Không hẳn những không gian sinh tồn đã đáp ứng nhu cầu phát triển và tâm tư nguyện vọng của người dân. Các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi địa hình trải rộng, mật độ dân cư không tập trung, trình độ sản xuất còn dựa nhiều vào yếu tố tự nhiên, phương thức canh tác giản đơn, giá trị kinh tế thấp, ít cơ hội tiếp cận việc làm phi nông nghiệp. Cơ sở hạ tầng nhiều xã phía Bắc của tỉnh chưa được đầu tư hoàn thiện. Cơ chế, chính sách chưa đủ hấp dẫn thu hút doanh nghiệp có tiềm lực kinh tế mạnh đầu tư vào công nghiệp chế biến, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị tại các xã vùng sâu, vùng xa.

Bao đời nay nơi định cư của nhiều dân tộc được gọi là làng, bản, nay gọi chung là thôn, xóm như người Kinh. Tình trạng lấp ghép cơ học vào tên làng bản cũ như: Xóm Bản Tền, xóm Làng Pháng, xóm Làng Phan... khiến người dân băn khoăn tiếc nuối. Hầu hết các nhà văn hóa xóm vùng dân tộc thiểu số đều theo mẫu thiết kế chung, không có bản sắc riêng. Nhiều ngành nghề truyền thống như làm đàn Tính, đan nón, nhuộm, dệt trang phục áo chàm, thổ cẩm, mây tre đan, mành cọ, các loại bánh... tiêu thụ sản phẩm chậm nên chưa tạo được sinh kế bền vững.

Ông Đào Trọng Xế, 86 tuổi ở bản Cây Thống, xã Đức Lương chia sẻ: Các bản làng Tày định cư ở đây từ lâu đời và bảo tồn được nét văn hóa ngàn xưa từ trang phục, phong tục tập quán đến đàn Tính, hát Then. Nhiều thôn bản còn giữ được những ngôi nhà sàn. Những việc làm thiết thực của lãnh đạo địa phương trong phát triển kinh tế gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, lịch sử, phát huy bản sắc văn hóa đồng bào các dân tộc tạo được sự đồng thuận của nhân

dân. Mặc dù vậy trên địa bàn xã một số đình, chùa, miếu Na Bán, Hàm Rồng, Đồng Thín, Khuôn Thùng, Na Đon, Mon Ráy, Ruộng Lớn, Cây Thống đã xuống cấp, nên được nghiên cứu, xem xét cho trùng tu, tôn tạo...

Bản sắc văn hóa - Nguồn lực nội sinh của sự phát triển

Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998, của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) đã nêu rõ: “*Bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, trở thành những nét đặc sắc của cộng đồng dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam*”. Một dân tộc không thể phát triển bền vững nếu không gìn giữ được những giá trị văn hóa truyền thống.

Bản sắc dân tộc thể hiện ý thức cội nguồn và nhân văn sâu sắc, ngoài ý nghĩa tâm linh còn là nét văn hóa truyền từ đời này sang đời khác. Trên mảnh đất Thái Nguyên, trong ngôi nhà chung của đại gia đình các dân tộc Việt Nam, mặc dù có sự hội tụ, hòa quyện về nhiều mặt trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, mỗi dân tộc vẫn mang một nét văn hóa với bản sắc riêng. Duy trì các giá trị để không bị mai một mang ý nghĩa về nhiều mặt, làm sắc thái văn hóa trong cộng đồng thêm đa dạng, phong phú.

Chúng tôi cho rằng để thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chúng ta rất cần cách tiếp cận mới, điểm nhìn mới. Quan tâm các hình thức hoạt động tăng tính gắn kết cộng đồng, xây dựng mỗi thôn, bản thành không gian sống mang bản sắc riêng của từng dân tộc trong phát triển kinh tế văn hóa xã hội.

Bảo tồn phát huy và lan tỏa những nét đẹp văn hóa, đặt trong tổng thể sự phát triển, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần đồng bào là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Đề án phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2025-2030 hứa hẹn nhiều triển vọng về các điểm đến mới và tạo thêm việc làm cho người dân. Làng du lịch sinh thái nhà sàn Thái Hải, Làng du lịch cộng đồng xóm Mỏ Gà, Làng văn hóa dân tộc bản Quyền... có thể coi là hình mẫu để nâng cao, nhân rộng.

Thời gian gần đây nhiều địa phương quan tâm lập

dự án đầu tư hạ tầng, xây dựng cơ sở vật chất, phát triển các sản phẩm du lịch, từng bước hình thành các làng du lịch sinh thái, hoặc điểm du lịch cộng đồng như Bản Tền, Đồng Khuôn, Khuôn Tát... Một số điểm du lịch cộng đồng gắn với nông nghiệp, nông thôn, lịch sử cách mạng, văn hóa dân tộc, văn hóa trà đang tiếp tục được triển khai tại vùng ATK Định Hóa, ATK Chợ Đồn hứa hẹn sẽ là điểm đến hấp dẫn.

Những dự án đầu tư theo đề án phát triển du lịch cộng đồng mở ra một không gian du lịch văn hóa ấn tượng. Tuy nhiên dự án chỉ có thể thực hiện trong một số thôn, bản nhất định. Vấn đề đặt ra là cần nghiên cứu, định hướng để người dân nêu cao ý thức gìn giữ văn hóa dân tộc mình, chủ động xây dựng các không gian sống. Quan tâm hỗ trợ kết nối điểm đến, tập huấn phương pháp đón tiếp khách, hỗ trợ xây nhà cộng đồng, nơi vệ sinh, bãi đỗ xe, các quầy bán hàng lưu niệm, phục dựng nét văn hóa dân tộc ...

Trong việc lưu giữ bảo tồn, cần có những giải pháp hạn chế bất cập. Đơn cử các nghi lễ cấp sắc, Tết nhảy thường kéo dài 1 - 2 ngày đêm, nếu đồng họ có đông thanh niên làm việc tại doanh nghiệp cùng xin nghỉ, chủ sử dụng lao động rất khó bố trí sản xuất. Nhiều tiết mục múa trong các nghi lễ thường kéo dài, nếu các nhà quản lý văn hóa và văn nghệ sĩ chọn lọc, hỗ trợ dàn dựng trích đoạn thành những tác phẩm nghệ thuật dân vũ, chắc chắn sẽ thu hút được nhiều người cùng tham gia và góp phần quảng bá rộng rãi tới khách du lịch...

Một cặp vợ chồng trẻ người Mông, chủ một kênh YouTube là anh Hoàng Văn Hình, sinh năm 1990, vợ là chị Giàng Thị Dền sinh năm 1995, xóm Khe Mong, xã Văn Lãng dựng nhà kết hợp làm điểm đến vui chơi, check in cho bà con. Trên cổng trước căn nhà có khuôn viên khá đẹp anh gắn biển bằng tiếng Mông, dịch nghĩa “*Nhà của chúng mình*”. Nhiều hoạt động sản xuất, sinh hoạt cộng đồng của bà con được anh bấm máy ghi hình, dựng video. Anh chia sẻ: Cùng với văn hóa phi vật thể, đồng bào Mông còn có các loại hình văn hóa vật thể rất độc đáo như ẩm thực, kiến trúc nhà ở, nghề truyền thống. Về đẹp bình dị, thuần phác của mảnh đất và con người vùng cao Thái Nguyên không chỉ người Việt mà người nước ngoài cũng hết sức quan tâm. Tôi mong muốn góp sức gìn giữ nét đẹp văn hóa dân tộc mình. Mọi người cùng chung tay, thôn bản sẽ như những bông hoa núi...

Mỗi thôn bản là một không gian sinh tồn mang bản sắc riêng từ văn hóa đến công trình kiến trúc hoặc cây trồng, vật nuôi, ngành nghề thủ công..., bản sắc ấy chính là nguồn lực nội sinh của sự phát triển tạo nên sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân và không kẻ xấu nào có thể lợi dụng xuyên tạc chống phá.

Đầu còn nhiều việc phải làm, nhưng với sự chung tay của các cấp, các ngành và cả cộng đồng, bà con các dân tộc đã có một cuộc sống tốt đẹp hơn. Diện mạo mới, sức sống mới của các bản làng vùng cao là tiền đề quan trọng để Thái Nguyên phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực nội sinh, tạo bước phát triển mới trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc ■

Xin trân trọng giới thiệu đến bạn đọc truyện ngắn Mưa đầu mùa (trích từ seri Nhật ký của Mỗ) của cây bút trẻ Hoàng Hương Giang. Câu chuyện thật sự là một trải nghiệm thú vị của bé Bống và mèo Mỗ ngay tại ban công nhà mình. Trong cuộc sống, không thiếu những câu chuyện giản dị và ý nghĩa như thế, chỉ cần chúng ta sống chậm lại để quan sát và kể lại nó bằng niềm thương mến dịu dàng, là những vẻ đẹp của cuộc sống tự khắc sẽ lan tỏa.

Trang Thiếu nhi số này còn giới thiệu với các bạn truyện ngắn Suất ăn tăng ca của mẹ. Mỗi khi bạn Dương Phương Thảo xuất hiện, là thế giới tuổi thơ của người đọc lại đầy thêm những ký ức như được tìm lại. Câu chuyện rất ngắn nhưng vô cùng xúc động của bạn Dương Phương Thảo một lần nữa khẳng định vẻ đẹp của tình mẫu tử và vẻ đẹp trong đời sống tinh thần của người lao động mà những cô bé dù tuổi đời còn vô cùng non nớt nhưng lại có đủ tinh tế, nhạy cảm để nhận ra.

Trang Văn học thiếu nhi còn giới thiệu ba cây viết nhỏ từ Trường THCS Hoàng Ngân với những bài thơ xinh xắn về mẹ, về thầy cô, trường lớp. Đó là bạn Lộc Thị Thu Phương với hai bài thơ Mùa hè của mẹ, Sân trường. Bạn Nguyễn Thị Chúc với hai bài Đánh răng, Trung thu của bé. Bạn Trương Anh Thư với hai bài Mẹ là tất cả, Mẹ ốm.

(Nhà văn Tổng Ngọc Hân chọn và giới thiệu)

Mưa đầu mùa

(Trích Nhật ký của Mỗ)

Truyện ngắn của

Hoàng Hương Giang



Minh họa: Đào Tuấn

Nhà Bống có một con mèo rất mập, tên là Mỗ. Mỗ là mèo tam thể, lông mượt, ngủ suốt ngày và có một sở thích kỳ lạ: ngửi rau thơm. Không phải ăn rau, mà là... ngửi. Mỗi sáng, Mỗ đều ra ban công, nằm thờ “phì phò” cạnh cái chậu rau bé xíu trồng mấy cây húng lủi và tía tô của mẹ Bống.

Một hôm, chuyện kỳ lạ xảy ra. Bống đang ngồi làm bài tập thì nghe tiếng lạo xạo ngoài ban công cả tiếng của Mỗ nữa. Bống chạy ra liền thấy, chậu rau của mẹ bị xối tung, đất vương vãi ra khắp. Trời ơi! Ai phá cái chậu rau của mẹ mình vậy?

Đúng lúc đó, con Mỗ lò dò tới. Nó nhìn Bống, bống... mở miệng nói rõ ràng: “Không phải tôi đâu. Là tụi chim sẻ rủ nhau tới ăn đất mới đây chớ”.

Bống tròn xoe mắt. “Mỗ... Mày... mày biết nói?”. Mỗ gât gù, uể oải như thường lệ. “Tại sống với con người lâu quá đó mà. Nhưng chỉ nói khi thật cần thiết thôi. Lần này, thấy buồn quá nên phải nói”. “Buồn ư? Vì chậu rau hả?”. “Ừ! Tôi thích mùi rau thơm. Mỗi sáng được ngửi một chút, tìm tôi thấy nhẹ. Cái chậu bé vậy thôi mà làm tôi thấy yên bình. Mà giờ tụi sẽ phá rồi, buồn lắm”.

Bống nghe xong, thấy ngờ nghệch, thương thương. Tối đó, cô bé lấy một cái chậu mới, trồng thêm rau húng quế, tía tô, vài cây bạc hà nhỏ từ chậu cũ. Cô còn làm một bảng hiệu mini: “Vườn của Mỗ – KHÔNG PHÁ PHÁCH”.

Sáng nào Bống cũng ra vườn cùng Mỗ. Hai đứa lẳng lẽ kiểm tra từng chậu cây. Bống tưới nước, còn Mỗ đi rón rén quanh gốc cà chua, thì thoảng lại “meo” một tiếng như góp ý.

“Mấy cái lá bị chim mổ rách mất rồi, nhưng không sao đâu. Mình chăm lại từ đầu nhé”. Bống vừa nói vừa nhặt mấy mảnh lá úa. “Mai tao với mày đi dạo, tìm mua thêm vài cây mới bù vào”. Mỗ không trả lời, chỉ dụi đầu vào cổ chân Bống, như nói rằng: “Ừ, mình làm lại từ đầu đi”.

Cứ thế, mỗi sáng vườn lại có tiếng chuyện trò nhỏ nhỏ. Một giọng người và một giọng mèo. Bống kể chuyện trên lớp, chuyện cô giáo cho lớp tập đọc bài thơ dài ơi là dài, chuyện bạn Nam lén để viên kẹo vào cặp bạn Hà. Chẳng biết Mỗ có hiểu không nhưng cứ “meo meo” tán thưởng. Lạ thay là Bống cũng như hiểu được Mỗ đang nói gì. Đúng là bạn thân có khác.

Rồi một chiều, mẹ Bống từ chợ về, trên tay ôm

một chậu cây nhỏ. Cây cà chua non, lá xanh như vừa hé mắt chào đời. Bống reo lên. Ôi, cây con xinh quá! Mỗ ơi, chúng ta có bạn mới rồi này!

Mỗ ngẩng đầu nhìn, đuôi vẫy nhẹ. Nó không nói gì, chỉ tiến lại, cẩn thận ngửi ngửi thân cây non, như đang chào hỏi. Rồi nó nằm xuống bên chậu cây, cuộn mình lại, ánh mắt lim dim, bình yên như đang canh giấc ngủ cho một điều gì đó sắp lớn lên trong vườn nhỏ...

“Mẹ ơi, mình trồng thêm đi! Mỗ sẽ thích lắm đó”. Bống reo lên, phát hiện ra một điều kỳ diệu. Trong vòng tay cô bé là cây cà chua nhỏ xíu, còn đầm sương, đang mang lên trên vườn nhỏ. Mỗ chạy đi trước, sắp xếp một chỗ nằm hợp lý chờ Bống theo sau.

Ở góc ban công, cục bông ba màu tên Mỗ, đáng nằm uể oải như bánh trắng phơi sương, khẽ ngoái đầu lại, “meo” một tiếng thật dịu dàng khi thấy cây con. Rồi Mỗ cũng đứng dậy đi xung quanh xem giúp được gì không. Nó lấy hai tay khê bới một ít đất ở chậu cây mới để trồng cây xuống. Hai đứa lúi húi một lúc cuối cùng cũng xong, chúng thờ phỉ phỉ rồi lại cười với nhau khi nhìn lại cây cà chua, khẽ rung rinh trong huu huu gió thoảng.

Từ ngày Bống trồng lại chậu rau, mỗi ngày trôi qua đều trở thành một bài hát mùa vui, có nắng, có lá và... có mèo.

Buổi sáng, Mỗ ra ban công trước cả mặt trời. Nó chọn chỗ gần bụi bạc hà, nằm đuổi người ra tận rìa chậu, hít một hơi thật sâu rồi lim dim thở ra như thể vừa uống được một ngụm mùi hương mát lạnh.

Buổi trưa, Mỗ cuộn tròn dưới bóng cây tía tô. Lá rung nhẹ như chiếc quạt giấy ai phe phẩy. Giấc ngủ của Mỗ cũng lặng yên, như một giấc mơ có mùi nắng và vài chiếc lá chạm khẽ vào tai.

Buổi chiều, Mỗ đổi vị trí sang gần cây cà chua. Nó ngồi im phăng phắc canh chừng một kho báu. Mỗi lần Bống thăm thì: “Hôm nay nó cao hơn hôm qua nha!”, là tai Mỗ lại giật nhẹ.

Những lúc ấy, Bống không chơi điện thoại, không bật tivi. Cô bé chỉ ngồi cạnh con mèo nhỏ, chống cằm nhìn vườn rau nhỏ như đang đọc một cuốn truyện không có chữ mà chỉ có lá, mùi thơm, và tiếng thở khẽ khàng của một người bạn bốn chân biết lắng nghe.

Cuộc sống của Mỗ chẳng có gì để phàn nàn. Cho đến một buổi chiều, khi bầu trời xám lại. Gió bắt đầu luồn qua giàn cà chua, lay nhẹ những chiếc lá còn non. Mỗ đang ngáp dài, chuẩn bị rúc đầu vào...

(Xem tiếp trang 41)

VĂN HỌC THIẾU NHI

Nguyễn Thị Chúc

(Lớp 7B, Trường THCS Hoàng Ngân)

Đánh răng

Em dậy sớm
Đi đánh răng
Lấy ít kem
Lên bàn chải
Đánh hàm dưới
Rồi hàm trên
Xúc miệng nhanh
Mẹ khen em:
Răng sạch quá

Trung thu của bé

Đêm trung thu vui quá
Bé được đi rước đèn
Cầm trên tay bạn cá
Lung linh con đường quen

Bé mau mau sải bước
Tiến thẳng vào giữa làng
Nhà bà ngoại làm cỗ
Mời các bạn cùng ăn

Trung thu nay vui quá

Có các bạn cùng chơi
Có cả bà ngoại nữa
Bé tung tăng vui cười

Trương Anh Thư

(Lớp 7A Trường THCS Hoàng Ngân)

Mẹ là tất cả

Mẹ làm bao nhiêu việc
Mà luôn nở nụ cười
Thức khuya và dậy sớm
Tất bật và lo toan

Cứ mỗi buổi bình minh
Đúng giờ mẹ gọi em
Nhắc gọn gàng chu đáo
Để chuẩn bị tới trường

Em thương mẹ vất vả
Nên luôn tự hứa rằng
Phải chăm ngoan học giỏi
Để cho lòng mẹ vui

Mẹ ốm

Hôm nay thức dậy
Chờ lâu thật lâu
Chẳng thấy mẹ đâu
Vào phòng mới thấy

Mẹ đang nằm đấy
Cạnh, chẳng có ai

Bố đi mua thuốc
Chị nấu cháo gà
Hóa ra là thế
Nhà lặng như tờ
Là khi mẹ ốm

Lộc Thị Thu Phương

(Lớp 8B, Trường THCS Hoàng Ngân)

Mùa chè của mẹ

Búp chè xanh ngắt
Một tay mẹ chăm
Một tay mẹ hái
Thoăn thoắt, nhanh nhanh

Đôi chè trên nương
Đường đi xa lắm
Người mẹ em thương
Dậy từ mơ sớm

Bao chè nặng trĩu
Mẹ vác trên lưng
Vác thêm cả nắng
Bóng nghiêng trên đường

Rồi mẹ sao chè
Khởi ơi cay mắt
Biết bao khó nhọc
Thành ầm chè xanh!

Sân trường

Mùa thu năm ấy
Nắng dịu sân trường
Đứa trẻ thơ ngây
Bỏ ngõ bước đến

Ba năm trôi qua
Thoảng như cơn gió
Chúng em lớn lên
Giận hờn còn đó

Sân trường giờ đây
Màu nắng và mây
Gieo niềm hy vọng
Thôn thốc mong chờ

Một chuyến đò mới
Chuẩn bị xa bờ...



Suất ăn tăng ca của mẹ

Truyện ngắn của Dương Phương Thảo

Thùy có dáng hình nhỏ bé, gầy gò so với các bạn cùng trang lứa. Bố Thùy mất từ sớm, nhà chỉ có hai mẹ con cùng vịn vào nhau để sống. Chín tuổi, Thùy đã phải tự lập ở nhà để mẹ đi làm công ty. Những hôm mẹ làm ca đêm, Thùy ở nhà một mình. Ban đầu Thùy sợ lắm nhưng rồi cũng quen.

Trước đây, căn nhà của hai mẹ con cũ kĩ, dột nát lắm. Thùy lại nhỏ, nên mẹ chỉ dám loanh quanh làm những công việc gần nhà, thu nhập chẳng được bao nhiêu. Vừa rồi, có bao nhiêu vốn liếng mẹ dành dụm được, cùng với số tiền hỗ trợ của Nhà nước, mẹ đã xây được căn nhà nhỏ che mưa che nắng. Nhưng thiếu tiền, mẹ vẫn phải vay mượn thêm. Có nhà rồi, mẹ yên tâm để Thùy ở nhà mà đi làm công ty, cách nhà hơn mười cây số. Dù thu nhập đã ổn định, nhưng mẹ Thùy vẫn tần tảo,

chất bóp từng đồng để trả nợ. Thùy hiểu mẹ nên chả bao giờ đòi mua quà bánh hay quần áo mới.

Nghỉ hè, những khi mẹ đi làm, Thùy lại ra vườn nhổ cỏ, chăm sóc luống rau xanh mướt, quét sạch cái sân nhỏ và dọn dẹp đồ đạc trong nhà thật ngăn nắp. Thùy muốn khi mẹ về, dù mệt mỏi vẫn nở nụ cười trên môi. Mẹ thường đi làm về khá muộn vì mẹ đang ký tăng ca. Có những hôm Thùy đi ra ngoài cổng ngóng tới gần chục lần mới thấy mẹ về. Những đứa trẻ khác ngóng mẹ đi làm về để có chút quà bánh. Còn Thùy mong mẹ về để yên tâm, để vội bột nổi cô quạnh. Vì trong năm học, ở lớp còn có bạn bè, thầy cô. Còn kỳ nghỉ hè thì chỉ có mình Thùy với ngôi nhà nhỏ chờ mẹ.

Dù mỗi buổi đi làm về, mẹ lại mang về cho Thùy bánh, sữa, là suất ăn nhẹ tăng ca của mẹ. Chẳng bao giờ

mẹ dùng đến suất ăn ấy. Mỗi khi được phát mẹ lại cất đi, đem về cho con. Những hộp sữa nhỏ thơm ngon quá trời đối với Thùy. Nhưng chỉ khi nào cần làm Thùy mới ăn. Còn lại Thùy cất gọn vào một chiếc hộp. Mỗi khi vắng nhà, Thùy lại mang ra đếm, sắp xếp gọn gàng cho vui nỗi nhớ mẹ. Mẹ làm vất vả lại lo toan đủ thứ nên nhìn mẹ ngày càng gầy gò. Thùy lo nhất là mẹ ốm thì chẳng biết phải chăm thế nào. Ngày nào đó, nếu mẹ ốm không đi làm được, Thùy sẽ đem những hộp sữa này ra cho mẹ uống, để mẹ mau khỏe.

Như mọi hôm, quét xong sân Thùy cắm nồi cơm rồi ra cổng ngóng xem mẹ về chưa. Trời bắt đầu nổi gió rồi mưa to, sấm sét, mất điện. Chưa bao giờ Thùy sợ đến thế. Thùy ngồi co ro trong căn phòng tối om, mong mẹ sớm trở về. Trời vẫn mưa không ngớt. Thùy nhìn ghé qua cửa sổ chỉ thấy chớp rạch

sáng lóa trên bầu trời. Không biết giờ này mẹ đã được về chưa. Thùy vẫn ngồi im, lòng nóng như lửa đốt.

Ngoài cổng, bỗng tiếng chó sủa ran, tiếng đèn pin nhấp nhọang. Tiếng người gọi Thùy í ới. Thùy đội nón chạy ra. Mấy người hàng xóm đang dìu mẹ vào trong nhà. Chân tay mẹ xước chảy máu. Thùy vội vàng lấy khăn lau mặt cho mẹ. Thì ra mẹ về gần đến nhà thì bị ngã xe, ngất xỉu bên đường. May có mấy người đi đường phát hiện và đưa mẹ về nhà.

Mẹ nằm trên giường, mắt khẽ mở. Thùy bỗng òa khóc nức nở. Thùy lấy hộp sữa tăng ca cho mẹ uống. Mẹ tỉnh dần.

Nhưng việc đầu tiên sau khi mẹ tỉnh lại, là nắm tay con gái và giục con ra xe đem suất ăn tăng ca vào cất đi để sáng mai còn có đồ ăn sáng.



HỒ THỦY GIANG

Vi Hồng những điều tôi biết

Tôi đã đọc Vi Hồng từ những năm cuối thập kỉ 60 của thế kỉ trước nhưng chưa được tiếp xúc với anh. Có lẽ hồi đó Vi Hồng viết chưa nhiều nên tôi cũng chỉ có trong tay vài ba truyện ngắn của anh. Nhưng ngày ấy, chỉ cần dăm ba tác phẩm như vậy cũng đã có thể mang lại tiếng tăm cho người viết. Cuối năm 1971, thật bất ngờ, Vi Hồng và tôi cùng được giải truyện ngắn của Tuần báo Văn nghệ - Hội Nhà văn. Hôm lĩnh giải, biết tôi người cùng tỉnh, Vi Hồng đến ngồi cạnh. Đó là một cử chỉ rất nhỏ nhưng lúc ấy với tôi lại như một đặc ân. Hồi đó, tôi đang là anh giáo ở một trường làng xa xôi hẻo lánh mà lại về tận Thủ đô, ngồi cạnh những nhà văn nhà thơ nổi tiếng như Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, Hoàng Trung Thông, Nguyễn Khải, không... chết ngất là may. Được Vi Hồng ngồi “trấn an” bên cạnh thì quả cũng có phần yên tâm hơn. Sau ngày dự lễ trao giải, tôi và Vi Hồng trở thành đôi bạn vong niên. Nghe nói Vi Hồng không phải là người dễ tính trong quan hệ bạn bè, đặc biệt là những người đến vì mục đích văn chương. Nhưng đối với tôi, Vi Hồng lại có sự cư xử rất thoải mái và cởi mở khác hẳn với mọi người. Có lẽ do anh thấy tôi cũng có vẻ đồng cảnh, nghĩa là nhiều vất vả trên đường đời nhưng lại rất say mê văn chương chẳng?

Kể từ ngày ấy, in ấn được gì Vi Hồng đều tặng tôi. Về phía mình, tuy biết lối viết của tôi và anh hoàn toàn khác biệt nhưng trong thâm tâm tôi luôn coi anh là người anh trong văn nghiệp.

Về đời tư, đặc biệt là về đời văn, Vi Hồng vất vả đủ đường. Nếu người không biết sẽ tưởng Vi Hồng là một nhà văn luôn thuận thảo, suôn sẻ. Ngược lại, đời sáng tác của Vi Hồng vô cùng gặp ghềnh, nếu không muốn nói là có lúc tưởng như “không còn đường về quê mẹ”. Cách đây hơn năm mươi năm, Vi Hồng có tặng tôi một tập truyện ngắn in chung với vài tác giả khác. Tôi đã đọc phần truyện của anh một cách kĩ lưỡng và thích thú bởi giọng văn đẹp, đầm ấm và đặc biệt là nguồn văn hoá dân gian Tây - Nùng được anh đưa vào tác phẩm một cách nhuần nhuyễn (sau này có nhà nghiên cứu đã cho rằng đó là phong cách *hiện đại hoá dân gian*). Gặp nhau, tôi bày tỏ lòng khâm phục và chúc mừng sự thành công của tác giả. Tưởng anh phấn khởi, nào ngờ nét mặt anh rầu rầu: “Tôi đang bị cạo vì tập truyện ngắn ấy đấy”. Nghe anh giải thích tôi mới hiểu thì ra anh bị một vài người có thế lực nào đó ở Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Việt Bắc lúc bấy giờ, do suy diễn, định kiến nên đã bắt bẻ tập truyện của anh. Thậm chí còn có ý kiến cho rằng tác phẩm của anh biểu

tượng hai mặt. Vào những năm tháng ấy mà bị “trên” chụp cho cái “đại mủ” ấy thì đồng nghĩa với con đường treo bút, thậm chí còn tệ hại hơn. Tôi hết sức ngạc nhiên vì không hiểu sao một người cầm bút hiền lành chân chất và giàu lòng nhân ái như Vi Hồng mà lại có thể gặp hoàn cảnh oái oăm đến vậy. Sự kiện ấy của anh đã khiến tôi, một kẻ mới ho he viết lách, tôi một năm sau không dám động tới bút nghiên. Nhưng thật may mắn cho Vi Hồng, sau đó anh được một đồng chí lãnh đạo cao nhất của Khu Việt Bắc lúc bấy giờ giải oan. Nếu không, có lẽ Vi Hồng khó mà vượt dậy.

Cuối năm 1980, Vi Hồng đến thông báo cho tôi một tin cực kì quan trọng rằng anh đã được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam. Những năm tháng ấy mà được vào Hội Nhà văn thì có khác gì được... lên tiên. Tôi và rất nhiều anh em sáng tác ở trong tỉnh mừng cho anh và mừng cho cả phong trào văn chương của cả tỉnh.

Từ ngày được vào Hội, sức viết của Vi Hồng thật... kinh hoàng. Tôi phải dùng từ ấy là vì theo dõi tác phẩm của các nhà văn trên toàn quốc lúc bấy giờ, tôi thấy không mấy người, trước hết là về số lượng tác phẩm, được xuất bản nhiều như Vi Hồng. Chỉ khoảng hơn chục năm sau đó, Vi Hồng đã cho xuất bản tới 20 đầu sách, chủ yếu là tiểu thuyết dài hàng ba, bốn trăm trang. Việc anh viết nhiều cũng còn một lí do nữa là phải kiếm sống. Thời gian này vợ anh không có việc làm, hai cậu con trai sinh đôi còn quá nhỏ, cộng với nhiều nỗi vất vả, gian truân khác trên đường đời. Tôi biết nhiều khi Vi Hồng đã phải chiều theo các cơ quan phát hành sách đặt hàng mà phải “tốc kí”. Anh làm việc thâu đêm, đôi lúc cũng không được kĩ lưỡng, chỉ cốt sao tác phẩm có thể ra đời để lấy nhuận bút nuôi vợ, nuôi con. Có một số người cũng đã phê phán anh về điểm này. Tất nhiên họ phê không sai nhưng cũng nên hiểu và thông cảm cho anh. Vi Hồng từng nhiều lần nói với tôi rằng anh có thể khổ nhưng không thể nhìn vợ con đói rách được. Đến nhà anh lúc nào tôi cũng nghe thấy tiếng máy chữ đều đều vang lên trong căn nhà tranh rách nát. Cho nên tôi thường bảo với anh em bạn bè rằng, chê Vi Hồng về chuyện ấy cũng được nhưng trước hết cần phải coi đó như một chiến công oanh liệt về tình phu thê, phụ tử. Cơm áo gạo tiền với khách thơ.

Những năm tháng ấy, Vi Hồng viết liên tục. Do sức khoẻ kém, anh không có điều kiện đi thực tế nên nghe được ai kể gì anh đều ghi chép để chờ thời cơ đưa vào tiểu thuyết. Chính vì điều này mà Vi Hồng từng bị rầy rà đôi chút. Đó là khi tiểu thuyết “Người trong ống” của anh vừa ra đời đã bị



Tác giả (bên trái) và nhà văn Vi Hồng (Ảnh chụp tại đồi thông Vân Dương, Phố Yên năm 1982)

một Giám đốc bệnh viện cho rằng anh viết về ông, vu khống đời tư của ông. Nhà văn Ma Văn Kháng lúc đó đang là Phó Giám đốc, Tổng Biên tập Nhà Xuất bản Lao Động có nói với tôi vị lãnh đạo ấy đã kiện lên tận Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (vì cuốn sách do Nhà Xuất bản Lao Động ấn hành). Thực ra, Vi Hồng không hề biết mặt và đặc biệt là chẳng thù ghét gì vị giám đốc bệnh viện nọ. Những tình tiết vô tình trùng lặp có lẽ do anh “nhặt” được đâu đó trong đời sống mà thôi. Tất nhiên, văn học chỉ là văn học nên anh không sao cả. Nhưng tôi biết, từ đó mỗi khi ốm đau, anh luôn phải tránh vào cái bệnh viện ấy. Thật buồn!

Tuy nhiên, bên cạnh nhiều nỗi buồn và những trái ngang mà Vi Hồng từng phải gánh chịu, cuộc đời anh lại có những “cửa hiếm” mà không phải ai cũng được hưởng. Có một câu chuyện mà trộm linh hồn anh, bây giờ tôi mới kể. Ngày tôi còn đang dạy học ở một xã hẻo lánh, một hôm có một cô gái trẻ, rất xinh đẹp đến trường hỏi thăm tôi. Tôi ngỡ ngàng vì không hề quen biết cô gái không mời mà đến nọ. Cô gái kể rằng cô là giáo viên văn cấp 2. Trường cô ở gần trường Đại học Sư phạm Việt Bắc sơ tán (trường mà Vi Hồng giảng dạy). Cô là người đọc Vi Hồng nhiều và si mê anh một cách thâm lặng theo kiểu tình yêu đơn phương. Cô bảo dạo này trường anh Vi Hồng đã về thành phố nên không được nhìn thấy bóng anh bước trên...

(Xem tiếp trang 41)

THƠ SONG NGŨ

Thơ song ngữ Tày - Việt

Hoàng Thị Hiền

Pửa kha tả hời mà

Khừn heng lượn Nàng ới
bằng pè pắc hua phẳng Tượng
mạ phao foòng ba nặm tá Cầu
cần hời mà đin tí mạy tắc buốt bắt quần
ngàng hấu mế

Tắc slắc bom bên đạn théc
sửa mên vắn pốc pằng dậu chang đông
pềng tái thắc pây chang bươn Chắt
kin Chiềng ai pắc tu mế năng thả từng cần
chiêm boòng tàng sli dên khao xoác

pửa kha tả hời mà
tỉ tha vắn khừn chón phja pày mấu
khay tha hần nầu chạu lũng loàng
nào niết còn bên slung chang bản
phẳng tá cần pây tẻ bồng ban

Bại mế thả lức của lầu khóp nặm mường
slưong điếp
chóm bươn Chắt chang pầu tổng nậu bjoóc
ngậu hom.

Dịch:

Khi dòng sông trở về

Cất câu lượn Nàng ới
bè mặng cẳm sào neo bến Tượng
vó ngựa khua nước sông Cầu
người trở về nơi cây cụt mọc chồi vắn tóc
mây cho mẹ

áo trận ám khói
đắp tuổi hai mươi cho đồng đội trong rừng
bánh vắt vai đi vào tháng Bảy
mẹ ngồi bậc cửa tháng Giêng đôi con đường
cắm cắm sương trắng

khi dòng sông trở về
mặt trời được sinh ra lần nữa
ngày mới mọc lên
giữa bán nhộn nhịp vòng còn
bến sông người người xuôi ngược

những người mẹ chờ con suốt dọc dài đất
nước
ôm tháng Bảy vào lòng những cánh sen thơm.

Thơ song ngữ Nùng - Việt

Vân Du

Tèo mây lài

Vắn pây vắn tằng ngang phải ooc bjooc
Hẩm pay hẩm nhọm nặm ót tha nái
noọng tằm pần tèo mây lài
tằng sli hải mồn póm lúc lích

Noọng thiếu bắt bjooc tào
tèo mây hồng ươn hủng vắn háng
Noọng thiếu puống khẩu slúc
tèo mây chương sừm đết nặm hĩa
Noọng thiếu pắc phá cá kéo pồ
tèo mây phước dăm khẩu páng phjam
Noọng thiếu nhọt phảy
tèo mây đeng
thầu đang.

Tèo mây lài thiếu sluồn bjooc
tèo mây lài thiếu siển tông hủng sáng
tèo mây lài thiếu ki lai tới nộc mừ hăng
tỏ mĩ thiếu dầy slim hâu.



Dịch:

Sợi chỉ màu

Ngày qua ngày đời cảnh bông đơm hoa
đêm qua đêm nhuộm vải chàm mắt mới
em dệt nên sợi chỉ màu
đời mùa trăng tròn vành vạnh

Em thêu cánh hoa đào
sợi chỉ hồng lung linh ngày hội
Em thêu bông lúa chín
sợi chỉ vàng thắm giọt mồ hôi
Em thêu màn sương giăng lưng núi
sợi chỉ trắng hoà vào làn tóc
Em thêu ngọn lửa
sợi chỉ đỏ
ấm lòng.

Sợi chỉ màu thêu vườn hoa
sợi chỉ màu thêu câu vồng rực rỡ
sợi chỉ màu thêu bao đời chìm về tổ
mà không thêu được lòng mình.

Thắp lửa...

(Tiếp theo trang 13)

...Tuy nhiên, là người lính chiến trong chiến trường không phải lúc nào cũng có điều kiện để sáng tác, có khi hứng lên tức khẩu được bài thơ lại không có giấy bút ghi lại, có lúc có điều kiện ghi chép rồi những ngày lặn lội chiến trường lại mất cả bài viết lúc nào không hay biết... mãi về sau này những sáng tác mới được lưu lại thì đó không còn là những bài viết trong trận địa nữa.

Trong cả hành trình chiến đấu và công tác trong kỷ ức tôi có nhiều kỷ niệm về những ngày trực tiếp cầm súng. Tôi vẫn thường nghĩ đề tài về chiến tranh cách mạng và hình ảnh người lính trong các cuộc chiến tranh bảo vệ đất nước còn rất nhiều điều để viết và nên viết, chỉ tiếc là khả năng lại có hạn mà thôi. Tôi rất muốn thể hiện trong các sáng tác của mình về tình đồng đội, về niềm tin chiến thắng, tình quân dân, tình cảm quốc tế Việt Lào... Xin đơn cử một số bài như: *Lời tháng Bảy*, *Cây đào ở nghĩa trang*, *Kỷ niệm Mường Lào*, *Chị của tôi*...

Là một trong những người từ chiến trường trở về thông qua các tác phẩm văn học tôi chỉ muốn nhấn gửi một điều tới mọi người đặc biệt là thế hệ trẻ thấy được cái giá trị to lớn của cuộc sống hòa bình hôm nay. Để có được độc lập tự do và hòa bình dân tộc ta đã phải đổi bằng bao nhiêu của cải vật chất và bao nhiêu xương máu của các thế hệ cha anh. Một điều mong muốn nữa là mong ngày càng có nhiều người cùng viết tiếp về đề tài chiến tranh cách mạng và đề tài Người lính trong các cuộc chiến tranh bảo vệ đất nước trước đây cũng như hình ảnh Người lính trong xây dựng đất nước và bảo vệ chủ quyền biển đảo của chúng ta hiện nay.■



Người trẻ Thái Nguyên và văn hóa uống trà tinh tế



LINH LAN

Giữa nhịp sống hiện đại, nhiều người trẻ đang lựa chọn cách sống chậm với trà: Có người mang theo gói chè nhỏ trong ba lô mỗi chuyến đi xa, có người chọn thưởng trà ở quán trà đạo, người lại thích vị trà sữa hiện đại. Từ bát chè mộc mạc trên đồng ruộng ngày xưa đến ly trà sáng tạo nơi phố thị hôm nay, đó không chỉ là sự chuyển động của khẩu vị mà là sự tiếp nối của ký ức, bản sắc và nét văn hóa. Và những người trẻ hôm nay đang kể câu chuyện về trà, về quê hương, bằng một ngôn ngữ vừa quen, vừa lạ.

Nâng niu đặc sản quê hương

Chiều mưa giăng mờ phố núi, trong góc nhỏ ban công tầng hai, Lưu Thị Phượng, phường Linh Sơn (Thái Nguyên) rút từ ba lô ra một gói chè. Búp chè khô, cánh nhỏ xoắn cong, được gói trong tờ giấy kraft mộc mạc, vẫn còn đọng lại hương thơm thanh khiết của mảnh vườn sau nhà. “Đi đâu em cũng mang theo. Chè chính là... hơi thở của em”. Phượng nhìn gói chè, mỉm cười dịu dàng nói với tôi mà như đang nói với chính mình.

Phượng lấy ấm, đun nước hãm chè. Trong khi chờ tiếng nước reo, chúng tôi nói chuyện phiếm về chè. Phượng kể, trong mỗi chuyến đi xa, khi bạn bè háo hức khám phá cà phê Ý, rượu vang Pháp, hay những ly trà sữa thời thượng, thì hành lý của cô luôn có một góc nhỏ trang trọng dành cho vài túi trà Thái Nguyên. Đến nơi, việc đầu tiên cô làm là tìm một góc yên tĩnh, pha một ấm trà ngon. Rồi cô rót mời những người mình gặp, từ chị nhân viên dọn phòng



Quán trà mang slogan đầy tự hào: "Layback - Từ vùng chè đặc sản Thái Nguyên" thu hút đông đảo bạn trẻ đến thưởng thức.

đến bạn lễ tân khách sạn, với một lời mời chân thành: “Anh chị thử chút trà quê tôi nhé. Nước đầu hơi chất đấy, mà hậu vị ngọt lắm”.

Tôi tò mò:

- Nhà em có trồng hay kinh doanh chè không?

Phượng lắc đầu, đôi mắt trong veo:

- Em không trồng, cũng chẳng buôn bán. Em yêu trà, như người ta yêu một miền ký ức không thể tách rời.

Với Phượng, trà không phải là một mặt hàng, nó là một vật phẩm mang hồn người. Trong cốp xe cô lúc nào cũng có sẵn vài gói trà: Từ trà đỉnh thượng hạng, trà nổi thơm ngát, cả những túi trà lọc tiện dụng. Đó là sản phẩm của những người làm chè tử tế mà cô quen, những người làm ra trà bằng cả sự chân thành, lặng lẽ như chính vị trà họ tạo ra.

Nước vừa sôi, Phượng khéo léo pha trà. Hương trà theo làn hơi nóng bốc lên, quyện với không khí mát lành sau mưa, tạo thành một mùi hương vừa thân thuộc, vừa sang trọng. Chén trà đầu tiên có màu xanh trong, sóng sánh. Tôi nhấp một ngụm, vị chất dịu dàng lướt qua đầu lưỡi, rồi tan dần, nhường chỗ cho vị ngọt sâu lắng đọng lại nơi cuống họng, bắt gặp “khà” một tiếng đầy sáng khoái.

Thấy tôi tâm đắc, Phượng hơn hớn hẳn lên, như thể chính cô được khen. Cô khoe vừa được một người chị ở Đồng Hỷ tặng ấm trà hữu cơ làm thử nghiệm theo công nghệ Nhật Bản. “Chỉ một ngụm thôi”, cô kể, “em đã ngửi ngàng trước thứ nước xanh trong rồi



Mỗi chén trà là một khoảnh khắc ngưng đọng, một khoảng lặng cần thiết để người trẻ dừng lại, suy ngẫm, và lắng nghe tiếng lòng mình.

lại vàng nhẹ ấy, nó chất thật dịu, rồi ngọt sâu đến tận tâm can”.

Nghe cô nói, tôi hiểu rằng Phượng không chỉ đang uống một thức uống. Cô đang uống cả một miền trời ký ức. Mỗi lần pha trà là một lần cô được quay về bên hiên nhà cũ, nơi ông nội với chiếc ấm tích sẫm cũ, khoan thai rót từng chén trà mời bạn già. Trong làn khói mờ ảo ấy là bóng hình của quá khứ, là câu chuyện về những năm tháng chiến tranh, về những người đã đi xa và người còn ở lại. "Mỗi lần pha một ấm chè, em lại thấy mình sống lại trong những ngày xưa ấy, hạnh phúc ngồi bên ông, nhìn ông sáng khoái uống trà..."

Giữa nhịp sống gấp gáp, giữa vòng quay công việc và những căng thẳng vô hình, Phượng và nhiều người trẻ khác đã tìm thấy cho mình một "phanh hãm". Mỗi chén trà là một khoảnh khắc ngưng đọng, một khoảng lặng cần thiết để họ dừng lại, suy ngẫm, và lắng nghe tiếng lòng mình. Đó là một cách "sống chậm" đầy chủ động và tinh tế.

Từ bát chè xanh ngoài đồng đến những quán trà đạo

Từ câu chuyện của Phượng, tôi nhớ về quá khứ của ông bà, cha mẹ mình với bát nước chè xanh nơi đồng đất quê nhà. Ngày xưa ở những làng quê Thái Nguyên, mỗi sớm mai, việc đầu tiên mỗi người nông dân sau khi nhóm bếp là đun một ấm nước chè xanh thật đặc. Thử nước chất nồng, thơm dịu ấy được rót đầy vào ấm tích, đặt trang trọng giữa mâm tre. Cả nhà quây quần, mỗi người một bát, uống một hơi cho tỉnh táo, mát lành rồi mới ra đồng. Bát nước chè ấy theo họ trên vai, đi qua những mùa gặt hái, những vụ cấy cày, thấm đẫm mồ hôi và tình người, trở thành một phần không thể thiếu trong nhịp sống lao động. Mỗi bát chè đều gói trong đó sự chân thành, sự gắn bó của người với đất, người với người. Trà khi ấy là vị của sự vất vả, của đoàn kết, của quê hương.

Khi ấy, không ai gọi đó là "trà đạo", càng không nghĩ đó là "thường trà". Nhưng trong cái cách uống mộc mạc, chân thành ấy lại chứa đựng cả một triết lý sống: Gần bó với thiên nhiên, chân thật với lòng mình, và kết nối với những người bên cạnh. Bát chè là vị của sự vất vả, của tình làng nghĩa xóm, của hồn cốt quê hương.

Từ bát chè dân dã ấy, văn hóa trà đã bước những bước dài, đi vào những không gian tinh tế hơn. Tôi nhớ một lần ngồi cùng bạn ở Hải Đăng Trà, một không gian tĩnh lặng gần chùa Phù Liễn. Hôm đó, tôi gặp một đoàn khách từ Hà Nội lên, và ngạc nhiên thay, có rất nhiều bạn trẻ. Nguyễn Thị Minh Anh, 26 tuổi, chia sẻ: Du lịch vùng chè Thái Nguyên, em rất thích ngồi uống trà



Chị Lưu Thị Phượng, phường Linh Sơn (Thái Nguyên) luôn có thói quen mang theo chè và pha trà khi đi du lịch.

trong những không gian tĩnh lặng thế này. Ở Hà Nội, bọn em cũng thường tìm đến các quán trà đạo để thư giãn, hoặc tìm một góc yên tĩnh để làm việc.

Lời của Minh Anh khiến tôi càng thêm suy ngẫm. Thế hệ trẻ ngày nay, dù không còn ngồi bên bếp củi và không phải ai cũng từng ra đồng, nhưng họ đang lặng lẽ giữ lại mạch nguồn văn hóa của cha ông. Việc mang theo gói chè trong ba lô như Phượng, việc tìm đến quán thưởng trà như Minh Anh, chính là cách họ "tiếp biến" văn hóa. Trong một thế giới luôn thúc ép con người phải nhanh hơn, mạnh hơn, thì hành động pha và uống một chén trà lại là một lựa chọn "sống sâu", sống có gốc rễ. Mỗi ly trà họ uống không chỉ làm dịu lòng, mà còn là cách giữ gìn hồn cốt quê nhà, là tiếng nói thầm lặng của một thế hệ biết yêu, biết nhớ, biết gìn giữ.

“Kể chuyện chè” bằng ngôn ngữ hiện đại

Nếu Phượng và Minh Anh đại diện cho lớp trẻ tìm về giá trị nguyên bản, thì một bộ phận khác lại đang "kể chuyện chè" bằng một ngôn ngữ sáng tạo và hiện đại hơn. Không còn là chuyện uống bát nước chè xanh quanh ấm tích của nhà nông, cũng không cần bộ bàn ghế gỗ lim, người trẻ Thái Nguyên hôm nay đã tìm ra những cách riêng để "kể chuyện chè".

Phạm Duy Anh, chàng sinh viên 21 tuổi của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, đã "phải lòng" matcha từ những năm cấp ba. Với Duy Anh, matcha không phải là một sản phẩm "ngoại lai". Em tìm hiểu và biết rằng, về bản chất, matcha là bột được nghiền mịn từ những búp chè non chất lượng cao, tương tự như nguyên liệu làm ra những loại chè ngon nhất của Thái Nguyên.

"Em thích cảm giác uống matcha giữa phố xá ồn ào mà vẫn như thấy mình đang đứng giữa đồi chè của quê hương. Vị đắng nhẹ ban đầu, rồi ngọt hậu về sau, giống như cuộc sống của chúng ta, có thăng trầm, có vui buồn," Duy Anh chiêm nghiệm. Ngoài việc thưởng thức ở quán, em còn tự mua bột matcha từ những nguồn uy tín về nhà, tự tay pha chế cùng sữa hạt và mật ong, tạo ra những ly trà sữa "nhà làm" mang đậm dấu ấn cá nhân và hương vị quê nhà.

Câu chuyện của Duy Anh không phải là cá biệt. Trà ủ lạnh (cold brew) từ lá chè non, hồng trà kết hợp với các loại trái cây nhiệt đới, trà hoa cúc mật

ong... và vô vàn công thức sáng tạo đã ra đời từ lá chè Thái Nguyên. Mỗi người một gu, một cách cảm nhận, nhưng sợi dây kết nối vẫn là vị chất dịu, hương thơm thanh khiết và hậu ngọt đặc trưng.

Đáp ứng thị hiếu của giới trẻ, những quán kinh doanh đồ uống từ trà hiện đại mọc lên ngày một nhiều giữa lòng đô thị xứ Thái. Dạo một vòng quanh các con phố sầm uất như Bắc Sơn, Việt Bắc, Phan Bội Châu thuộc phường Phan Đình Phùng, người trẻ có thể dễ dàng tìm cho mình một "gu" trà phù hợp.

Trong số đó, tôi đặc biệt ấn tượng với Layback, một quán trà mang slogan đầy tự hào: "Layback - Từ vùng chè đặc sản Thái Nguyên". Đây là tâm huyết của vợ chồng chị Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1998, ở phường Phố Yên. Thay vì đi theo lối mòn, chị Vân chọn một hướng đi riêng: Tập trung vào hồng trà (trà đen) chế biến từ nguyên liệu chè Thái Nguyên. Sau hai năm ròng rã tìm kiếm vùng nguyên liệu, nghiên cứu công nghệ chế biến và thử nghiệm công thức, cửa hàng đầu tiên ra đời tại TP. Phố Yên năm 2022. Gần một năm sau, Layback thứ hai khai trương tại đường Bắc Sơn, TP. Thái Nguyên (nay là phường Phan Đình Phùng), nhanh chóng trở thành điểm đến yêu thích.

Nguyễn Thị Hường, 23 tuổi, xã Kha Sơn, nhân viên một spa là "khách ruột" của tiệm trà Layback chia sẻ: Ban đầu em thử vì tò mò, không biết trà sữa làm từ trà Thái Nguyên sẽ ra sao. Nhưng rồi hương vị độc đáo, vừa hiện đại vừa có nét truyền thống của đã chinh phục em.

Hành trình đi tìm câu trả lời người trẻ và văn hóa trà đã cho tôi một bức tranh đa sắc. Có người mang chè đi muôn nơi như Phượng, xem nó là một "mảnh quê hương bỏ túi". Có người tìm đến không gian trà đạo để tĩnh tâm như Minh Anh. Có người sáng tạo không ngừng như Duy Anh và đội ngũ Layback.

Mỗi chén trà được người trẻ uống hôm nay, dù được pha theo kiểu truyền thống hay biến tấu hiện đại, đều như một nhánh chè xanh, rất đời bình dị, đang bền bỉ tỏa hương giữa phố thị. Người trẻ uống để không bao giờ quên mình đến từ đâu, và để tự tin hơn trên con đường đi tới tương lai. Không ồn ào, không khoe khoang, nhưng đủ sức chạm đến tầng sâu tâm hồn của những người yêu chè... ■



PHAN HOÀNG

Bi hùng Đám Lá Tối Trời và dũng khí Trương Định

Đám Lá Tối Trời là một trong những “đặc sản” của Đồng bằng sông Cửu Long trong chiến tranh vệ quốc. Với cuộc khởi nghĩa của Bình Tây Đại Nguyên soái Trương Định, Đám Lá Tối Trời càng có ý nghĩa đặc biệt, không chỉ là căn cứ địa của nghĩa quân mà còn là nơi chứng kiến sự hy sinh oanh liệt của người thủ lĩnh nghĩa quân dũng cảm cách đây hơn 160 năm.

Sự độc đáo của thiên nhiên sông nước Cửu Long

Nói đến Đám Lá Tối Trời mọi người hay liên tưởng tới một vùng căn cứ gắn với cuộc khởi nghĩa của Bình Tây Đại Nguyên soái Trương Định. Nhưng không chỉ ở Gò Công, do địa hình sông nước từ thuở khai hoang mở đất, Đồng bằng sông Cửu Long còn xuất hiện những Đám Lá Tối Trời ở Long An, Sóc Trăng, Trà Vinh. Đó chính là những rừng dừa nước bạt ngàn, một loại cây vừa đi vừa mọc, sinh sôi theo sự đưa đẩy của thủy lưu, giúp chống xoáy lở, giữ đất ở ven sông, mang lại nhiều nguồn lợi thiên nhiên. Đặc biệt, lá dừa nước to đan kín nhau, tàn cao bóng rợp che khuất ánh mặt trời tạo nên bóng mát và che chở nắng mưa bom đạn cho con người.

Đứng bên bờ sông Vàm Cỏ Tây, cụ Nguyễn Văn Trí chỉ tay vào di tích Đám Lá Tối Trời cho chúng tôi biết, đây là địa phận thuộc xã Nhứt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (nay thuộc xã Vàm Cỏ, tỉnh Tây Ninh). Từ thuở nhỏ cụ hay bơi xuồng từ Bến Lức xuống đây để đánh bắt tôm cá. Vùng này khu vực sinh lầy, sông rạch chằng chịt, mọc đầy dừa nước và các loài cây hoang dại. Nhờ địa hình phức tạp nên trong suốt 30 năm chiến tranh (1945-1975), Đám Lá Tối Trời là căn cứ quan trọng trong hệ thống liên hoàn các căn cứ kháng chiến của tỉnh Long An. Từ năm 1948, Pháp nhiều lần huy động lực lượng xe bọc thép và tàu chiến bao vây tiêu diệt căn cứ này nhưng đều thất bại. Đến cuối năm 1954, Tỉnh ủy Long An đã về lập cơ sở ở Đám Lá Tối Trời, rồi các huyện lân cận cũng lấy nơi đây làm hậu cứ dựng binh công xưởng, trạm quân y, trại huấn luyện quân sự phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Tương tự, ở Sóc Trăng nay thuộc TP. Cần Thơ nằm vùng hạ lưu Nam sông Hậu cũng xuất hiện Đám Lá Tối Trời tại xã Hòa Tú. Nơi đây vốn là rừng dừa nước ngọt ngào, dân cư thưa thớt, chủ yếu là đồng bào người Khmer sinh sống. Đầu thập niên 1990, sinh viên chúng tôi về đây thực tập vùng này vẫn còn rất hoang sơ, đường sá đi lại rất khó khăn. Trong hai



Lăng mộ Anh hùng dân tộc Trương Định

cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Đám Lá Tối Trời được chọn làm căn cứ cách mạng, diễn ra nhiều trận đánh ác liệt. Nhiều lần xua quân càn quét bất thành, Mỹ đã rải chất hóa học làm cháy phần lớn diện tích dừa nước, hải sản chết nổi lênh bênh. Nhưng rồi chẳng bao lâu dừa vườn xanh trở lại, chim muông trở về, tôm cá hồi sinh. Ngày nay Đám Lá Tối Trời đã hoàn toàn đổi khác. Luật sư Trần Thanh Dũng cho hay sau ngày đất nước hòa bình, vùng trũng này được dân khai hoang, xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh tế ngày càng phát triển, đời sống người dân được nâng lên.

Kế bên Sóc Trăng là tỉnh Trà Vinh nay thuộc tỉnh Vĩnh Long nằm cuối cù lao được bao bọc bởi sông Tiền, sông Hậu với hai cửa biển Cung Hầu và Định An. Tại xã Nhị Long cũng có địa danh Đám Lá Tối Trời. Giống những rừng dừa nước khác, nơi đây một thời là căn cứ địa, che giấu ghe xuồng, ẩn nấp đồng bào, du kích và cán bộ chiến sĩ. Đám Lá Tối Trời cũng chứng kiến nhiều trận càn của giặc và những chiến công của quân dân ta. Vì vậy, quê hương Dừa Đỏ Nhị Long đã hai lần được phong tặng danh hiệu anh hùng, nay đã trở thành vùng trũng trọt, vườn tược và dân cư trù phú. Điều thú vị là Đám Lá Tối Trời

của quê hương Dừa Đỏ Nhị Long vẫn còn giữ một phần nguyên trạng như chứng tích oanh liệt một thời ở một vùng bưng trấp với rất nhiều dừa nước thắm xanh rì rào trong gió ngộ những chiến binh đang thì thầm kể chuyện hào hùng vào sinh ra tử năm xưa. Những đám dừa nước xanh tốt, lá to đan kín bí hiểm. Cò, diệc rủ nhau về làm tổ bình yên trên cây. Dưới đất đủ loại tôm cá, rái chồn, rắn rết, ếch nhái... tung tăng bơi lượn.

Tất nhiên, trong những địa danh Đám Lá Tối Trời ở Đồng bằng sông Cửu Long nổi tiếng nhất vẫn là Gò Công gắn liền với cuộc khởi nghĩa “dân dũng” của anh hùng dân tộc Trương Định. Vùng này trước đây thuộc làng Gia Thuận, huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định về sau này đổi thành xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang và nay thuộc tỉnh An Giang. Đám Lá Tối Trời là nơi Bình Tây Đại Nguyên soái Trương Định chọn làm căn cứ địa phát cờ khởi nghĩa, đồng thời cũng là nơi cuối cùng vị lãnh tụ nêu cao dũng khí khi rút gươm tự sát trước họng súng quân thù.

“Vì nước tấm thân đã nấy, còn mất cũng cam”

Trương Định hay Trương Công Định sinh năm 1820 ở Quảng Ngãi. Năm 24 tuổi ông đã theo cha là võ quan Trương Cẩm vào Nam đóng quân, chiêu mộ dân nghèo khai hoang lập đồn điền ở Gia Thuận, Gò Công. Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, ông mộ quân đánh giặc dưới cờ danh tướng Nguyễn Tri Phương.

Ngày 5-6-1862, triều đình nhà Nguyễn ký kết Hòa ước Nhâm Tuất, thừa nhận cho Pháp cai quản 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và đảo Côn Lôn; đồng thời ra lệnh tất cả các lực lượng chống Pháp phải bãi binh. Thế nhưng dân chúng mong muốn ông ở lại lãnh đạo quân dân ba tỉnh đánh đuổi giặc. Cảm kích trước sự tin yêu của nhân dân, Trương Định kháng lệnh vua, tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Ông rút quân về Gò Công đóng căn cứ tại Đám Lá Tối Trời, được tôn là Bình Tây Đại Nguyên soái, chiêu mộ thêm binh lính và hậu cần, tổ chức nhiều cuộc phục kích đánh tiêu hao lực lượng địch ở nhiều nơi. Tri huyện Tân Hòa là Đỗ Trình Thoại cùng nhiều thân hào kẻ sĩ hỗ trợ ông.

Dưới sự chỉ huy thống nhất của Bình Tây Đại nguyên soái Trương Định, một cuộc tổng tiến công của nghĩa quân vào các đồn trại địch đã nổ ra ở vùng Gia Định, Biên Hòa, Định Tường. Trong đó, trận đánh lớn đầu tiên của quân khởi nghĩa là tấn công lúc nửa đêm vào đồn Rạch Tra trên đường Sài Gòn đi Tây Ninh, giết đồn trưởng Thouroude, thu được hầu hết vũ khí đạn dược rồi rút lui. Còn tại Bà Rịa, nghĩa quân chiếm được huyện Long Thành làm cho toàn thể binh lính người Việt của địch chạy theo quân khởi nghĩa. Ở tỉnh Biên Hòa thì hàng ngàn đồng bào Kinh, Thượng hùng dũng cùng tên giáo mác ào vào đánh chiếm các trại giặc...

Sang năm 1863, quân Pháp bắt đầu tập trung lực lượng phản công, chiếm đại bản doanh Tân Hòa, buộc Trương Định phải rút về Phước Lộc lập căn cứ mới, phân tán lực lượng về các vùng sâu vùng xa tiếp tục chiến đấu. Đến tháng 8 năm 1864, Trương Định từ nơi trú quân ở Lý Nhơn chuyển sang ven sông Soài Rạp tập hợp lực lượng lên tới 10.800 người, nhằm đánh chiếm lại căn cứ Tân Hòa - Đám Lá Tối Trời.

Vào chiều tối 19-8-1864, tên thủ hạ Huỳnh Công Tấn phản bội đã dẫn đường cho quân địch bắt ngờ kéo tới bao vây nhằm bắt sống Trương Định tại nhà ở làng Tân Phước. Lúc ấy chỉ 25 nghĩa quân đi theo họ



Lễ hội tưởng nhớ Anh hùng dân tộc Trương Định và nghĩa quân

vệ ông, cùng rút vào cố thủ căn cứ địa Đám Lá Tối Trời. Cuộc chiến đấu ác liệt diễn ra. Chẳng may gần sáng ông bị một viên đạn kẻ thù bắn gãy cột sống. Không để rơi vào tay giặc, vị lãnh tụ nghĩa quân kiên cường đã dùng gươm tự sát. Đó là ngày 20-8-1864 lúc Trương Định mới 44 tuổi. Hay tin người anh hùng chống Pháp hàng đầu ở Nam Kỳ tuần tiết, cụ Đỗ Chiêu bàng hoàng hạ bút viết bài văn tế ông:

*“Dầu những đại đồn thuở trước, cũng khó toan
đề trừng nghìn cân;*

*Hướng chi cô lũy ngày nay, đâu dám chắc treo
mành một giải.*

*Nhưng vậy mà: Vì nước tấm thân đã nấy, còn mất
cũng cam;*

*Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại.
Rạch Lá, Gò Công mấy trận, người thấy đã kinh;
Cửa Khâu, Trại Cá khắp nơi, ai nghe chẳng hãi”.*

*Văn tế Trương Định cùng với Văn tế nghĩa sĩ Cần
Giuộc của thi hào Nguyễn Đình Chiểu là hai áng
hùng văn có sức chinh phục mạnh mẽ lòng người. Cụ
Đỗ còn làm 12 bài thơ thất ngôn bát cú liên hoàn ai
điều tưởng nhớ anh hùng Trương Định, trong đó bài
đầu tiên:*

*“Trong Nam, tên họ nổi như cồn
Mấy trận Gò Công nước tiếng đồn
Đầu đạn hơi rơm tàu bạch quỷ
Hơi gươm thêm rạng vẻ hoàng môn
Ngọn cờ ứng nghĩa trời chưa bẻ
Quả ải Bình Tây đất vội chôn
Nỡ khiến anh hùng rơi giọt lệ
Lâm thâm ba chữ điệu linh hồn.”*

*Dân gian Nam Kỳ cũng tiếc thương truyền tụng
về vị thủ lĩnh Bình Tây:*

*“Đêm năm canh thương người chính liệt
Ngày sáu khắc nhớ kẻ trung thần
Cờ đề chữ Bình Tây Đại tướng”*

Bình Tây Đại Nguyên soái Trương Định ngã xuống. Địch kéo xác ông từ Đám Lá Tối Trời về phơi tại chợ Gò Công để thị uy dân chúng. Người vợ thứ của ông là bà Trần Thị Sanh bằng uy thế quan hệ thân tộc với Thái hậu Từ Dụ, đã tìm cách nhận xác chồng về tổ chức tang ma trọng thể và đưa đi an táng, xây lăng mộ ở trung tâm Gò Công. Đồng bào nhân dân từ khắp nơi về nghiêng mình tưởng nhớ anh hùng Trương Định. Trung úy Guys chỉ huy quân Pháp ở Gò Công cũng phải dẫn một tiểu đội danh dự đến đứng dàn chào và phúng điếu 1.000 quan tiền. Đây là điều ngạc nhiên hiếm có về cái chết của một thủ lĩnh khởi nghĩa trước mắt kẻ thù.

Ngoài mộ và đền thờ tại thành phố Gò Công thì tại Đám Lá Tối Trời ở xã Gia Thuận nhân dân cũng lập một đền thờ anh hùng Trương Định. Qua gặp gỡ người thủ từ đền, chúng tôi được biết nhiều câu chuyện ly kỳ còn mãi được truyền tụng trong dân gian về Đám Lá Tối Trời. Rằng sau khi Trương Định tuần tiết, căn cứ địa này trở nên hoang vắng, âm u, ma quái. Cảnh vật thê lương. Con người không ai dám đặt chân tới. Những oan hồn uổng tử nghĩa quân bị phản bội mãi u uất, vương vất không siêu thoát cứ hiện về đêm đêm. Tiếng người gào thét. Tiếng ngựa phi. Tiếng gươm giáo sắc lẹm. Tiếng súng đi đoàn. Tiếng trống rền vang. Một vài người gan dạ ban đêm rủ nhau bơi xuống nhô vào Đám Lá Tối Trời. Đến sáng trở về, những người này mặt mày biến sắc, ai hỏi gì cũng không nói, chỉ buồn bã lắc đầu. Thật lạ lùng ma mị.

Dù ngày nay vùng đất Đám Lá Tối Trời đã hoàn toàn đổi khác, đồng ruộng tươi xanh, vườn tược xum xuê, dân cư đông đúc nhưng những câu chuyện oai hùng và ly kỳ vẫn còn lưu truyền mãi như một phần đời sống tâm linh đầy hào khí của nhân dân Đồng bằng sông Cửu Long ■

ĐẶNG THÙY TRÂM VÀ CUỐN NHẬT KÝ THỨ BA:

KHI KÝ ỨC LÊN TIẾNG ĐỂ KẾT NỐI CÁC THẾ HỆ



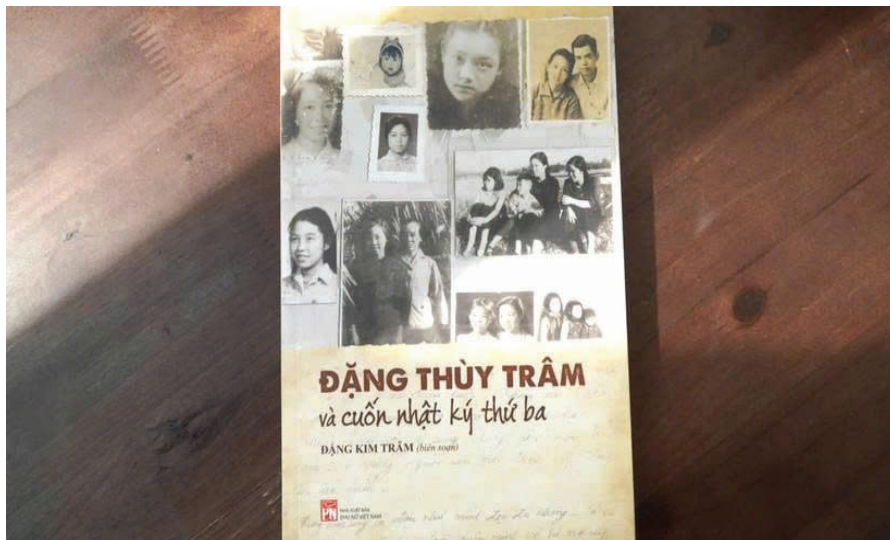
HÀ THANH VÂN

Đúng hai mươi năm sau ngày “Nhật ký Đặng Thùy Trâm” lần đầu ra mắt và gây chấn động trong lòng bạn đọc cả nước, tác phẩm “Đặng Thùy Trâm và cuốn nhật ký thứ ba” lại một lần nữa đưa chúng ta trở về với tiếng nói tha thiết, chân thành của một nữ bác sĩ trẻ giữa bối cảnh chiến tranh khốc liệt. Nếu hai tập nhật ký trước ghi lại những suy nghĩ sôi nổi và lý tưởng nhiệt tình của người nữ trí thức thời chiến, thì phần nhật ký thứ ba vừa được công bố lại cho thấy một Đặng Thùy Trâm lắng sâu hơn, giàu chiêm nghiệm và đầy trăn trở về sự sống, cái chết, trách nhiệm và tình người.

Những ghi chép mang tính chất hồi cố

Cuốn sách “Đặng Thùy Trâm và cuốn nhật ký thứ ba” do NXB Phụ nữ Việt Nam ấn hành tháng 6-2025 không chỉ là phần tiếp nối của hai cuốn nhật ký nổi tiếng đã được xuất bản (“Nhật ký Đặng Thùy Trâm”, 2005; “Nhật ký Đặng Thùy Trâm” tái bản và bổ sung, 2010), mà còn là một công trình hồi cố tinh tế, giàu cảm xúc và mang giá trị lịch sử nhân văn. Nội dung cuốn sách gồm hai phần. Phần 1 có nhan đề “Lớp người lý tưởng” gồm những ghi chép của cụ bà Đoàn Ngọc Trâm, thân mẫu chị Đặng Thùy Trâm, cùng với ba người em gái của chị Thùy Trâm là các chị Kim Trâm, Hiền Trâm, Phương Trâm. Đặc biệt trong Phần 1 cũng công bố một phần cuốn nhật ký Đặng Thùy Trâm viết trong hai năm cuối học trường Y, từ tháng 10 năm 1965 đến tháng 12 năm 1966, là thời gian chị chuẩn bị đi B. Tuy không liên mạch hoàn toàn nhưng những phần nhật ký công bố vẫn tạo nên một trường tư tưởng nhất quán với những khắc khoải, trăn trở, yêu thương và quyết liệt. Phần 2 gồm những bài viết của các chị Kim Trâm, Hiền Trâm, Phương Trâm hé lộ về hành trình đi tìm lại và xuất bản “Nhật ký Đặng Thùy Trâm”, cùng nhiều thông tin quý báu, giúp khắc họa rõ nét hơn chân dung của một nữ bác sĩ anh hùng.

Những tư liệu quý mới được công bố không chỉ làm rõ hơn đời sống tinh thần của Đặng Thùy Trâm mà còn mở rộng không gian tiếp nhận sang phía độc giả đương đại, những người không trải qua chiến tranh nhưng vẫn tìm thấy chính mình trong nỗi day dứt thời cuộc và khát vọng sống tử tế.



Cuộc đối thoại xuyên thế hệ giữa quá khứ và hiện tại

Khi “Nhật ký Đặng Thùy Trâm” lần đầu ra mắt công chúng vào năm 2005, bạn đọc Việt Nam và cả độc giả quốc tế đã bàng hoàng xúc động trước tiếng nói chân thực, trong trẻo và đầy lý tưởng của một nữ bác sĩ trẻ giữa chiến trường khốc liệt miền Nam. Cuốn nhật ký không chỉ là di cảo cá nhân, mà còn trở thành biểu tượng của một thế hệ đã sống, yêu và hy sinh cho Tổ quốc với tất cả sự trong sáng và quả cảm quên mình. Hai thập kỷ sau, vào tháng 6 năm 2025, sự xuất hiện của “Đặng Thùy Trâm và cuốn nhật ký thứ ba” như một tiếng vọng tiếp nối, mang đến thêm nhiều ánh sáng mới cho bức chân dung tinh thần đã từng làm lay động hàng triệu con tim Việt Nam.

Không còn là những trang ghi chép đơn lẻ hay ký ức vụn vặt, cuốn sách lần này được biên soạn công phu từ một phần nhật ký chưa từng công bố, thư từ riêng tư và các tư liệu gắn với “Nhật ký Đặng Thùy Trâm”. Trong bối cảnh hiện tại, khi chiến tranh đã lùi xa, nhưng các câu hỏi về giá trị sống, về lý tưởng, về bản lĩnh và lòng nhân ái vẫn luôn hiện hữu, việc đọc lại nhật ký của chị Đặng Thùy Trâm không chỉ là một hành vi tưởng niệm hay vinh danh quá khứ, mà còn là cuộc đối thoại giữa thế hệ hôm qua và hôm nay.

Nếu hai cuốn nhật ký đầu được xem như những “biên bản tâm hồn” giữa chiến trường khốc liệt, nơi một nữ trí thức trẻ mang trong mình lý tưởng cộng sản chủ nghĩa và tình yêu nước thiết tha, thì cuốn nhật ký thứ ba lại cho thấy một sắc độ khác, sâu lắng, bình thần hơn nhưng cũng đau đáu hơn về sự sống, cái chết và trách nhiệm cá nhân. Ở đây, độc giả sẽ không bắt gặp những ghi chép về công tác cứu thương, chuyển hành quân hay nỗi nhớ nhà, mà là những suy tư, trăn trở của một người sắp dần thân vào cuộc chiến. Những dòng chữ tự nhủ như: “Có cần làm vừa lòng tất cả đâu. Hãy bình tĩnh, sáng suốt, tự hào mà sống nếu làm đúng theo lương tâm của mình” (trang 138) hay “Cuộc đời không phải là một màu hồng chói lọi nhưng cũng không phải là màu đen, cuộc đời muôn màu muôn vẻ, hãy biết tìm lấy vẻ đẹp của cuộc đời” (trang 156), cho thấy một chiều kích tâm lý trưởng thành sớm, vượt lên trên những lăng mạn tuổi trẻ.

Cuốn nhật ký thứ ba vì thế đóng vai trò như một sự chốt lại đầy nhân bản cho bộ ba tư liệu quý giá, định hình rõ hơn hình tượng bác sĩ Đặng Thùy Trâm. Đó không chỉ là biểu tượng hy sinh của một thời mà còn là một con người biết nghĩ, biết yêu, biết hy

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

vọng, biết suy tư, với tất cả sự phức tạp và cao cả của nội tâm.

Phần nhật ký mới được công bố trong cuốn sách “Đặng Thùy Trâm và cuốn nhật ký thứ ba” tạo nên một sắc thái riêng biệt so với hai tập nhật ký trước. Nếu như “Nhật ký Đặng Thùy Trâm” (2005) và bản tái bản, bổ sung sau đó tập trung nhiều vào hoạt động thường nhật của một nữ bác sĩ tại chiến khu với công tác cứu thương, tình đồng đội, lý tưởng cách mạng và những bộc lộ cảm xúc trực tiếp, thì phần nhật ký thứ ba này mang giọng điệu trong sáng, trầm tĩnh hơn, có phần chiêm nghiệm và lặng lẽ hơn. Đó là tâm tư của một người đang chuẩn bị dần thân vào chiến trường khốc liệt, nhưng không lo âu, hoảng sợ, mà bình thản bước qua từng ngày với cảm thức sống sâu sắc.

Tại đây, người đọc thấy một Đặng Thùy Trâm trẻ trung, sôi nổi, đầy nghị lực, nhưng cũng giàu ưu tư. Chị viết về sự hy sinh có thể xảy đến, về tương lai sắp tới không phải như một nhiệm vụ chính trị, mà như một lẽ tự nhiên trong cuộc đời mà chị đã chọn, trong lý tưởng mà chị tin tưởng đến tận cùng. Có đoạn chị viết: “Vào Đảng vinh dự nhiều nhưng hy sinh cũng nhiều, mà hy sinh là chính” (trang 138). Hay “Mình có gian khổ cũng như bao nhiêu người khác đã và đang gian khổ. Mình có hy sinh có thấm gì với sự hy sinh của triệu người từ trước đến nay” (trang 139). Chính những câu chữ như thế đã đưa nhật ký của Đặng Thùy Trâm vượt khỏi ranh giới của một tư liệu cá nhân để chạm tới tầng sâu của văn học, nơi con người đối thoại với chính mình trong những khoảnh khắc bản thể nhất.

Tính cách của Đặng Thùy Trâm cũng hiện rõ trong từng câu chữ, mạnh mẽ nhưng không cứng rắn, kiên cường mà vẫn mềm mại. Sự kết hợp giữa tình cảm nữ giới và lý trí của một người làm nghề y tạo nên một bản lĩnh rất riêng: không bi lụy trước khó khăn, gian khổ, không phớt lờ trước tập thể, không than vãn mà cũng không vô cảm. Ở một đoạn khác, chị tự nhủ nhủ cho chính mình: “Đến hôm nay mình bỗng hiểu thêm rằng trong đau khổ thì người ta còn gần nhau hơn nhiều nữa” (trang 127). Đó không chỉ là suy tư của một tâm hồn nữ giới, mà còn là ngôn ngữ của một người hiểu sâu về con người, đúng như cách nhà phê bình văn học người Pháp Roland Barthes từng nói: “Văn bản quý không chỉ vì những gì nó kể, mà vì nó cho ta thấy cách con người nghĩ về đời sống.”

Cuốn “Đặng Thùy Trâm và cuốn nhật ký thứ ba” không phải là một “phát hiện chấn động” kiểu mới, nhưng lại là một “mảnh khảm tinh tế” hoàn thiện bức chân dung của một người con gái Việt Nam thời chiến. Nó

không chỉ dành cho những ai quan tâm đến chiến tranh và lịch sử, mà còn dành cho tất cả những người đang đi tìm ý nghĩa sống, trong một thế giới hậu chiến đầy bất an nhưng vẫn cần những tâm hồn nhân ái, dũng cảm và trung thực như Đặng Thùy Trâm.

Cuốn sách không chỉ là tư liệu quý từ một cá nhân, mà còn là chứng tích của lòng kiên trì lưu giữ ký ức từ phía gia đình, đặc biệt trong công cuộc sưu tầm, phục dựng và biên soạn văn bản. Từ những dòng chữ nhòe mực cho đến từng câu thư còn dở dang, tất cả đều góp phần làm đầy thêm một tượng đài không cao giọng, nhưng đủ sức lan tỏa lâu dài trong tâm thức nhiều thế hệ.

Những lớp ký ức chưa từng kể: Tấm lòng của người mẹ và ba người em gái

Công lao của gia đình Đặng Thùy Trâm khi biên soạn cuốn sách này không chỉ là để giữ gìn ký ức người thân, mà còn là một hành động trao truyền di sản tinh thần cho cộng đồng. Họ không thần thánh hóa Đặng Thùy Trâm, mà luôn để cô xuất hiện như một con người với đầy đủ ánh sáng và bóng tối, suy tư và dấn vật, lý tưởng và thất vọng, điều càng làm tăng thêm chiều sâu và sức sống cho những trang nhật ký.

Một điểm đặc biệt làm nên giá trị riêng cho “Đặng Thùy Trâm và cuốn nhật ký thứ ba” chính là sự góp mặt của các bài viết, ghi chép và hồi ức từ gia đình ruột thịt của chị, những người đã lặng lẽ gìn giữ ký ức và tiếp nối tiếng nói của chị trong suốt hơn nửa thế kỷ. Đặc biệt, các bài viết của cụ bà Doãn Ngọc Trâm, mẹ của Đặng Thùy Trâm, và ba người em gái Đặng Kim Trâm, Đặng Phương Trâm, Đặng Hiền Trâm đã cung cấp nhiều thông tin quý giá chưa từng được công bố trước đây.

Trong những dòng viết bình dị nhưng giàu cảm xúc của cụ bà Doãn Ngọc Trâm, một dược sĩ, một người mẹ, một nhân chứng thời đại, người đọc được dẫn dắt trở lại không gian gia đình, nơi hình thành nếp sống, nhân cách và lý tưởng của Đặng Thùy Trâm. Bà kể về những người thân, những chi tiết đời thường trong cuộc sống của một gia đình đi qua những năm tháng chiến tranh khó khăn. Trong khi đó, các bài viết của ba người em gái lại mở ra một lớp ký ức sâu sắc khác, đó là thời kỳ hậu chiến, là quá trình tìm kiếm lại những mảnh ghép bị bỏ quên của người chị cả. Từ góc nhìn của những người phụ nữ ruột thịt, họ viết về sự bối rối, ngỡ ngàng và vui mừng khi cuốn nhật ký đầu tiên bất ngờ được trả về từ phía Mỹ và đặc biệt là hành trình tìm kiếm xuất bản cuốn nhật ký như một cách để “khép lại những không lãng quên.” Những chi tiết như vậy làm sống dậy không chỉ chân dung, hình ảnh của một người thân đã khuất mà còn của cả một thời đại đã qua.

Những bài viết này không mang tính văn chương trau chuốt, nhưng lại có sức chạm đặc biệt bởi chúng được viết từ trái tim người còn sống, để kể lại câu chuyện của người đã khuất. Nhờ đó, “Đặng Thùy Trâm và cuốn nhật ký thứ ba” không chỉ là một văn

bản cá nhân, mà là một công trình ký ức tập thể, nơi lời người mẹ và tiếng những người em gái soi chiếu thêm chiều sâu cho những trang nhật ký vốn đã chạm tới trái tim nhiều thế hệ.

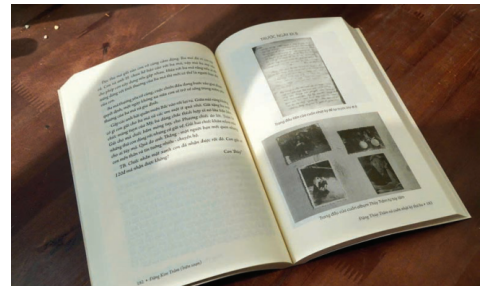
Giá trị của ký ức: khi con người viết lại chính mình trong lịch sử

“Đặng Thùy Trâm và cuốn nhật ký thứ ba” thuộc dòng văn học hồi cố, ký ức. Văn học hồi cố, ký ức không đơn thuần là những bản tường thuật cá nhân về quá khứ. Trong nhiều trường hợp, nó là nỗ lực hồi sinh những trải nghiệm đã bị quên lãng, là hành vi tái tạo không gian tinh thần của một thời đại qua con mắt chủ thể đầy cảm tính, nhưng sâu sắc và chân thực. Dù được thể hiện dưới hình thức nhật ký, hồi ký, tự truyện hay truy vấn hậu nghiệm, văn học ký ức luôn đặt ra những câu hỏi thiết yếu: Chúng ta đã sống như thế nào? Ai là người kể lại? Và điều gì được lưu giữ lại trong trí nhớ tập thể? Maurice Halbwachs là người đầu tiên phát triển khái niệm “ký ức tập thể”, cho rằng ký ức cá nhân luôn được định hình trong và bởi các nhóm xã hội. Văn học hồi cố không chỉ phản ánh những trải nghiệm cá nhân mà còn là một phần trong việc xây dựng ký ức chung của cộng đồng, dân tộc, hoặc thế hệ.

Trong bối cảnh thời đương đại, văn học ký ức càng trở nên quan trọng. Nó không chỉ làm đầy những khoảng trống của những tư liệu mang tính chính thống, mà còn khơi dậy tính nhân bản trong việc ghi nhớ, nơi những câu chuyện nhỏ của cá nhân có thể soi chiếu những vấn đề lớn lao của dân tộc. Những cuốn nhật ký như của Đặng Thùy Trâm là một minh chứng, từ trải nghiệm riêng tư của một người trẻ, văn bản trở thành tài liệu lịch sử, văn chương sống động, gợi nhắc một thời chiến tranh không chỉ bằng khói lửa mà bằng tình yêu, nỗi buồn và khát vọng sống.

Giá trị lớn nhất của dòng văn học này có lẽ nằm ở chỗ nó làm chậm lại dòng thời gian. Giữa xã hội hiện đại quay cuồng trong tốc độ và lãng quên, những văn bản hồi cố nhắc chúng ta nhớ rằng không có gì quý giá hơn một quá khứ được ghi nhớ bằng trái tim.

Văn học hồi cố không chỉ là hành vi viết lại quá khứ, mà còn là quá trình kiến tạo bản sắc, xây dựng ký ức cộng đồng và phản tư về lịch sử. Văn học hồi cố, ký ức giúp ta hiểu rõ hơn tại sao những cuốn nhật ký, hồi ký như trường hợp Đặng Thùy Trâm lại có sức sống lâu bền đến thế, vượt khỏi thời gian lịch sử và không gian địa lý.



Oscar Wilde (1854 - 1900) là một nhà văn, nhà viết kịch và nhà phê bình nổi tiếng người Ireland, được biết đến với lối văn châm biếm sắc sảo, trí tuệ hài hước và cái nhìn sâu sắc về xã hội. Tác phẩm tiêu biểu nhất của ông là tiểu thuyết “Chân dung Dorian Gray” (1890) và vở kịch “Tâm quan trọng của việc nghiêm túc”. Ngoài ra ông còn sáng tác nhiều truyện ngắn đặc sắc. Oscar Wilde là một trong những nhân vật trung tâm của phong trào duy mỹ (Aestheticism), đề cao nghệ thuật vì nghệ thuật. “Triệu phú kiểu mẫu” (The Model Millionaire, 1887) là một truyện ngắn nhẹ nhàng, hài hước và

giàu tính nhân văn của Oscar Wilde. Tác phẩm kể về Hughie Erskine, một chàng trai trẻ đẹp nhưng nghèo khổ, vô tình giúp đỡ một “lão ăn mày” mà không biết đó là một trong những triệu phú giàu nhất châu Âu. Truyện kết thúc bằng một cú “lật ngược” bất ngờ và đầy cảm động, qua đó Oscar Wilde khéo léo phê phán những định kiến xã hội về địa vị, giàu nghèo, đồng thời đề cao lòng tốt và sự chân thành trong một thế giới thực dụng. (Những chú thích trong truyện ngắn này là của người dịch)

rượu Sherry khô. Việc ấy cũng chẳng đâu vào đâu, rượu thì khô quá. Cuối cùng, anh chẳng làm gì cả, chỉ trở thành một chàng trai dễ mến, vô tích sự, với một khuôn mặt hoàn hảo và không nghề nghiệp.

Tệ hơn nữa, anh lại đang yêu. Cô gái mà anh yêu là Laura Merton, con gái một ông đại tá đã về hưu, người từng đánh mất cả tính khí lẫn hệ tiêu hóa ở Ấn Độ và chẳng bao giờ tìm lại được thứ gì trong số đó. Laura yêu anh tha thiết, còn anh thì sẵn sàng hôn cả dây giày của cô. Họ là cặp đôi đẹp nhất ở London, nhưng không có lấy một đồng xu dính túi.

Ông đại tá rất quý Hughie, nhưng không đời nào chấp nhận chuyện đính hôn. “Cứ kiếm được mười ngàn bảng đi đã, con trai, rồi hãy đến nói chuyện với ta,” ông vẫn thường nói như thế. Và những ngày đó, Hughie buồn rười rượi, phải tìm đến Laura để được an ủi.

Một buổi sáng, trên đường đến Holland Park, nơi gia đình Merton sinh sống, Hughie ghé qua thăm người bạn thân là Alan Trevor. Trevor là họa sĩ. Mà thời nay thì mấy ai thoát khỏi cái nghề đó. Nhưng đồng thời, anh ta cũng là một nghệ sĩ đích thực, một điều khá hiếm hoi. Cá nhân Trevor là một người thô kệch, mặt đầy tàn nhang, bộ râu đồ rối bù. Tuy nhiên, khi cầm cọ lên, anh là một bậc thầy thực thụ và tranh của anh luôn được săn đón ráo riết.

Ban đầu Trevor bị thu hút bởi Hughie hoàn toàn vì vẻ ngoài lôi cuốn của anh ta. “Họa sĩ chỉ nên quen những người ngu ngơ mà xinh đẹp”, Trevor từng nói thế. “Những người khiến ta sướng mắt khi nhìn và nhẹ đầu khi nói chuyện. Những gã công tử và các cô kiểu nữ là người cai trị thế giới này, ít nhất thì họ nên như vậy”. Dần dà, sau khi quen biết lâu hơn, Trevor càng quý Hughie vì tính cách hoạt bát, cởi mở và tấm lòng hào phóng, bất cần của anh, đến nỗi cho phép anh ra vào xưởng vẽ bất kỳ lúc nào.

Khi Hughie bước vào, anh thấy Trevor đang hoàn thiện những nét cuối cùng của một bức tranh khổ lớn vẽ một lão ăn mày. Chính lão ăn mày ấy đang đứng trên một bục cao ở góc xưởng vẽ. Lão là một ông già nhỏ thó, gương mặt nhăn nhoe như giấy da, mang một vẻ khổ sở vô cùng.

Trên vai lão vắt một chiếc áo choàng thô màu nâu, rách nát tả tơi; đôi ủng dày của lão thì chập vá tùm lum, một tay chống cây gậy gỗ thô, tay kia chìa chiếc mũ nát ra xin bố thí.

“Người mẫu thật đáng kính ngạc!” Hughie thì thầm khi bắt tay bạn mình.

“Người mẫu đáng kính ngạc á?” Trevor hét lên như thể không tin nổi tai mình. “Phải

Triệu phú kiểu mẫu

Oscar Wilde
Kỳ Hoàng dịch



Minh họa: Đào Tuấn

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

rồi! Những lão ăn mày như thế không phải ngày nào cũng gặp được đầu. Một phát hiện đấy, anh bạn yêu quý à, một Velazquez sống! Trời ơi, Rembrandt mà khắc họa ông ta chắc là ra kiệt tác mất!”

“Tôi nghiệp ông già!” Hughie nói, “trông ông ta khốn khổ quá! Nhưng tớ đoán với tụi họa sĩ các cậu thì khuôn mặt ấy chính là gia tài phải không?”

“Dĩ nhiên rồi,” Trevor đáp. “Cậu đâu có muốn một lão ăn mày trông hờ hững, đúng không?”

“Người mẫu được trả bao nhiêu tiền một buổi ngồi vậy?” Hughie hỏi, trong lúc tìm một chỗ ngồi êm ái trên chiếc đi văng.

“Một shilling một giờ”.

“Còn cậu thì được bao nhiêu cho bức tranh này, Alan?”

“Ồ, bức này tớ được hai nghìn”!

“Bằng à?”

“Guinea. Họa sĩ, thi sĩ và bác sĩ lúc nào cũng được trả bằng guinea”.

“Vậy thì tớ nghĩ người mẫu cũng nên được chia phần trăm chứ,” Hughie bật cười. “Họ làm việc vất vả chẳng kém gì cậu”.

“Vớ vẩn! Đây, chỉ riêng công việc pha màu và đứng suốt ngày bên giá vẽ đã đủ mệt rồi. Nói thì dễ lắm, Hughie à, nhưng tớ cam đoan với cậu có những lúc nghệ thuật gần như chạm tới tâm... lao động chân tay đấy! Nhưng mà đừng lái nhái nữa, tớ đang rất bận. Hút thuốc đi và ngồi yên cho tớ nhờ”.

Một lúc sau, người hầu bước vào, báo với Trevor rằng người đóng khung tranh muốn gặp anh.

“Đừng chuẩn đấy, Hughie,” anh nói, “tớ đi một lát rồi quay lại ngay”.

Lão ăn mày già tranh thủ lúc Trevor vắng mặt để ngồi nghỉ trên một chiếc ghế gỗ đặt phía sau. Lão trông khốn khổ đến mức Hughie không nén nổi lòng thương, bèn thò tay vào túi xem còn bao nhiêu tiền. Tất cả những gì anh tìm được là một đồng sovereign và mấy đồng tiền lẻ. “Tôi nghiệp ông lão”, anh thầm nghĩ, “ông ấy cần nó hơn mình, dù có nghĩa là hai tuần tới mình không được đi xe thuê”. Rồi anh bước sang phía lão, lặng lẽ đặt đồng sovereign vào tay lão ăn mày.

Lão giật mình, một nụ cười mỏng lướt qua đôi môi nhăn nheo.

“Cảm ơn ngài, thưa ngài,” lão nói khẽ. “Cảm ơn”.

Ngay lúc đó Trevor quay trở lại và Hughie cáo từ, mặt đỏ bừng vì việc mình vừa làm. Anh dành cả ngày bên Laura, bị cô mắng yêu vì tính hào phóng quá mức và phải đi bộ về nhà.

Tối hôm đó, khoảng mười một giờ, anh lững thững bước vào Câu lạc bộ Palette và thấy Trevor đang ngồi một mình trong

phòng hút thuốc, nhắm nháp ly vang trắng và nước soda.

“Này Alan, cậu có hoàn thành bức tranh ổn thỏa không?” anh hỏi, vừa châm thuốc.

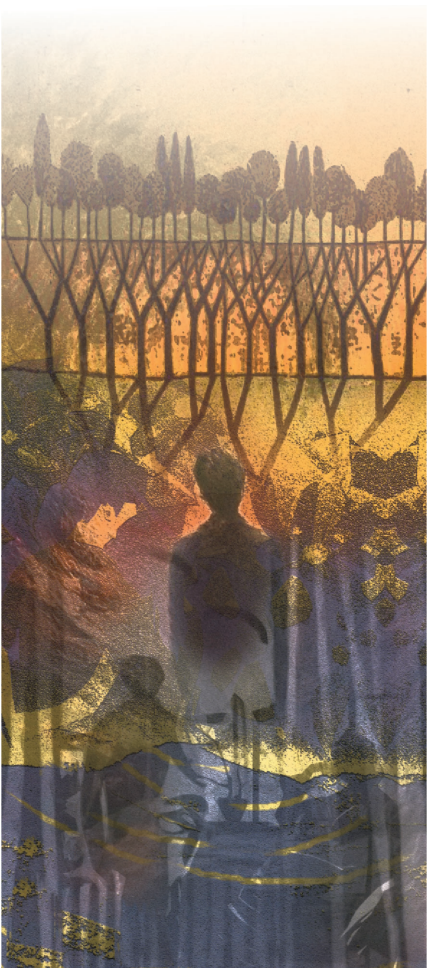
“Hoàn thành và đóng khung rồi, anh bạn”! Trevor đáp. “Mà này, cậu vừa chinh phục được một người đấy. Lão người mẫu hôm nay quý mến cậu lắm. Tớ phải kể hết với lão về cậu, cậu là ai, sống ở đâu, thu nhập thế nào, tương lai ra sao...”.

“Lạy Chúa, Alan,” Hughie kêu lên, “thế thì khi tớ về nhà chắc ông ta đang chờ ngoài cửa mất! Nhưng mà tất nhiên cậu đùa thôi. Tôi nghiệp lão già! Tớ ước mình có thể làm gì đó cho lão. Thật kinh khủng khi có ai đó sống khốn khổ như vậy. Ở nhà tớ còn cả đồng quần áo cũ, cậu nghĩ lão có cần không? Áo quần lão rách đến mức sắp rơi ra từng mảnh rồi”.

“Nhưng lão mặc thế mới đẹp chứ,” Trevor nói. “Tớ chẳng đời nào vẽ lão trong áo đuôi tôm đâu”.

“Những gì cậu gọi là giẻ rách, thì tớ gọi là lãng mạn. Điều cậu xem là nghèo khổ, đối với tớ lại là sự nên thơ”. Trevor nhún vai. “Tuy nhiên, tớ sẽ nói lại với lão về lời đề nghị của cậu”.

“Alan,” Hughie nói một cách nghiêm túc, “các cậu, giới họa sĩ ấy, đúng là vô tâm”.



“Trái tim của nghệ sĩ là cái đầu của họ”, Trevor đáp. “Và lại, công việc của chúng tớ là tái hiện thế giới theo cách chúng tớ thấy nó, chứ không phải là cải tạo nó theo cách chúng tớ biết. Ai làm việc này. Thôi, giờ kể tớ nghe Laura thế nào rồi. Ông già người mẫu khá quan tâm đến cô ấy đấy”.

“Cậu đừng nói là cậu đã kể cho lão nghe về cô ấy đấy nhé”? Hughie giật mình hỏi.

“Chắc chắn rồi. Lão biết hết về ông đại tá nghiêm khắc, nàng Laura xinh đẹp, và khoản tiền mười ngàn bảng yêu cầu kia”.

“Cậu kể hết chuyện riêng tư của tớ cho lão ăn mày đó á”? Hughie hét lên, mặt đỏ bừng vì tức giận.

“Anh bạn thân mến”, Trevor mỉm cười nói, “lão ăn mày mà cậu nói đó là một trong những người giàu nhất châu Âu. Lão có thể mua cả thành phố London vào ngày mai mà chẳng cần thấu chỉ tài khoản. Lão có nhà ở mọi thủ đô, ăn bằng đĩa vàng, và thậm chí có thể ngăn nước Nga tuyên chiến nếu muốn”.

“Trời đất cậu đang nói gì thế”? Hughie sững sốt thốt lên.

“Tớ nói đúng đấy,” Trevor đáp. “Ông già cậu gặp hôm nay ở xưởng vẽ chính là Nam tước Hausberg. Ông là một người bạn thân của tớ, mua hết tranh của tớ và đặt hàng bức tranh này từ một tháng trước, muốn tớ vẽ chân dung ông ấy trong hình hài một lão ăn mày. Sở thích lập dị của một triệu phú thôi mà! Và tớ phải nói là ông ấy trông thật tuyệt trong bộ đồ rách. Nói đúng hơn là bộ đồ rách đó chính là của tớ; tớ mua từ hồi còn ở Tây Ban Nha”.

“Nam tước Hausberg”? Hughie kêu lên. “Trời ơi! Tớ đã đưa cho ông ấy một đồng sovereign”! rồi anh ngồi phịch xuống ghế, trông như thể trời sập.

“Đưa cho ông ấy một đồng sovereign”? Trevor la lên, rồi phá lên cười nắc nẻ. “Trời ơi anh bạn, cậu sẽ không bao giờ lấy lại được đầu. Chuyện của ông là... lấy tiền của người khác mà”!

“Tớ nghĩ là cậu nên nói cho tớ biết sớm hơn, Alan”, Hughie phụng phịu, “chứ không thì tớ đã không làm trò ngốc đến vậy”.

“Thì này Hughie”, Trevor nói, “tớ đâu có ngờ cậu lại vung tiền bố thí kiểu đó. Tớ có thể hiểu nếu cậu hôn một người mẫu xinh đẹp, nhưng đưa đồng sovereign cho một ông già xấu xí thì... trời đất ơi, thật không thể tin được! Và lại, hôm nay tớ cũng chẳng định tiếp ai cả; lúc cậu đến, tớ còn chưa chắc Nam tước Hausberg có muốn lộ danh tính hay không vì lúc ấy ông đâu có ăn mặc đúng kiểu”.

“Chắc ông ấy nghĩ tớ là thằng đại ngốc,” Hughie rên rí.

“Không hề. Sau khi cậu đi, ông ấy vui như Tết ấy. Cứ cười tùm tùm, xoa tay rôm rốp. Lúc đó tớ chẳng hiểu sao ông lại quan tâm đến cậu thế, nhưng giờ thì rõ rồi. Ông ấy sẽ đầu tư đồng sovereign của cậu, trả lãi sáu tháng một lần và có một câu chuyện hay để kể trong các buổi tiệc tối”!

“Tớ đúng là đồ xui xẻo”, Hughie cầu nhàu. “Tốt nhất là đi ngủ thôi. Và Alan này, cậu đừng kể chuyện này cho ai nhé. Tớ không dám lộ mặt ra ở khu Row này nữa đâu”...

(Xem tiếp trang 40)

Sau những...

(Tiếp theo trang 17)

...xuống sông Năng. Mỗi lần đi tắm, người bạn lớn bé rủ nhau từng đoàn như đi hội. Tắm xong thì cổ công vãi ống bương nước về nhà.

Đúng lúc hạn hán nặng thì xảy ra cháy rừng. Lửa cháy rừng rực. Hàng ngàn lưỡi lửa nóng bỏng loang ra, liếm từ vật rừng này, sang vật rừng khác. Lửa cuộn cuộn, nhúc nhối, khói bốc mù mịt. Tiếng đá bị nung nóng nổ ầm ầm... Người bạn cùng lực lượng bộ đội địa phương, công an, dân quân cơ động tiến hành chữa cháy, phát hành lang vành đai ngăn lửa. Nếu không nhanh chóng khống chế, hàng ngàn lưỡi lửa sẽ liếm xuống bản, thiêu rụi nhà dân mất thôi. Như thế thì cái đói, cái khổ phình to đấy. Nguy cơ hiện hữu trước mắt rồi.

Thằng Minh con chị mới biết bò, miệng bập bẹ gọi “a...bà bà”. Chị cúi con vào lòng mẹ, tháng thốt: “Mế à, mế trông cháu, con cùng các thầy cô giáo trong trường đi dập lửa”. Không kịp nghe mế nói gì, chị lao lên núi.

Sau một ngày quần thảo với “bà hỏa”, đến nửa đêm thì tụi lửa phần nào được khống chế, chỉ còn một vài đám cháy. Lực lượng bộ đội, công an và dân quân vẫn không ngơi nghỉ, tiếp tục phát quang hành lang rừng trên diện rộng.

Chị uể oải, chân tay rã rời, thấp thùm mang dao quắm xuống núi. Chân chị vừa về đến nhà, chưa kịp leo lên cầu thang, bỗng vang lên tiếng nổ long trời, lở đất rung chuyển núi rừng. Vì sao có tiếng nổ to như bom phá ở triền núi? Không hiểu lực lượng đang dập lửa có ai bị sao không? Chị bỗng thấy lo lắng quá đi. Bụng chị thấp thỏm nóng như chính lửa kia đang thiêu cháy ruột gan. Ngực căng sứa vì cả ngày chưa cho con bú, thế nên chị càng nóng. Chị dội vài gáo nước cho bụi than tro trôi, muốn nước làm dịu tâm can bốc hỏa.

Thằng bé con chị khóc ngằn ngặt. Mế giục: “Mày nhanh chân tay lên, cho thằng bé bú. Nó khát sữa, cái mắt không chịu ngủ”.

Triệu phú...

(tiếp theo trang 39)

...“Vớ vẩn! Câu chuyện đó là minh chứng tuyệt vời cho tinh thần nhân đạo của cậu đấy, Hughie. Mà ở lại đi. Hút thêm thuốc rồi nói chuyện Laura cũng được mà”.

Nhưng Hughie không chịu ở lại, lủi thủi đi bộ về nhà, lòng đầy phiền muộn, để lại Trevor vẫn còn đang cười nghiêng ngả.

Sáng hôm sau, trong lúc Hughie đang ăn sáng, người hầu mang lên một tấm danh thiếp, trên đó ghi:

“Monsieur Gustave Naudin, de la part de M. le Baron Hausberg.” (Ngài Gustave Naudin, theo lời giới thiệu của Nam tước Hausberg.)

“Chắc ông ấy đến để đòi xin lỗi đấy,” Hughie trầm nghĩ, rồi bảo người hầu đưa khách lên.

Một quý ông lớn tuổi, đeo kính gọng vàng, tóc bạc, bước vào phòng và cất giọng với chút âm sắc Pháp:

Một mồi, chị vừa cho con bú, vừa lừa vội bát cơm chan canh, lấy lại sức sau một ngày vật lộn dưới nắng nóng.

Thằng bé vỗ vập mút sữa chùn chụt. Bát cơm chị mới cho vào miệng vài miếng, ngoài cổng nhà chị vang rền động cơ ô tô rú ga lên dốc. Xe đồ xịch vào sân nhà. Từ trong bụng xe, các anh Công an lặng lẽ khiêng cáng lên nhà. Chị rụng rời, mắt nổ hoa cà hoa cải. Anh Khiết chống chị nằm trên cáng. Bộ quân phục loang lổ than tro thẫm màu máu.

Giọng trầm buồn, rưng rưng của đồng chí Phó Giám đốc Công an tỉnh: Đại úy Đặng Hoàng Khiết, trong khi thực thi nhiệm vụ giúp dân dập lửa cứu rừng, đã anh dũng hy sinh. Quà bom cam từ thời chiến tranh, gặp lửa nung nóng phát nổ. Sự ra đi đột ngột của đồng chí Khiết là tổn thất lớn của gia đình và toàn ngành Công an...

Đất trời chao đảo, quay cuồng. Chị gào lên đau đớn tuyệt vọng, vật vờ bất tỉnh...

Không biết chị ngất đi bao nhiêu lâu. Tiếng chuông trống thanh la cùng nước mắt của thằng con bò trên người, lời chị rời cõi mẹ lú về thực tại.

Sáng hôm sau, đồng đội làm lễ truy điệu chống chị. Bà con dân bản gần xa đến chia buồn, đưa linh cữu anh vào Nghĩa trang liệt sĩ xã nhà. Đoàn người kéo dài mãi. Mắt ai cũng hoe đỏ tiếc thương...

Bỗng, trời nổi dông gió. Mặt trời vừa mới dấy đỏ nắng lửa xuống núi rừng làng bản, giờ chúi vào núi. Mây đen kéo về ùn ùn, lửa trời ầm ầm inh oang chớp lóá... mưa như thác ào ạt trút xuống sau bao ngày hạn hán. Mưa quăng quật tới bờ. Nước mưa loang loáng màu đỏ. Mưa dai dẳng hàng tuần chưa ngưng. Nước suối Nậm Na réo ầm ầm, đục ngầu đỏ như máu...

Đêm mênh mang vội vội.

Chị thao thức trên giường rộng thênh, trần trọc nghe gió thổi, sương rơi. Chị áp mặt vào chiếc áo quần phục của anh hít hà. Hơn hai chục năm nay chị vẫn làm thế. Thói quen này từ ngày anh hy sinh. Mặc thời gian trôi xa, chị tự vẫn an lòng

“Xin hỏi tôi có vinh dự được gặp ngài Hughie Erskine không?”

Hughie cúi đầu chào.

“Tôi đến thay mặt Nam tước Hausberg”, ông tiếp tục. “Ngài Nam tước...”

“Tôi xin ông hãy thay tôi gửi lời xin lỗi chân thành nhất đến ngài ấy,” Hughie lắp bắp nói.

“Ngài Nam tước,” ông lão mỉm cười nói, “đã ủy thác cho tôi mang đến ngài bức thư này.” Rồi ông đưa ra một phong thư dán kín.

Bên ngoài thư có dòng chữ:

“Quà cưới gửi đến Hughie Erskine và Laura Merton – từ một lão ăn mày già”.

Bên trong là một tấm séc trị giá mười ngàn bảng Anh.

Khí Hughie và Laura làm lễ thành hôn, Alan Trevor là phù rể, còn Nam tước Hausberg đã phát biểu tại tiệc cưới.

“Những người mẩu là triệu phú,” Alan nói, “đã hiếm lắm rồi; nhưng lạ Chúa, triệu phú kiểu mẩu thì còn hiếm hơn nhiều”!■

mình bằng cảm giác, anh vẫn ở đầu đó bên chị, anh chưa đi xa, là anh đang cùng đồng đội đi phá các vụ án trọng điểm đấy thôi, rồi anh sẽ về với mẹ con chị.

Bao năm nay rồi, chiếc tạ đan bằng mây đựng hoa bjoóc mạ khô, chị treo trên vách trong buồng, lặng lẽ tỏa hương. Từ ngày anh đi vào miền vãn du, mỗi năm đến mùa xuân, bjoóc mạ nở vàng rực suốt Nậm Na, chị hái một bông mang về, dâng lên ban thờ anh, xin phép để vào tạ mây. Lần nào mẹ chị cũng bảo: “Ngán à, mầy dâng hoa bjoóc mạ thì hồn vía con rể mề trên ruộng trời ửng bụng nhiều đấy”.

Chị không biết liệu hương linh anh có ứng nghiệm vào hoa không, nhưng sau những mùa bjoóc mạ, chị thờ dài đến gần hai mươi tư mùa hoa trôi. Những bông hoa không héo đi, tươi mãi mãi. Hai mươi tư năm chị vừa làm mẹ, vừa làm cha. Hai mươi tư năm ấy, mẹ chị là chỗ dựa để chị vững vàng trước dông gió cuộc đời đầy cám dỗ, nuôi con trưởng thành.

Mãi mê nghĩ, chị chợt thảng thốt nghe gà gáy. Khấp bấn gần đến bản xa ran ran tiếng gà đưa nhau gọi sáng. Ô! Vậy mà sắp sáng rồi a? Thế là qua một đêm chị thức trắng trong hương bjoóc mạ nồng thơm quán quýt.

Còn chưa đầy chục hôm nữa là ngày giỗ anh Khiết rồi. Hồn vía anh linh thiêng chọn đúng tháng Bảy rồi cõi tạm đi về miền xa thăm. Chị thần thờ nhón chân từ buồng bưng ra giữa nhà, nhẹ nhàng chụm củi vào bếp vuông cho lửa bùng lên. Mắt chị ngân ngấn nhòe nước, ngược lên tấm bảng “Tổ quốc ghi công” treo trang trọng giữa cột nhà chính. Khẽ thở dài buồn rầu, chị nhìn đi ảnh anh trên ban thờ. Trong ánh lửa bập bùng, dường như đôi môi anh đang mỉm cười động viên chị...

Bất chợt, gió heo may tràn vào nhà thổi mái tóc chị bỗng bành bay. Từ trên rừng sau sau vang ngân tiếng chim hót rộn ràng, riu rít gọi mặt trời thức giấc. Trời phía Đông hừng lên rạng hồng sáng rõ■

Biển Hạ Long, ngày 10 tháng 7 năm 2025

1. Velázquez (tên đầy đủ: Diego Rodríguez de Silva y Velázquez, 1599–1660) là một trong những họa sĩ vĩ đại nhất của thời kỳ Baroque và là bậc thầy hội họa Tây Ban Nha thế kỷ 17. Ông nổi tiếng với vai trò là họa sĩ cung đình của vua Philip IV, Tây Ban Nha, và được xem là người đã đưa nghệ thuật chân dung hoàng gia lên một đỉnh cao mới.

2. Rembrandt van Rijn (1606–1669) là một trong những họa sĩ và nghệ sĩ khắc bản (printmaker) vĩ đại nhất của Hà Lan và toàn châu Âu thời kỳ Baroque. Ông được xem là bậc thầy về ánh sáng và bóng tối, cũng như là người thể hiện chiều sâu tâm lý con người một cách độc đáo và đầy nhân văn trong tranh.

3. Guinea là một đơn vị tiền tệ cổ từng được sử dụng ở Vương quốc Anh, có giá trị và ý nghĩa đặc biệt trong lịch sử kinh tế và xã hội nước này. 1 guinea = 21 shillings, trong khi 1 bảng Anh (pound) = 20 shillings. Tức là: 1 guinea = 1 pound + 1 shilling.

4. Sovereign là một loại đồng tiền vàng của Anh quốc, có giá trị và vị thế rất đặc biệt trong lịch sử tiền tệ Anh. Thời thế kỷ 19 (bối cảnh của truyện ngắn này), sovereign là đơn vị tiền tệ bằng vàng thực sự, lưu hành song song với tiền giấy và tiền xu bạc, được dùng trong các giao dịch lớn hoặc làm quà tặng sang trọng.

Mưa đầu mùa

(Tiếp theo trang 28)

... gốc húng chanh ngủ một giấc thì...tách, một giọt nước mát lạnh rơi trúng đầu. Tách... tách... thêm vài giọt nữa. Rồi bỗng... rào... rào, cả bầu trời như đổ ập xuống.

Mỡ giật nẩy mình, phóng khỏi chậu rau, chạy vào trong nhà, lông ướt nhẹp như cái khăn lau bảng. Bống cười to. Mỡ ơi, trận mưa đầu mùa đó. Đã lâu rồi trời mới mưa. Thích quá!

Nhưng Mỡ không thấy vui chút nào. Nó run run núp dưới gầm bàn, liếm lông mãi mà không khô nổi. Mưa ào ào bên ngoài làm mấy cái lá cũng run lên từng chập. Bống lấy khăn lau khô rồi sấy cho Mỡ không nó cảm mát, còn Mỡ thì chỉ thấy lạnh và lo. Rau của tôi, cà chua của tôi, không biết tại nó có sao không nữa. Chắc là cũng giống như mình thôi, sợ lắm!

Sau cơn mưa, bầu trời hửng lên, để lại ánh vàng ươm trên mọi thứ. Bống hí hửng bế Mỡ ra ban công, thì thầm. Đừng lo, ra coi đi. Có điều này hay lắm nè. Mỡ lấm lét thò đầu ra khỏi ngực Bống. Hóa ra, vườn rau của nó vẫn còn nguyên. Chậu không đổ, cây không gãy. Lá cây bóng loáng nước, tươi mát như vừa đi spa về. Đặc biệt nhất là cây cà chua, sau trận mưa, nó như cao thêm một đoạn, thân mập hơn, lá xanh đậm hơn. Mỡ hít hà một cái, ngạc nhiên. Ồ, thơm ghê. Thơm kiểu trong veo ấy. Bống mỉm cười. Đây thấy chưa? Mưa không chỉ để ướt đầu. Mưa làm đất tơi hơn, lá xanh hơn, cây lớn nhanh hơn nữa.

Cô bé ngồi xuống, thì thầm. Có những thứ, chỉ sau một cơn mưa mới xuất hiện. Như lá mới. Như hương thơm. Như hoa. Mỡ thấy không, chúng chỉ lớn lên được sau một cơn mưa. Cây cần nước. Người cũng vậy. Có lúc mình cần những điều không dễ chịu lắm, để trưởng thành.

Tối đó, Mỡ nằm trên bậu cửa, mắt nhìn ra ngoài trời nhớ tới mấy lời Bống vu vơ. Nó nhớ tới cảm giác ướt nhẹp, lạnh buốt, nhưng cũng nhớ ánh nắng lấp lánh sau mưa, những giọt nước đọng trên lá, và cái cách mà cây cà chua vườn mình lớn lên.



Chắc là mưa cũng không xấu như mình tưởng. Mỡ lấm bầm dù chưa hiểu hết, rồi chìm vào giấc ngủ.

Từ hôm ấy, Mỡ bắt đầu biết quan sát bầu trời. Khi mây kéo về, Mỡ không còn vội trốn nữa. Mỡ ngồi bên cửa kính, im lặng chờ đợi, mặc dù vẫn hơi sợ nước, nhưng khi hạt mưa đầu tiên rơi xuống, nó chỉ khẽ co mình lại một thoáng. Rồi nó khoan thai bước ra ban công, đứng chỗ hôm trước, để xem cây của mình thế nào.

Thật kỳ lạ, càng nhiều mưa, cây càng xanh. Càng xanh, mùi rau càng thơm. Mỡ thích hít hà mùi đất ướt, ngửi lá bạc hà ướt sũng như lá thơm mới nấu canh. Một lần, Bống hỏi. Mỡ không sợ mưa nữa à? Nó lắc đầu. Không. Mưa làm ướt, nhưng mưa cũng giúp cây sống. Tôi cũng phải học cách chịu ướt một chút, để thấy mùi thơm ấy mà. Bống ngạc nhiên. Vậy là Mỡ học được bài học rồi hả?

Mỡ ve vẩy chiếc đuôi nhỏ. Trong lòng nó vừa lặng lẽ nhen lên một suy nghĩ mới toanh. Mưa không làm cây héo. Mưa làm cây vững hơn. Lá không rách, mà dẻo dai hơn. Thân không gãy, mà cứng cáp hơn. Rễ không trôi, mà bám sâu hơn vào lòng đất. Hóa ra, không phải điều gì ướt át, lạnh buốt cũng là đáng sợ. Có những cơn mưa, là để cây lớn. Và có những điều không dễ chịu, là để mình mạnh mẽ, dịu dàng hơn. Thở ra một hơi thật sáng khoái, rồi ngáp một cái thật dài, như thể Mỡ vừa hiểu thêm một chuyện rất quan trọng mà không cần phải nói ra. Giờ thì Mỡ đã hiểu hết rồi.

Mỡ oiiii...! Cà chua ra bóng rồi nè. Bống vừa mở cửa ra liến reo lên vui sướng. Mỡ nhảy bật dậy, phóng ra lạ làng. Thật đó. Như một món quà bé nhỏ sau chuỗi ngày chờ đợi. Mỡ trâm trỏ, thật kia giữa nhánh cây xanh, một bông hoa vàng nhỏ xíu, tròn như cái nút áo, vừa mới nở ra. Bên cạnh còn vài cái nụ nhỏ nữa, như đang chuẩn bị vươn lên nhìn nắng.

"Thề là tui thấy cái cây rung rung. Chắc tại gió. Mà cũng có thể là nó đang cười". Mỡ giật mình, lắc đầu ra vẻ không phải cho lắm, chỉ là lỡ miệng bật ra thành tiếng thôi. Bống nhìn chăm chú, mắt long lanh, cười khi khi khi nghe Mỡ nói, vẻ chả mấy tin lắm. Chúng mình đã chờ rất lâu cho khoảnh khắc này.

Bống bước lại gần cây cà chua một cách cẩn thận, chạm nhẹ mũi vào bông hoa bé xíu. Mùi thơm rất dịu. Nhẹ như lời cảm ơn. Cảm ơn cơn mưa, vì đã tưới giùm vườn cây của Mỡ. Cảm ơn vì đã dạy mình biết chờ đợi. Mình còn biết rằng, có những điều tốt đẹp đến trong hình hài ướt át và lạnh lẽo.

Ghi chú trong Nhật ký của Mỡ – Sau trận mưa đầu mùa:

“Mưa đầu mùa làm mình ướt, nhưng cũng làm cây cao thêm một chút. Có những điều tưởng chừng khó chịu, hóa ra lại là cách dịu dàng nhất mà đất trời giúp mình lớn lên”■

Vi Hồng...

(Tiếp theo trang 30)

...đường nữa. Lí do cô đến gặp tôi vì tôi cũng là người viết văn, cô đến trò chuyện với tôi là để đỡ... nhớ anh Vi Hồng. Trời ơi! Vậy mà tôi đã tưởng bỏ. Sao cái số ông Vi Hồng này lại đào hoa đến thế cơ chứ. Cho đến tận ngày từ giờ cõi đời, Vi Hồng vẫn không hề hay biết chuyện này (do giữ lời hứa với cô giáo trẻ nọ nên tôi chưa dám một lần kể lại với Vi Hồng).

Trong đời văn của Vi Hồng có một khúc quanh đáng chú ý. Trong loạt tiểu thuyết của anh ra đời sau thời kì Đổi Mới như: Gã ngược đời (1990), Người trong ống (1990), Ái tình và kẻ hành khất (1993), Tháng năm biết nói (1994, in lại

2008), Đi tìm giầu sang (1995)... thì truyện kí (cũng có người cho là tự truyện) Đường về với mẹ chữ (1998)... đã bộc lộ một lối viết có sự đổi mới về thi pháp. Những yếu tố siêu nhiên, kì ảo, được nhà văn đưa vào tác phẩm, ít nhiều hoặc bước đầu mang dấu ấn của chủ nghĩa hiện thực huyền ảo Mỹ latinh. Có lẽ chính vì thế mà với tác phẩm bình dị như vậy ông đã đoạt giải Nhất trong cuộc vận động sáng tác của Nhà xuất bản Kim Đồng năm 1997.

Có người cho rằng văn chương của Vi Hồng hay “chọc ngoáy” nên không được thiện cảm của giới lãnh đạo. Điều này hoàn toàn không đúng. Chính đồng chí Nông Đức Mạnh hồi còn làm Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái đã can thiệp, giúp đỡ để vợ Vi Hồng chuyển công tác từ Cao Bằng về Bắc Thái. Khi Vi Hồng trọng bệnh, đồng chí Bí thư

Tỉnh ủy Nguyễn Ngô Hai đã hai lần cùng tôi đến tận nhà Vi Hồng để thăm hỏi động viên. Ngày Vi Hồng từ trần, lễ tang anh, từ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân đến các ban ngành trong tỉnh đều đến phúng viếng rất trang trọng.

Năm 2012, Vi Hồng được trao Giải thưởng Nhà nước với 2 tác phẩm tiểu thuyết “Đất bằng” và “Đường về với mẹ chữ”. Tuy chỉ là truy tặng, nhưng đó là niềm tự hào không chỉ riêng anh và gia đình mà còn là niềm vui của tất cả những người cầm bút ở Thái Nguyên. Những người bạn tâm giao của anh đều hiểu rằng, giải thưởng này, vinh dự này, không chỉ là trao tặng cho những tác phẩm mà còn trao cho anh vì một tinh thần sáng tạo quên mình của một nhà văn đã vượt qua bao chông gai, gian khổ của đời người để đến với văn chương■



NGUYỄN GIA BẦY

Cần tôn trọng đúng giá trị lịch sử và văn hóa

(Góp ý từ không gian trưng bày tượng “Bác Hồ với thiếu nhi vùng cao” tại Bảo tàng Văn hóa các Dân tộc Việt Nam)

Trong không gian trang trọng của Bảo tàng Văn hóa các Dân tộc Việt Nam, đặc biệt là tại tầng một của bảo tàng, một tác phẩm điêu khắc đặc biệt đã được đặt ở trung tâm: Tượng “Bác Hồ với thiếu nhi vùng cao” của nhà điêu khắc Hứa Tử Hoài. Đây là một tác phẩm nghệ thuật tinh tế, với hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và trẻ em người dân tộc thiểu số, biểu thị tình yêu thương vô bờ mà Người dành cho thế hệ măng non, đặc biệt là các em ở vùng cao.

Tuy nhiên, trong khi tác phẩm này mang một giá trị sâu sắc về mặt nghệ thuật và tư tưởng, không gian trưng bày xung quanh lại khiến nhiều người, trong đó có các nghệ sĩ, các nhà bảo tàng, và công chúng, phải suy nghĩ và lo ngại. Cách bài trí tượng quanh tác phẩm đã bị “dân gian hóa” quá mức, gây hiểu lầm về bản chất và ý nghĩa biểu tượng của tác phẩm. Đây là một vấn đề cần được nhìn nhận và giải quyết một cách thấu đáo.

Một “điện thờ” giữa lòng bảo tàng

Khi bước vào không gian này, không ít du khách, cả trong và ngoài nước, có thể bị lạc lối trong ấn tượng rằng mình đang vào một nơi thờ tự. Một bàn thờ lớn, trên đó là bát hương, hoa lễ, mâm ngũ quả, lọ hoa sen nhựa và nhiều vật phẩm cúng bái khác tất cả được bày biện một cách khá sắc sảo. Đáng tiếc, không có bất kỳ lời giải thích hay hướng dẫn nào đi kèm, khiến du khách lầm tưởng

rằng đây là một không gian thờ cúng, nơi họ phải hành lễ.

Điều này đặt ra một câu hỏi quan trọng: Bảo tàng nơi trưng bày và giáo dục các giá trị lịch sử, văn hóa có nên trở thành một không gian thờ cúng như vậy?

Khi đặt một bát hương hay một bàn thờ dưới chân tượng, chúng ta đã vô tình làm sai lệch đi bản chất của tác phẩm, biến nó từ một biểu tượng văn hóa, nghệ thuật thành một điểm thờ cúng dân gian. Điều này không chỉ sai về mặt nguyên lý bảo tàng mà còn khiến thông điệp tư tưởng mà tác phẩm muốn truyền tải bị hiểu lầm.

Góp ý nhiều lần vẫn không thay đổi

Dù nhiều lần góp ý về vấn đề này, qua báo chí, trong các cuộc hội thảo, và thậm chí là trao đổi trực tiếp với các lãnh đạo của Bảo tàng, nhưng sau mỗi lần thay đổi, không gian xung quanh tượng lại trở về hình thức bài trí cũ, thậm chí còn phong phú hơn với nhiều vật phẩm sắc sảo. Trước đó, vào năm 2022, khi Hội đồng Nghệ thuật của Hội Mỹ thuật Việt Nam đến Thái Nguyên công tác, khi tham quan và trao đổi về vấn đề này. Tất cả các thành viên đều có chung một nhận xét: Việc đặt bàn thờ trước tượng Bác là không phù hợp. Nhưng đến nay, tình trạng này vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Thiết nghĩ lãnh đạo ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên; Ban Giám đốc Bảo tàng Văn hóa các Dân tộc Việt Nam; các nhà quản lý và cán bộ chuyên trách



Tượng Bác Hồ với thiếu nhi vùng cao tại Bảo tàng Văn hóa các Dân tộc Việt Nam

về trưng bày bảo tàng cần nhìn nhận lại không gian trưng bày quanh tượng Bác một cách khách quan, tôn trọng giá trị nghệ thuật và văn hóa của tác phẩm. Không thể tiếp tục áp đặt những thói quen dân gian vào không gian bảo tàng quốc gia, nơi đón tiếp hàng trăm nghìn lượt khách mỗi năm.

Chúng ta có thể tưởng nhớ Bác Hồ qua nhiều hình thức khác nhau nhưng không thể “thờ cúng” Bác trong bảo tàng bằng cách dựng lên một bàn thờ tùy tiện như hiện nay.

Trả lại sự trong sáng cho một biểu tượng

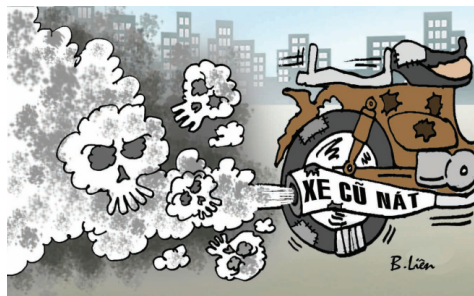
Tượng “Bác Hồ với thiếu nhi vùng cao” là một biểu tượng văn hóa, một tác phẩm nghệ thuật, và cũng là một nguồn cảm hứng đạo đức sâu

sắc. Chính vì vậy, chúng ta cần bảo vệ và phát huy giá trị thực sự của tác phẩm, để mỗi lần nhìn vào bức tượng, công chúng có thể hiểu đúng về tình yêu thương của Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho thiếu nhi, đặc biệt là thiếu nhi dân tộc thiểu số vùng cao. Không gian bảo tàng cần phải là nơi học hỏi, chiêm nghiệm và khai sáng, không phải nơi để lập “điện thờ” nhân danh lòng tôn kính.

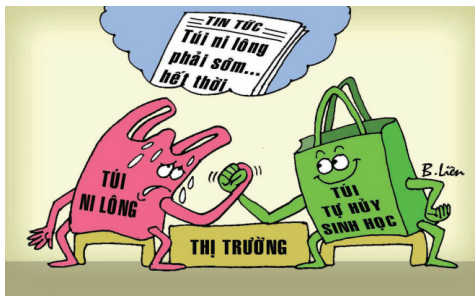
Lòng tôn kính là điều thiêng liêng, nhưng tôn kính đúng cách mới là văn hóa. Đó chính là cách để chúng ta bảo vệ và phát huy những giá trị lịch sử, văn hóa mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc.

Ngày 30/6/2025

GÓC BIỂM HỌA



Tranh: Bạch Liên





Tiếng Tính quê hương.
Ảnh: QUỐC KHÁNH



Tỏ tình. Tranh acrylic: TRẦN NGỌC KIÊN